

Sưu Gồm 15702/1973

Chau

VĂN HÓA TÙNG THƯ SỐ 51

GIA-ĐÌNH THÀNH THÔNG-CHÍ

Tác giả : TRỊNH-HOÀI-ĐỨC

Dịch giả : Tu Trai NGUYỄN-TẠO

Duyệt giả : NGUYỄN-ĐÌNH-DIỆM
BÙU-CÀM
NGUYỄN-TRIỆU

TẬP HẠ

QUYỀN IV, V & VI

(Có in kèm nguyên tác bằng Hán-văn)

NHA VĂN HÓA
PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA
xuất bản

1972

MỤC LỤC

	TRANG
1. — Phong-tục chí	3
2. — Năm trấn	19
3. — Sản-vật chí	27
4. — Trấn Hà-tiên	37
5. — Thổ-sản linh tinh	39
6. — Loại quả	55
7. — Thành-trị chí	73
8. — Trấn Phiên-an	83
9. — Trấn Biên-hòa	103
10. — Trấn Định-tường	119
11. — Trấn Vĩnh-thanh	123
12. — Trấn Hà-Tiên	129

Từ nhà kho Quán Ven Đường

GIA-ĐÌNH THÀNH THÔNG-CHÍ

QUYỂN IV

[1a] PHONG-TỤC CHÍ

Phương nam thuộc Ly-hỏa (1) có hiện điềm văn minh, vậy nên kẻ sĩ hay chuộng điều tiết nghĩa, chuyên môn về lý học, dân tục chuyên nghề canh nông, khung cửi. Nhưng địa giới lại thuộc về khu vực sao Dương-châu. Dương nghĩa là phát dương, tánh khí bông bột, hoặc khiếm khuyết về hành động (nông nổi, không đảm thắm); mà phong hóa tốt hay xấu, tập tục hậu hay bạc thì lại tùy theo thời thế địa cuộc hoặc có thay đổi khác nhau.

Mùng nay Thánh Thiên-tử có đức lớn tác thành, nhân sâu dưỡng dục, nghĩ đến Gia-định là cơ sở của nhà vua hưng phục bồi dưỡng, nên chuẩn định chế độ, ban bố luật điều, đặt huyện-quan để dạy bảo quyết đoán cho công bình, ủy trấn quan để tuyên dương, hiệu-tập cho dân yên ổn. Lại đặt quan đốc-học để dạy dỗ cho dân thành tài, và khiến quan tổng-trấn lấy tiết chế võ về nhân dân [1b], khiến nơi lều tranh ngõ hẻm cũng bước lên cảnh xuân đài hóa nhật (2) bỏ thói xấu mà hóa theo mỹ tục thuần phong. Ôi, đã tốt đẹp lắm vậy !

(1) Ly là 1 trong 8 quẻ : Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài. Quẻ Ly thuộc phương nam, mà phương nam là thuộc hỏa, nên gọi Ly hỏa.


(2) Xuân-dài hóa nhật là nói cảnh trị thái bình vui vẻ

Phong tục toàn thành : theo sách Chu-lễ, chức phương-thị (chức quan coi việc thiên hạ cống hiến) nói : địa hạt phía đông-nam, dân số 5 người gái thì chỉ có 2 người trai, địa khí thì âm ít mà dương nhiều, trong thân người thờ thịt thừa loài chim muông ít lông, tánh ưa khí nắng.

Gia-định ở Nam-Việt, đất rộng vật thực nhiều, không lo sự đói rét, nên nhân dân ít súc tích, tập tục xa hoa, sĩ khí hiên ngang, ở khắp bốn phương, mỗi nhà đều riêng phong tục.

Đất thuộc Dương-châu, gần mặt trời, thiên khí phấn phát, trung chánh, văn minh. Nên con người hay chuộng tiết nghĩa, học sách Ngũ-kinh, Tứ-thư, Thông-giám, tinh hiểu nghĩa lý, lúc đầu trung hưng (triều Nguyễn) đặt chức đốc-học, ban bố học qui, mở khoa thi, lối học cử nghiệp phát khởi, từ đây lý-học cùng văn-chương đều thành hành tốt đẹp, mà văn-phong mới trời dậy.

Gia-định ở về địa vị Dương-minh (phương nam), nhiều người trung dũng khí tiết, trọng nghĩa khinh tài, dù hàng phụ, nữ cũng thế, [2a] có nhiều giai nhân mỹ nữ, mà trong hạng người giàu sang, trường thọ khôn khéo cũng có xuất hiện tên tuổi của giới phụ nữ. Họ hay chuộng đạo Phật, tin việc đồng bóng, kính trọng nữ thần, như : bà Chúa-ngọc, bà Chúa-động (quen gọi người phụ nhân tôn quý bằng bà), bà Hỏa-tinh, bà Thủy-long, và cô Hồng, cô Hạnh v.v... Như vậy là có ý nghĩa dụng sự theo hào âm của quẻ Ly (1) vậy. Lại thờ thần Táo, ở 2 bên tả hữu vẽ 2 hình người nam, ở giữa vẽ 1 hình người nữ, cũng tượng trưng là quẻ Ly-hỏa, ngụ ý 1 hào âm, ở giữa 2 hào dương làm chủ.

(1) Quẻ Ly  hào âm (— —) nằm giữa, 2 hào dương (—) nằm trên và dưới,

Ngày xưa chỉ dùng xương gà để chiêm nghiệm, nay thì dùng cỗ thi, mu rùa, các khoa học như nhâm độn, y (thầy thuốc) bốc (thầy bói) thuật số (thầy số) tinh lịch (thầy coi ngày giờ) và địa lý (thầy địa) đều tinh thông.

Phong tục gồm đủ lễ : quan, hôn, tang, tế ; hôn lễ tuy chắc bằng ở mai mối mà định duyên, nhưng thường dùng cau trầu làm trọng, làm đủ 6 lễ (1) chỉ có nhà kẻ sĩ mà thôi, lại có tục đến nhà gái làm rể trước rồi sau mới cưới, có nhà phải chấp thể ruộng đất trầu bò để chi tiêu vào việc giá thú. Về tang tế hay dùng gia lễ Văn-công (2) và nghi tiết Khâu-thị (3), [2b] lại hay dùng nhạc. Đồ tang phục dùng tơ lụa sắc xanh hoặc sắc đen, chính như Tô-đông-Pha (4) nói : chuông trống không phân được việc buồn vui, áo khăn khó định được người lành dữ. Nay thì cử hành theo luật lệ mà biến đổi cả phong tục, khiến người trong nước đều có lễ nghĩa vậy.

Lại có tục ở tang theo đạo Phật, cúng cơm chay 49 ngày mới thôi, đám ma thì sắm rượu thịt cỗ bàn tử tế để đãi tân khách đến phúng điếu tống táng, và tin theo nhà địa lý, định quan tài cách năm, để đi tìm đất, nay đã có lĩnh nghiêm cấm, tục ấy đổi bỏ cả rồi.

Gia-đình là cõi phía nam nước Việt, khi mới khai thác, thì có lưu-dân nước ta, cùng Đường-nhân. Tục xưng người Thanh

(1) 6 lễ : nạp thái, văn danh, nạp cát, nạp trung, thỉnh kỳ, định thân.

(2) Văn-công : họ Châu tên Hy, tự Nguyên-Hối ở Vụ-nguyên, người đời Tống (Trung-hoa).

(3) Khâu-thị : có lẽ là Khâu-Tuấn người ở Quỳnh-son, đời Tống, giòng dõi Thái-công-Vọng.

(4) Tô-đông-Pha : tên là Thức tự Tử-Thiệm, người ở My-son, đời Tống.

là Đường-nhân, cũng như người tứ-di (rợ ở bốn phương) gọi người Trung-quốc là Hán-nhân, người Hán đây không phải là giòng dõi họ Lưu (1), người Đường đây cũng không phải là giòng dõi họ Lý (2). Sách «Quảng Đông-thư» lại lấy chữ Đường ấy làm Đường Ngu (3), ấy là lời khoa trương. Người Tây-dương (các nước phương Tây như Phú-lăng-sa, Hồng-mao Mã-cao, đều gọi là Tây-dương [3a]) Cao-miên, Đờ-bà (Phàm giống người ở bề ở núi theo đạo Bái-Nhật (lạy mặt trời) ở trong 36 cửa bể Mãn-thích-Gia đều gọi là Đờ-bà) những người các nước ấy đến kiêu-ngu đông đảo chung lộn, mà y phục khi dung đều theo quốc-hóa của họ. Duy có người Việt ta noi theo tục cũ Giao-chỉ : người quan chức thi đội khăn cao-sơn, mặc áo phi phong, mang dày bì đà, hạng sĩ thứ thi bới tóc, đi chân trần, con trai con gái đều mặc áo vắn tay bâu thẳng, may kín hai nách, không có quần, con trai dùng 1 miếng vải buộc từ sau lưng thẳng đến dưới háng quanh lên đến rún, gọi là cái khố, con gái có người không mặc váy, đội nón lớn, hút điếu bình, ở nhà thấp, trải chiếu ngồi dưới đất, không có bàn ghế. Năm Mậu-ngọ (1738) Thế-tôn Hiếu-võ Hoàng-đế định lại sắc phục, các quan văn võ chằm chước theo chế độ của đời Hán Đường, đến Đại-minh thì hình thức mới chế như phẩm phục quan-chế ngày nay đã ban hành theo trong Hội-diễn, gồm đủ cả văn chất (4). Còn y-phục gia-thất khi-dụng của hàng sĩ thứ đại lược như thể chế đời Minh, [3b] bỏ hết tục xấu ở Bắc-hà mà làm một nước y quan văn hiến vậy.

(1) Vua Cao-tò nhà Hán họ Lưu tên Quý.

(2) Vua Cao-tò nhà Đường họ Lý tên Uyên.

(3) Đường Ngu là đời vua Nghiêu vua Thuấn.

(4) Văn là văn hoa.

TIẾT CUỐI NĂM Ở NÔNG-NAI

Đêm 28 tháng chạp, Na-nhân (tục danh nậu-sắc-bùa) đánh trống gõ phách, một bọn 15 người đi theo dọc đường, trông nhà hào phú nào mở cửa ngõ thì vào dán lá bùa nơi cửa, niệm thần-chú, rồi nổi trống phách lên, ca xướng những lời chúc mừng, người chủ nhà dùng cỗ bàn chè rượu khoản đãi và gởi tiền thưởng tạ, xong nhà này lại qua nhà khác, cũng làm như vậy, cho đến chiều buổi trừ-tịch mới thôi, ấy là có ý đuổi tà tống ma, trừ cũ rước mới vậy.

Bữa trừ-trịch (tức ngày cuối năm) mọi nhà ở trước cửa lớn đều dựng 1 cây tre, trên buộc cái giỏ bằng tre, trong giỏ đựng trầu cau vôi, ở bên giỏ có treo giấy vàng bạc, gọi là «lên nêu». Việc này không thể khảo cứu nguyên do từ đâu, mà có thuyết nói đó là chia ra 3 giới thống trị, [4a] ấy là thuyết hoang đường không nên tin, nhưng suy ngẫm ý làm như vậy, cũng như ở Trung-quốc ngày đầu năm đốt pháo tre, treo bùa đào, ngày mùng 5 tháng 5 treo lá ngải, lá xương-bồ vậy. Có ý nghĩa là để làm tiêu biểu cho năm mới mà tẩy trừ những việc xấu xa trong năm cũ. Ngày 7 tháng giêng triệt-hạ, gọi là «hạ nêu», phạm những khoản vay mượn thiếu thốn trong tiết ấy không được đòi hỏi, đợi ngày hạ nêu rồi mới được đòi hỏi.

Phong tục thường đến cuối năm may sắm áo quần mới tốt sạch sẽ, trong nhà dán câu liên mới, sắp đặt ghế án, trang sức bàn thờ tổ tiên, có những vật gì tốt đẹp đều đem ra khoe diện, dạy bảo con em phạm việc phung sự nên cẩn thận, bắt đầu giờ Dần ngày Nguyên-đán phải dầy thắp hương đèn, và dâng nước trà lễ bái tiên tổ, rồi lại bái người tôn-trưởng, chúc tụng phước lành tân-xuân phú-thọ, và đặt cỗ bàn

dâng lên tiên tổ, [4b] mỗi ngày 2 lần sớm và chiều, cũng như cái lễ phụng sự khi còn sống vậy, phàm những quả phẩm bánh mứt, tất cả thực vật đều đem phò bầy, đến ngày mùng 3 đưa thần, gọi là «đệ-tiên» lễ dùng đồ tự-khi dán giấy như đồ hàng mã đem đốt và đốt pháo tống tiễn, lại có thứ pháo đồng, pháo thiếc tiếng nổ vang rền rùng núi không dứt. Lại uống rượu hồng, ăn bánh nếp trong ngày ấy nữa. Xét lễ cúng ngày Nguyên-đán tuy sách lễ không chép, nhưng đó cũng là hậu-đạo không hại đến nghĩa-lý, hạng sĩ-phu tuân phụng điển lễ quốc gia, tùy theo chức phận của mình đáng làm, kính cẩn vâng theo, không tự tiện biến đổi; trừ ngoại những việc phải chiếu theo điều kiện điển lễ, còn có những việc thất-lễ như: tục truyền ngày mùng 3 là ngày của quan tiên chân tiên tổ, thì hạng thứ-dân không được làm trong ngày ấy, để tránh cho tiên tổ ở cảnh u-minh khỏi bị việc cầu thúc bắt đi khiêng gánh những đồ vật công, [5a] vì thế phải đợi đến ngày 5 ngày 7 mới được, mà mỗi ngày chỉ dùng vật cũ để cúng. Đó là sự sai lầm quái đản, khinh lờn tế lễ, vậy nên tuân theo quốc-điển đến ngày 3 làm lễ tống tiễn là phải, còn những việc ngoa-truyền quấy quá, thì nên tham chức lễ nghi mà đổi bỏ đi.

Tiết Nguyên-đán ở Gia-định có cuộc chơi đánh đu, nhưng khác với đu ở Trung-hoa. Cách làm đu: cột tre làm trụ ở 2 bên tả hữu 3 vòng tròn, giữa chỗ đánh đu qua lại, thì 2 bên tả hữu trước sau chia trồng 6 cây trụ tre cách rộng ra, trên đầu trụ buộc chùm lại cho chặt chẽ, gác ngang ở giữa một cây tròn, xâu 2 cái lộc-lư (rồng rộc) tiếp liền với 2 can tre dài gần đến đất, lượm chừng cho người leo lên được, đầu dưới 2 can tre gác ngang 1 miếng ván để làm chỗ đứng, 1 người leo lên 2 tay cầm 2 can tre 2 bên, uốn mình nhóm lên phực xuống đưa đu

lui tới giữa không trung [5b] làm như vậy gọi là đánh đu. Cuộc chơi ấy có người hiểu sự, treo những khăn, quạt, tiền bạc để làm giải thưởng, ai đu lên cao đến chỗ treo giải thưởng ấy, le tay lấy được, khoe tài là xuất chúng, nếu rủi buột tay ngã xuống thì bị trọng thương. Vậy thì việc treo thưởng ấy không nên làm nữa. Lại có đôi khi 2 người hoặc 3,4 người đồng đu 1 lượt, nhưng trai thì đồng đu với trai, gái thì đồng đu với gái, chứ trai gái không đu chung với nhau.

Lại có cuộc chơi vân-xa thu-tiên (tục gọi đánh đu tiên). cách thức : 2 bên trồng 2 trụ cao, gác ngang một bánh xe bằng gỗ trong có cái trục cũng bằng gỗ mà xoay chuyển hoạt động, gác lên 2 trụ ấy như bánh xe nước vậy. Trong bánh xe chia đặt 8 miếng ván để làm chỗ ngồi, mỗi chỗ có đặt cái ròng rọc, rồi 8 người phụ nữ trang sức yêu kiều, y phục mới tốt, lên ngồi theo thứ tự 8 miếng ván trong bánh xe, đầu tiên mượn người đứng bên xây bánh xe cho chạy tròn, rồi tiếp theo người ngồi trên xe mà phía gần dưới đất lấy chân dụng lực đạp mạnh trên đất cho xe xoay chuyển mau chóng, [6a] trông thấy y phục phi phất như bầy tiên bay múa trong mây núi rất đẹp mắt, cuộc chơi này khởi sự buổi mai Nguyên-đán cho đến đêm rằm tháng giêng mới thôi. Có cuộc chơi trồng 2 cây trụ, trên gác ngang một cái cây tròn, vắt cái dây thật bền dẻo lên trên cây ấy, dây ấy một đầu buộc 1 cây vắn, một đầu thả thông xuống, người chơi đứng trên cái cây vắn ấy rút thẳng mỗi dây cho ngay theo mình, 2 tay cầm đầu dây thả thông ấy dụng lực thâu rút mỗi dây xuống cho thân người nổi lần lên cao, hơi nhòai ở giữa không trung, để làm trò chơi vui (tục danh là đu rút). Có cuộc chơi nữa, trồng 1 trụ vắn ở giữa, bề cao đến rún, đầu cây trên dẻo nhỏ làm cái nõ, lại dùng một cái cây dài 6, 7 thước, tròn 7, 8 tấc, chính giữa cây khoét một cái

lỗ, sâu vào nửa thân cây, gác ngang trên nõ cây trụ, nõ trụ và cái lỗ giữa cây gác ngang ấy cho tương đương nhau (cho vừa nhau) rồi 2 người trai mỗi người chia ngồi mỗi đầu cây đối diện nhau, 2 tay cầm giữ lấy đầu cây, 2 chân nhún đạp lên xuống xoay chuyển, khi thuận khi nghịch, để chơi cho vui (tục danh là đu đàn-xay), cũng có đào lỗ đất để các giải thưởng dưới lỗ; [6b] đôi khi người ngồi trên đầu nõ có lực lượng dụng lực đè mạnh xuống, khiến người ngồi đầu kia vồng lên trên cao vót, không chõ đạp chân, rồi tự chơi voi nghiêng ngã để giỡn chơi, nhiều khi bị tổn-thương. Hai việc chơi trên đây rất là bỉ lậu nguy hiểm, không phải là việc du hí phong lưu.

Ngày Nguyên-đán cúng tổ tiên, có người trần thiết cây mía đủ cả gốc ngọn, và đủ cả các loại quả-phẩm thực-vật, tục truyền rằng cây mía là để cho tổ tiên dùng làm cây gậy chống đi khi già yếu, đến nỗi có người quê mùa lấy việc ấy chứng làm văn từ, rất là sai lầm đáng chê cười lắm vậy.

Ngày Nguyên-đán bắt kê là kê qui tiện người lớn nhỏ, đều no say vui sướng chơi bời, tuy người hạ tiện trong thôn dã cũng có lễ nhượng khả quan, từ ngày dựng nêu trở đi, nhà nào cũng đều đua tranh cờ bạc và có trăm thức chơi, phép không ngăn cấm, đến ngày hạ nêu mới thôi.

Các tiết Đoan-dương, Thất-tịch, Trung-thu, và Trùng-cửu, nhiều chỗ theo chế-độ Trung-hoa.

Tế xã : mỗi làng có dựng 1 ngôi đình, kỳ tế phải trước lựa ngày tốt, đến buổi chiều ngày ấy lớn nhỏ đều nhóm tại đình, suốt đêm ấy gọi là túc-yết sáng sớm ngày mai [7a] áo mào trống chiêng làm lễ chính-tế, ngày sau nữa làm lễ dịch-tế, gọi là đại-đoàn, lễ xong lui về. Dùng ngày giờ cúng tế tùy

theo hương-tục không đồng nhau, hoặc chỗ dùng tháng giêng là thủ nghĩa Xuân-kỳ (1), hoặc chỗ dùng tháng 8,9 là thủ nghĩa thu-báo (2), hoặc chỗ dùng trong 3 tháng mùa đông, thủ nghĩa là trọn năm thành công, tế chung tế lập là đáp tạ ơn thần, sự tế có chủ ý, đều gọi là Cầu-an. Ngoài hương lệ, tọa thứ có nghi tiết thứ tự đều nhượng cho vị hương quan ngồi trên, hoặc làng nào có người học thức làm theo lễ «Hương-âm-tửu» (3), giảng quốc luật và hương-ước, ấy gọi là làng có phong tục tốt. Đồng thời trong ngày ấy xét sổ sách trong làng coi một năm ấy thâu nạp thuế khóa, diều dịch, lúa tiền dư thiếu thế nào, nông-diền được mất thế nào, giữa hội đồng trình bày tính toán; cùng bầu cử người chức-sự coi làm việc làng cũng bàn giao trong ngày ấy.

[7b] Ở Gia-định tháng cuối năm thường lo tỉnh táo bởi đắp phần mộ tổ tiên, việc ấy là vàng theo quốc-diền, bởi vì gần tiết Nguyên-đán, nhà cửa mọi người còn ưng chính sức cho đàng hoàng, hưởng chi lễ con cháu thờ người chết cũng như thờ người sống, đâu có lễ ngồi coi cây cỏ rậm rạp, mà mờ khuyết lỗ mà không đắp sửa giầy dọn. Tuy đời xưa không có lễ tế mộ, nhưng lễ là do nghĩa đặt ra, xem ở Trung-hoa có lễ Thanh-minh tế táo, thì nước ta làm lễ táo-mộ trong tháng chạp cũng rất phải nghĩa.

Ở Gia-định có người khách đến nhà đầu tiên gia chủ dâng trà cau, sau dâng tiếp cơm bánh tiếp đãi trọng hậu,

(1) Xuân kỳ : ngày Xuân làm lễ cầu Thần cho được mùa nông sắp đến.

(2) Thu-báo : mùa thu cúng đáp ơn Thần khi đã thâu hoạch xong.

(3) Hương âm tửu : lệ đòi trước sĩ-tử trường Hương học 3 năm ra trường, phải xét đức hạnh đạo nghệ mà cử lên Triều-đình, khi cả sĩ-tử sắp khởi hành, quan Đại-phu trong làng làm chủ tịch cùng nhau uống rượu, gọi là lễ Hương-âm tửu.

không kể người thân sơ quen lạ tổng tích ở đâu, ắt đều thâu nạp khoản đãi ; cho nên người đi chơi không cần đem tiền gạo theo, mà lại có nhiều người lậu xâu trốn thuế đi đến xứ này ăn núp, bởi vì có chỗ dung dưỡng vậy.

Phong tục có cầu đảo được việc vui mừng đều mở cuộc diễn kỹ (hát xướng), như nhà tên Giáp sắp khởi cuộc hát xướng [8a] ắt trước giết heo phân tống cho những người quen biết, cho biết nhật kỳ mời đến xem hát chơi, gọt là Phiếu lễ, đến ngày tùy tình hậu bạc đem tiền đến làm lễ mừng, coi hát, và ăn uống no say rồi về. Sau người quen biết ấy có mở trường hát cũng đưa phiếu lễ đến tên Giáp, thì Giáp thế nào cũng phải đi, như tên Ất trước đi mừng cho tên Giáp một quan tiền, thì nay tên Giáp phải đi trả lại cho tên Ất gia bội lên 2 quan, sau tên Giáp có việc mừng nữa, thì Ất qua phải gia lên 3 quan, đi qua đi lại cứ gia bội như thế lần đến 100 quan, đến nỗi có người phải cầm thế vay mượn để trả phiếu-lễ ấy, hoặc có người nhà nghèo không báo đáp cho đủ số, thì người làm siêu lễ đến sách vấn, có khi sinh kiện cáo nhau. Tục ấy bị nghiêm cấm nay đã chấm dứt.

Người Tàu (người Quảng-đông) lúc xưa gọi người Gia-định là người xích cước (nghĩa là đi chân không, không mang giày dép) vì từ trước chỉ có quan quyền giàu có [8b] ở thị phố phong lưu mới đi giày tất. Nay thời nhiệm được tục người Trung-hoa, tuy người làm thuê và bọn tùy nữ cũng mang guốc da, giày vải.

Đất Gia-định nhiều sông kinh, cù lao, bãi cát, nên trong 10 người đã có 9 người biết nghề lội bơi chèo thuyền, lại ưa ăn mắm, ngày ăn 3 bữa cơm mà ít khi ăn cháo.

Phong tục nhà có người đẻ thì lấy 1 đoạn củi đã tắt lửa, bẻ cây can buộc củi ngang lại dựng ngay trước cửa, như sinh con trai thì trở đầu củi đã tắt lửa vào trong nhà, sinh con gái thì trở đầu củi ra ngoài ngõ, để làm dấu hiệu ngăn đón những người có vía không tốt : như bị sấm nạn không nuôi con đực, bệnh huyết vừng (xây xẩm), bệnh nhi chằm (tục gọi máu nhà con) và có hung táng v.v. đều không cho vào ; sản phụ nằm trên giường, bên dưới để lửa than đỏ ngày đêm không dứt, lại lấy nồi lửa để chạn hơi trên bụng mỗi ngày 1, 2 lần, ăn những vật cay mặn khô táo, [9a] uống nước thì tùy theo hương tục gia tục hoặc quen dùng thuốc Nam lấy rễ cây vắ nhỏ nấu nước uống thường. Khi đầy tháng ra ngoài thì dùng củ nghệ thoa đầy mình để ngăn gió, giáp tháng làm bánh trôi nước (bánh canh) cúng tạ thần Thập-nhi-Nương (tức 12 bà mẹ) con trai thì sụt lui một ngày, con gái sụt lui 2 ngày làm lễ đầy tháng. Giáp năm làm lễ tời-bàn (tức lễ tời-tôi) y như tục ở Trung-hoa. Chồng người sản phụ không kể quân hay dân đều miễn cho 1 tháng xâu, gọi là «cáo-lợi-thủy», đó cũng là hậu đạo chằm chước cho người bận việc bảo dưỡng vợ con vậy.

Người ở thôn dã, khi có việc thù hiềm nhau thì đến chỗ miếu xưa hoặc chỗ ngã-ba đường chặt cây chuối trồng ngược đầu lại, rồi xé con gà để lên trên, lén đem tên họ của người thù ấy âm thầm đọc phù chú, người bị thù ấy hoặc có khi ngẫu nhiên đau ốm hoặc bị tai ách, ấy là bắt chước theo man tục xấu xa.

[9b] Xưa có bọn vô liêm sĩ, hơi có việc gì cạnh tranh cãi cọ nhau, không kể người kia có dấu ầu mình hay không, liền nằm xuống đất, xé rách áo quần, cào cấu thân thể, rên rỉ kêu la, vu họa cho người để yêu sách phạt tạ, gọi là ngọa họa (nằm vạ), gần đây người Pháp trừng trị, các nơi đều cải cách, —

Người nước ta đều học sách vở Trung-quốc, có quốc-âm hương-ngữ cũng dùng văn-tự trong sách, thanh âm gần nhau thì theo loại mà gia thêm ở bên, như loại kim thì gia thêm chữ kim, loại mộc thì gia thêm chữ mộc, loại ngôn-ngữ thì gia thêm chữ khẩu v.v... phỏng theo phép lục-thơ (1), hoặc giả-tá, hoặc hội-ý hay là hải-thanh (tức là hình-thanh) để chỉ nhận cùng nhau, chứ nguyên không có biệt-dạng văn-tự của bản quốc. Khi viết chữ cũng trải giấy trên bàn gỗ, muốn viết theo 4 cách chữ; chân, thảo, triện, lệ, thì tùy nghi biên viết, cũng có người tay trái cầm giấy, tay mặt cầm bút [10a] cườm tay không dựa dưới chiếu, mà biên mau chóng thành ra bản thảo. Lại cách viết : chấm, ngang phẩy, sỏ chuyển chiết biến hóa không giống như Trung-quốc, bởi vì dùng cho thuận tiện mà thôi, cũng như phép thảo bách gia ở Trung-quốc đều khác nhau cả, không có ý bắt chước nhau, vậy nên việc quan không dùng thức viết thảo ấy.

Đất Gia-định nhiều sông suối cù-lao, nên 10 người đã có người quen việc chèo thuyền, bơi nước, ưa ăn mắm ; có người trong 1 bữa ăn, ăn hết 2 ống mắm, độ hơn 20 cân, để làm trò vui trong khi đố-cuộc nhau. Lại có người hay uống trà Huế : xưa có ông Nguyễn-văn-Thạch đố-cuộc với người về sự uống nước, ông dùng 1 cái vò rồng lớn miệng chứa đầy nước ngọt, tự nấu lấy trà, rót ra bát lớn, uống luôn một hơi, mình ông mặc áo đôi, mồ hôi đổ ướt như tắm, giây lát uống hết nước ấy lấy được tiền cuộc.

[10b] Người nói tiếng Thổ thường hay pha trộn tiếng Tàu, tiếng Cao-man, lóng nghe mà lập lần chỉ biết đại khái,

(1) Lục thơ : 1— chỉ sự, 2— Tượng-hình, 3— Hình-thanh, 4— Hội-ý, 5— Chuyển chú, 6— Giả tá

chớ không phân biệt được rõ ràng. Như quát mả (mua sỉ) thì nói là ngoa ; khi trảm (đổi phỉnh) thì nói là khí ngỗ ; ấp tạ (vái chào khi ra về) thì nói là xá ; phốc tái (đánh nhau) thì nói là bốc choè ; thì (là cái muông mức đồ ăn) thì nói là thưng xỉ ; đối trừ (Khấu trừ) thì nói là tui phiến, truy (bồ ngã) thì nói là xí tui ; thái nghi (?) thì nói là thói kỷ (?) ruột heo thì nói là tư tậu. Cật heo thì nói là tư yếu. ; sọi miễn thì nói là mỳ xọa, ấy là nói theo tiếng của người Quảng-đông. Còn như sang sông thì nói Tầm long ; người chủ sự thì nói là tăng nhạo ; thần ghe thuyền thì nói là thần dục, cái bao nhỏ thì nói là cà giòn ; đối trừ thì nói là gật, ấy là nói theo tiếng Cao-miền. Những tiếng ấy người ở hạt kuác đều không biết, đây lược cử đôi tiếng để nêu sự đặc dị đó thôi (1).

Ở Gia-định chỗ nào cũng có ghe thuyền, hoặc dùng thuyền làm nhà ở hoặc để đi chợ, hay để đi thăm người thân thích, hoặc chở gạo củi đi buôn bán, rất tiện lợi, mà ghe thuyền chạt sông ngày đêm qua lại, sông xuống liên tiếp, [11a] cho nên nhiều khi đụng chạm nhau bị hư hại, rồi sinh ra kiện cáo, 2 bên đều đổ lỗi cho nhau, ai được ai mất, vẫn khó xử đoán cho đắc tình.

Khi ấy viên Điều-khiển tham mưu Đồn-dinh là Nghi-biêu-hầu ra lệnh : phàm ghe thuyền đi bất luận gặp gió nước thuận hay nghịch, khi đi gần gặp nhau thì đều phải hô là «bát». (tục thường ghe đi phía tả gọi là «cạy», đi phía hữu gọi là «bát») thì ghe mình đi qua phía hữu, ghe kia cũng phải đi phía hữu, để cho thuận lái thuận sào dễ điều khiển mà tránh nhau. Nếu ghe

(1) Đoạn này là lược kê những thô âm tuy có nêu lên chữ Hán, mà những thô âm ấy lại viết bằng chữ nôm, nên khó nhận cho đúng.

này đã hô « bát » mà ghe kia còn đi tới phía tả không tránh để cho đụng nhau hư hỏng, thì lỗi ấy về ghe không tránh kia.

Lại trong trường hợp ấy còn có kẻ biện chiết chưa chịu khuất phục, thì phải xét ghe nào chở nhẹ hơn và đi thuận dòng nước, thừa thế ấy chạy mau phải đụng ghe kia, thì ghe ấy bị lỗi.

Có lệnh như thế, nên ngày nay người đi ghe muốn bảo nhau đi tránh, thì chỉ hô tiếng « bát » làm thông lệ ; còn hoặc như có hô « cạy » là gặp trường hợp ở nơi vũng quanh bến đậu mà gặp gió hay mắc cạn, có duyên cớ gì mới được hô « cạy », nhưng cũng ít khi hô như vậy [11b] ấy là luật đi ghe phải nhất định như thế.

Ghe thuyền lại thường chứa chấp bọn cướp bôi mặt cải trang để cướp bóc ; người sự-chủ lâm thời hoảng hốt, không nhìn nhận được là người nào, lại không có vật gì làm bằng cứ, thì khó cho việc truy cứu. Nên Nghi-biểu-hầu lại ra lệnh tất cả ghe thuyền lớn nhỏ trong hạt, quan nha sở-tại phải buộc khai báo tên họ làm sổ sách tra cứu rõ ràng, rồi khắc chữ đóng nơi đầu thuyền, người nào trái lệnh bị tội, và làm bộ tịch ghe thuyền để lưu chiếu. Từ đó người chủ bị cướp nhận thấy được kẻ cướp, chỉ tên ra tố cáo, truy nã, mà bọn ác-côn khiếp phục yên lặng cả.

Huyện Phước-lộc và huyện Thuận-an thuộc trấn Phiên-an, huyện Kiến-hòa thuộc trấn Định-tường đều ở gần biển, ruộng bùn nước mặn, trong có đào ao vét giếng, nước tuy lạt mà nấu sôi thì lại mặn, không thể dùng được. Cho nên thường năm từ tháng 10 hết mưa cho đến tháng 4 chưa mưa, trong thời gian ấy có người chuyên nghiệp rửa sạch lòng ghe [12a]

đi chở nước ngọt, đến mấy chỗ ấy đổi lấy lúa gạo, hưởng được mỗi lợi khá nhiều.

Tục lệ 10 gia lúa gạo gọi là 100 gia, 100 gia gọi là 1.000 gia, đầu cân hoặc dùng theo cân Tur-mã (của Tàu) hoặc dùng theo cân đương thời, hoặc gia tam gia ngũ nặng nhẹ không chừng, thước đo thì dài vẫn chế ra khác nhau, mậu dịch cùng nhau phải nói rõ sẽ dùng gia nào, cân nào, thước nào, sau mới định giá, nếu không vậy thì sinh lòng khi trá tranh hơn thua, rồi gây nên kiện cáo. Vì vậy nên gặp giữa đường hỏi nhau, như nói mua một thước vải giá tiền 1 quan, khi đầu nghe nói chưa biết mắt rỏ ra sao, phải hỏi lại xem dùng thước nào rồi mới biết rõ. Phạm những vật khác cũng giống như thế, vậy mà người bán cứ mặc-nhiên chằm chước hoặc theo hoặc không theo, chứ không cho cân thước lớn nhỏ dài vẫn là sử quái lạ. Hiện nay quốc luật ban hành, cân, thước, đấu, hột đều có chuẩn-định, người nào tư tạo không đúng, chiếu luật xử trị. Nhờ có phép Vua đổi mới, mà trăm vật mới được quân bình.

[12b] NĂM TRẤN

TRẤN PHIÊN-AN

Kẻ sĩ trọng danh tiết, phong tục chuộng xa hoa. Nhà cửa khí dung của nhà văn-vật đồng như phong tục Trung-quốc Hai huyện Bình-dương, Tân-long dân cư trù-mật, chợ phố liên lạc, nhà trường nhà ngói liền tiếp cùng nhau. Nhiều người thông tiếng nói người Phước-kiến, Quảng-đông, Triều châu, Hải-nam (tục xưng Quỳnh-châu-phủ là Hải-nam) Tây-dương, Tiêm-la ; tàu ghe ở hải dương đến buôn bán qua lại cột buồm liên lạc, hàng hóa đủ cả trăm thứ, xưng làm đại đô-hội ở Gia-định, cả nước không đâu sánh bằng. Quen nghề thương mại, nhiều người ở nơi chợ búa, có thuyền ở, gọi là dân giang-hồ, có lữ-khách tụ hiệp gọi là dân tứ-chánh (chữ chánh nghĩa là người chánh gốc ở bốn phương bình bằng đến ở tụ hội thành một chỗ vậy) [13a] nơi chợ Bình-an gọi là chỗ ô trộm cắp. Tại hai huyện Phước-lộc và Thuận-an, trong 10 nhà có 9 nhà làm nông, chỉ có 1 nhà buôn bán, nên tập tục chất phác như thời xưa.

TRẤN BIÊN-HÒA

Núi đẹp sông trong, phong tục thuần hậu, công việc giản dị, kẻ sĩ chuộng thi-thơ, nhân dân siêng cày cấy, dệt củi, đều có sản nghiệp. Nhà cửa người văn vật cũng đồng như phong tục

Trung hoa, duy có địa phương Toái-đầm (tục danh Đầm-nát) thuộc huyện hạt Long-thành nhiều nương ngòi xen lộn, rừng ao xanh rậm, bỏ trống không người ở, thường bị trộm cướp núp ở, khách buôn qua lại, thường phải đề phòng.

TRẦN VĨNH-THANH

Duy có 2 xứ Long-hồ và Sa-đéc, phong tục giống như ở trấn Phiên-an, mà thường quen giao dịch qua lại với người Cao-miên, cho nên có khác hơn người ở chỗ hiểu biết được nhiều tiếng của nước ấy. Kỳ dư thì dân cư chuộng sự thật thà [13b] chuyên nghề làm vườn ruộng, đều có sản nghiệp, được gọi là nơi giàu có đông đúc. Địa thế cách bức, sông ngòi lưu thông xen lộn, không nhờ ghe thuyền thì không đi được, vậy nên người nào cũng thạo về sự chèo chổng. Xứ ấy có nhiều rừng cây sầm uất, nhà ở cách xa, cho nên nhiều kẻ trộm cướp nổi lên; trong lúc Tây-sơn vào chiếm cứ, thì người ta đều chôn cất của cải không dám để phơi bày ra, cho nên bọn cường-đạo không cướp lấy được vật gì. Thuở ấy có thổ nhân Nguyễn-văn-Ngũ tụ làm đảng cướp, thường nhân ban đêm lên vào nhà bắt người ta bỏ vào bao lác buộc lại, rồi đem đi nơi xa, để trong rừng sâu chỗ vắng không cho ai thấy mặt, khiến người canh giữ, rồi đưa thư nặc danh ước hẹn đem tiền của đến chỗ nào đó cho đủ số chuộc về, nếu có tiết lậu cho ai biết, thì chúng sẽ giết chết. Người ta gọi là giặc Du-bao; văn-Ngũ bày ra đầu tiên, rồi các bọn trộm khác bắt chước theo, làm cho di hại rất thảm độc; cho nên những nhà đại-hộ phú-gia [14a] ở xứ ấy đều dời về thành thị để tránh tai nạn, làng xóm bỏ làm gò hoang cỏ mọc. Rồi có người dân cô độc vốn không có đảng lõa gì cả, chỉ viết khống trong thẻ giấy, tự xưng là « Lục lâm đại trại Tướng-quân, Thanh-sơn vô địch

Tướng-quân » phò trương danh hiệu, đưa thư nặc danh, dọa người lấy của, sau lâu ngày bị bề ô, quan Pháp nghiêm trị, từ ấy dân cư mới được ninh thiếp.

Xứ này có nhiều cá sấu (1) và cạp dữ, nhưng dân cư đã quen thường, nên không sợ hãi, tuy người bé và đàn bà cầm dao cắt cỏ và đòn-xóc cũng bắt được cạp. Năm trước trong sông Tiên-thủy có con cá sấu (2) lớn được 5 vây (mỗi chét tay là một vây) dài được 6 thước, thường đón ghe thuyền đi qua đánh đưng cho người sa xuống nước hoặc làm cho úp chìm ghe đặng bắt người nuốt sống, gọi là «ông Luồng» người ta khu trừ đủ cách mà không được. Sau có người thiện nghệ dùng lưới câu lớn bằng sắt, bắt một con vịt sống, [14b] lấy dây mây lớn xoắn huộc sau lưới câu thật chặt, tay ôm con vịt lội bơi xuống sông để nhử con cá sấu. Cá sấu đến đuổi theo, nhưng cá sấu không có cái mang tai, ở dưới nước không dám há miệng, mà có vẩy đuôi cũng không tài gì dụng lực được. Người câu ấy đã biết như vậy, nên thị thường đợi khi cá đến gần trời lên mặt nước há miệng đến cắn, thì anh ta thừa cơ bỏ con vịt vào trong miệng cá cho cá nuốt. Đoạn anh ta bơi vào bờ sông rủ dân kéo dây mây vào, và xúm lại đâm chết con sấu, mới trừ được hại ấy. Tài nghệ của người câu ấy, người ngoại quốc nghe đến cũng đều khiếp sợ.

TRẦN ĐỊNH-TƯỜNG

Phong tục xứ Mỹ-tho cũng đồng với trấn Phiên-an. Người huyện Kiến-đăng chuyên việc ruộng vườn, tuy không thiếu hạng người trung dũng thành cần, mà cũng không ít hạng người tiếm

(1) Nguyên văn chép là lệ cá chính. (2) nguyên văn chép là lý ngư : cá gáy. Nhưng đoạn sau lại nói là ngạc ngư : cá sấu. Có lẽ chữ lệ và chữ lý là viết nhầm mà đúng là chữ ngạc.

tàng trộm cướp. Huyện Kiến-hưng nửa ruộng nửa thổ [15a] dân chuyên nghề cấy ruộng và trồng dâu nuôi tằm, có nhiều sĩ phu dũng cảm tiết nghĩa. Huyện Kiến-hòa đất ruộng phi nhiều mệnh mòng bát ngát. Nhiều người lo việc canh nông làm gốc, trong nhà có vựa chứa lúa gạo đầy dẫy, lại có đức tính trung hậu cần kiệm, vui làm việc nghĩa, an lạc cùng nhau, là nơi có di-phong thời cổ vậy.

TRẦN HÀ-TIÊN

Phong tục tập theo Trung-hoa, mà ít có hạng thân sĩ. Người Kinh người Thượng ở xen lộn, chuyên việc buôn bán, có nhiều người Tàu người Cao-miền, người Đờ-bà ở theo bờ biển, địa lợi chứa khăn trung, nhân dân không có thổ-trước, nên đời đời chỗ ở không thường. Duy có 2 đạo Long-xuyên và Kiên-giang có số ít nông dân biết chăm lo căn bản, cho nên các địa hạt thuộc Trấn này thường nhờ lúa gạo của 2 đạo ấy để cấp dưỡng. Tánh người nông nổi ưa sự trang sức phong nhã, Nam-nhân hay dùng lược nhỏ chải đầu, bôi cao đùm tóc rồi bao cái khăn, [15b] bên mái tóc thường giắt cái thoa cong (cái trâm) để dùng khi vệt chân tóc và gỡ dầu, râu mép thì vuốt sáp thơm uốn ngang thẳng ra 2 bên như hình chữ nhất cân nhau vậy. Con gái thì mặc áo vắn (áo cụt) chạt tay, ưa dùng màu thiên-thanh ngọc-lam, thủy-võ, ngư-bạch, lục-đậu là màu xanh non lợt. Bao đầu thì trước hết búi cao đùm tóc lên giữa đầu, xức dầu phấn xong rồi lấy tay đè xuống cho đùm tóc xũ ở sau đầu hình như cái cổ gà, còn đùm tóc thì hai tay đè tóc xuống rồi dắt thỏ vàng đẹp mà nhọn, gọi là dạng trang mới, đeo xuyên, đeo hoa tai vàng ngọc lộn lạo. Bộ đi ngay thườn không có phong thái uyển chuyển ngao du, ưa dùng khăn dài trùm đầu mà đi, hoặc là vắt vai, hoặc cầm ở tay, không

dùng nón ; ăn trầu cau thì lấy thuốc lá xát đánh trong 2 hàm răng rồi ngậm ở trong môi phía tả, có ý để khoe giơ hàm răng đen láng chĩnh tề ; biết những việc thêu đan, may vá kim chỉ, làm mứt, [16a] làm bánh, và nấu nướng rất tinh xảo. Khi Mạc-đô-đốc ở Trấn, có Tống-thị-Sương con gái nhà giàu tuổi vừa cập-kê, nữ công tuyệt xảo, mai mối tới lui đầy nhà mà cô không dung nạp, cô nói :«đợi có Phật dạy, cô mới kết nhân-duyên» cha mẹ cô không hiểu ý, phải miễn cưỡng theo cô. Lúc ấy có thầy tăng du-phương là Ngô-Chân trì giới tinh cần, chỉ niệm Phật hiệu, không học kinh điển, không ăn vật hôi tanh và ngũ-cốc, chỉ ăn rau cỏ qua quả mỗi ngày một bữa mà thôi, lại có nhiều nốt lạ, người ta gọi là Thái tăng (thầy tu ăn rau). Có bữa thầy đi ngang qua ngõ, thấy Tống-Thị phơi cái áo lót, thầy hờn hỏ vào năn nỉ hỏi xin, bảo là dùng để thù nguyện cúng Phật, khi ấy cha mẹ cô mắng nhiếc đuổi ra, cô ra khuyên giải được yên việc, thầy tăng cười lớn một tiếng rồi đi luôn. Từ đấy cô phát lòng từ-bi, miệng thường niệm Phật, nguyện bỏ hết việc nhân gian, hót tóc làm ni-cô để chào hầu [16b] đức Quán-âm-Đại-vĩ ở thế-giới cực-lạc. Cả nhà dùng trăm cách khuyên bảo mà không cởi mở được lòng cô, bắt buộc dĩ phải làm cái am ở phía tả đảo Đại-kim. Cô mừng rỡ đến ở, thêu đại tượng Quán-âm cao bằng mình người, mỗi lần cô đâm cây kim xuống thì niệm Phật một tiếng, trong 3 tháng thêu mới xong, Thổ sắc (?) thần sắc linh động như là một vị Phật sống, tuy họa-công có tài vẽ vời sắc đẹp đan thanh, cũng kém thua đến trăm phần vậy. Rồi những tăng-đồ ở Trấn này hay vào đất Việt (Quảng-đông Quảng-tây) đến chùa Hải-đông để tìm Nam-Tông Chân-thuyền, cho nên pháp giới kinh điển và thanh điệu tụng tán học được tôn-chỉ của thiền-môn, đương thời khen là một nơi cửa Phật đứng vào bậc nhất vậy.

GIA-ĐÌNH THÀNH THÔNG-CHÍ

QUYỂN V

[1a] SẢN-VẬT CHÍ

Kinh Dịch nói : trời đất định ngôi, thì núi sông thông khí. Núi sông ấy là khí mạch của trời đất. Từ khi vua Hạ-vũ (ở Trung-hoa 2205-2198 trước T.C.) trị thủy bình định được núi cao sông lớn, sau ấy của báu dưới đất mới bày lên, cá tôm mới sinh sản, tài vật mới phồn thịnh, tự nhiên hoạt bát, nó là mối lợi vô cùng của rừng núi sông ngòi vậy. Hệ-từ (1) nói : lấy cái gì để nhóm người lại cho đông ? Đáp rằng : lấy của. Của sản xuất ở nơi đất, mà chi dụng là ở nơi người, người sở dĩ được làm người là nhờ của mà sinh sống, không có ngày nào mà không dùng đến của.

Sách Vũ-cống nói : tu trị 6 phủ (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, cốc) cho được dồi dào, phải cần thận việc cống nạp các món sản vật chính ở các địa phương (2) (Lục phủ không tu, thứ thổ giao chính, để thận tài phú) như vậy thì quốc dụng thường đủ, mà dân sinh đều được an vui thỏa thích.

(1) Hệ-từ là tên sách trong kinh Dịch, do Đức-không-Tử làm ra, giải thích Hệ-từ của vua Văn-vương.

(2) Câu này ý nói : đất có chỗ tốt xấu cao thấp không đồng, thổ sản có vật chính vật phụ không hạn, nên cần thận sự cống nạp tài sản, hoặc thường cống, hoặc tạm cống, hoặc 1 châu đều cống 1 vật, hoặc riêng 1 địa phương cống 1 vật ấy, không buộc chỗ không có vật ấy mà phải cống, và chỗ có ít mà phải cống nhiều (lời chú giải trong thiên Vũ-cống ở dưới câu này).

Nay Thánh-thiên-tử yêu dân như kẻ bị thương, chính sự dùng nhân đức, như vậy thì chắc có lẽ trời không tiếc đạo làm cho thời-khí thuận hòa, đất không tiếc của báu sẽ sinh ra phẩm vật quý trọng, rồi có con long-mã đội họa đồ (1) và con thần qui bày chữ (2), [1b] thần-vật như vậy đều đến, chẳng những vật thổ-sản tầm thường sản xuất đầy dẫy mà thôi.

Gia-đình đất tốt lại rộng, thổ sản như : lúa gạo, cá nầm, cây gỗ, chim muông. Thổ nghi có giống lúa đạo, loại lúa đạo rất nhiều, đại khái có 2 loại : lúa canh và lúa thuật, mà ở trong có xen thứ lúa dẻo; lúa canh là thứ lúa không dẻo, hạt gạo nhỏ, cơm mềm, mùi rất thơm, là thứ lúa có cái mang (ở đầu hạt lúa) thuật là thứ lúa dẻo, hạt tròn mà lớn. Lúa có tên riêng như lúa tàu, lúa móng-tay lúa móng-chim, lúa mô-cải, lúa cà-đồng, lúa cà-nhe, lúa trắng-nhất, lúa chàng-co, danh hiệu khác nhau, và có sớm, muộn, dẻo và không dẻo khác nhau, nhưng thứ thơm ngon đệ nhất là giống lúa tàu, thứ nhì là giống lúa cà-nhe.

Nọ (nếp) có nếp hương, nếp sáp, lại có thứ nếp đen, có tên nữa là nếp than, sắc tím, nước cốt đen, dùng nhuộm màu hồng [2a] khi ăn không cần giã, lấy chỏ xôi hấp cho chín, hơn khi còn nóng rưới mỡ heo, lá hành và muối trắng, đánh trộn cho đều, thì vị rất ngọt và giòn.

(1) Đời vua Phục-hy có con long-mã đội cái đồ ra nơi sông Hà. Vua bèn bắt chước dấu vẽ ấy vạch ra tám quẻ : càn, khảm, cấn, chấn, tốn, ly, khôn, đoài. (Xem đồ thuyết kinh Dịch).

(2) Vua Hạ-võ trị thủy, có con thần-qui (rùa thần) xuất hiện ở sông Lạc, trên lưng có bày 9 số, Vua Võ phổ diễn ra làm 9 loại. (Xem thiên Hồng-phạm kinh Thư).

Thục (bắp) có bắp vàng, (có tên là hồng mạch hay là ngọc-thục) bắp trắng, bắp gián hồng và trắng, duy thứ bắp trắng trái dài và lớn, dày hạt, vị thơm dẻo, các nơi không sánh bằng.

Đậu — Có đậu nành, đậu đen, đậu xanh, đậu ván, đậu trắng, đậu đũa, đậu rựa, đậu nanh heo, đậu phụng nhãn (có tên là lạc-hoa-sanh, hay hồ đậu), đậu hương đại. Trong các thứ đậu ấy chỉ có đậu phụng ăn sống được, và làm tương, ép dầu, trồn năm dùng không hết, xác đậu làm bánh, bán cho người ta bón ruộng mỗi năm sản xuất hơn 400.000 cân.

Ma (mè) — có loại hắc-ma (mè đen) chi-ma (mè vàng) tý-ma (thu đủ tía). Lại cũng có thứ hoàng-lương (bông kê) và ý-dĩ (bo-bo).

[2b] Vu (khoai) (hay gọi là môn)—Khoai ngọt, khoai sấp, khoai hồng, (tục danh khoai huyết, nước khoai dùng nhuộm đỏ) và khoai từ. Theo chỗ ao nước có khoai hồ, khoai trắng và khoai tía (cây lớn nhỏ mọc dính nhau như cây phụ-tử) lại có củ thự dự (củ mài) củ sơn-thự, củ nha-thự, củ phiến thự (củ khoai lang, có 3 sắc : hồng, vàng, trắng thơm ngọt hơn các nơi), củ cát-thự (củ sắn) loại dây bò, lá như đậu ván, hoa sắc lục, củ sinh dưới đất lớn bằng nắm tay, trồng củ này cắt bớt dây dài, chỉ để 7 lá, thì củ mới to lớn, có nhiều buồng, khi nào muốn để giống thì không cắt, để nó bò dài rồi sinh trái rồi lấy trái đợi mưa đem trồng. (phụ chú : hạt củ sắn này có chất độc, ăn lầm nhầm phải chết.)

Qua (dưa bí) có đông qua (bí đao) tây qua (dưa hấu), loại dưa này mùa đông chín khác hơn nơi khác, kim qua, hoàng qua (bí ngô) thứ qua (dưa chuột), hồng qua (dưa hồng) ty qua

(mướp), khổ qua (mướp đắng), duy có thứ hồ qua (dưa leo) dùng ăn sống, có hoa xanh trắng, khi dưa già thì vỏ vàng đỏ. Những loại bầu, bí, cà, cải rất nhiều thứ không thể biên chép cho hết, nói tóm lại các thứ đậu, dưa, khoai, chỉ dùng để điền tâm mà thôi, [3a] chưa từng phơi khô mài bột dành làm vật dụng trợ cơ. Bởi vì người Gia-định mỗi ngày ăn 3 bữa đều ăn cơm, mà cháo cũng ít ăn, hưởng chỉ là các thứ khác vì có lúa gạo dư nhiều, mà không năm nào bị mất mùa cả.

RUỘNG NÚI

Ban đầu khai khẩn thì đốn chặt cây cối, đợi cho khô đốt làm phân tro, khi mưa trồng lúa, không cần cày bừa, dụng lực ít mà được bội lợi. Trong 3, 4 năm thì đổi làm chỗ khác, cũng như «quá đại điền pháp của đời Hán-Triệu» vậy, mà cũng là phương pháp «đào canh hỏa nậu» (đốt cho cháy cây cỏ rồi trồng lúa). Lại có chỗ nguyên ruộng thấp mà nghiệp chủ trung làm sơn điền lâu đã thành thực, thì cày bừa cũng như thảo điền (ruộng thấp ướt cỏ mọc).

RUỘNG CỎ

Ruộng này lũng, lác, bùn lầy, lúc nắng khô nứt nẻ như vẻ mu rùa, có hong hố sâu lớn ; đợi có nước mưa đầy đủ đầm thắm, nhiên hậu mới hạ canh, [3b] mà trâu cày phải lựa con nào có sức mạnh, móng chân cao mới kéo cày được, nếu không vậy, thì ngã ngập trong bùn lầy không đứng dậy nổi.

Ruộng cày trâu, ở Phiên-an, Biên-hòa, một học lúa giống, trâu hoạch được 100 học, duy ở trấn Vĩnh-thanh toàn là ruộng bùn sâu không dùng trâu cày được, phải đợi lúc hạ

thu giao đại có nước mưa đầy dẫy, cắt bỏ lũng lác, cào cỏ đắp làm bờ, rồi chới đất cấy mạ lúa xuống. Ruộng rất béo tốt nên một học lúa giống, thâu hoạch được 300 học. Ở trấn Định-tường, chỉ huyện Kiến-dăng có ruộng ngập nước, công lợi cũng bằng ruộng ở Vĩnh-thanh, còn nữa thì là ruộng cày trâu, nhưng hoa lợi cũng bội thâu, thứ 2 là Phiên-an, thứ 3 là Biên-hòa. Ruộng ở huyện Long-xuyên và Kiên-giang thuộc trấn Hà-tiên cũng tương tự ruộng Vĩnh-thanh, mà địa-lợi chưa khẩn hết. Việc nông-tác trong 5 trấn sớm muộn và vật thực thổ nghi thế nào, có tường kê ra sau để đủ tham khảo.

[4a] PHỦ TÂN-BÌNH, TRẤN PHIÊN-AN:

— Hai tổng Bình-trị và Dương-hòa thuộc huyện Bình-dương đều có ruộng sớm ruộng muộn (phần ruộng ở chỗ thấp ướt được mưa thấm trước, gọi là ruộng sớm, còn chỗ cao ráo là ruộng muộn). Thổ-nghi là : khoai, đậu, bắp vàng, khoai lang, đậu phụng, dưa, mía.

Ruộng sớm : tháng 4 gieo mạ, tháng 6 cấy, tháng 10 gặt

Ruộng muộn : tháng 5 gieo mạ, tháng 7 cấy, tháng 11 gặt.

Khoai : tháng 4 trồng, tháng 10 đào củ.

Đậu : tháng 6 tủa, tháng 7 hái.

Bắp vàng : tháng 4 tủa, tháng 7 hái.

Khoai lang : tháng 4 trồng, tháng 6 đào củ.

Đậu phụng : tháng 4 tủa, tháng 11 hái.

Mía : tháng giêng trồng, tháng chạp cắt.

— Hai tổng Tân-phong và Long-hưng thuộc huyện Tân-long đều có ruộng sớm và ruộng muộn :

Ruộng sớm : tháng 4 gieo mạ, tháng 6 cấy, tháng 10 gặt.

Ruộng muộn : tháng 5 gieo mạ, tháng 7 cấy, tháng 11 gặt.

[4b] — Hai tổng Phước điền và Lộc-thành thuộc huyện Phước-lộc đều có ruộng sớm và ruộng muộn :

Ruộng sớm ; tháng 4 gieo mạ, tháng 6 cấy, tháng 10 gặt.

Ruộng muộn : tháng 5 gieo mạ, tháng 7 cấy, tháng 11 gặt.

— Hai tổng Bình-cách và Thuận-đạo thuộc huyện Thuận-an đều có ruộng sớm ruộng muộn, duy ở tổng Bình-cách thổ nghi có khoai và dưa.

Khoai : tháng 4 trồng, tháng 10 đào củ.

Dưa hấu : tháng 10 trồng, tháng chạp đào củ.

PHỦ PHƯỚC-LONG, TRẦN BIÊN-HÒA :

— Hai tổng Phước-vinh và Chính-mỹ thuộc huyện Phước-chính đều có ruộng sớm và ruộng muộn. Thổ-nghi là đậu, bắp, mía.

Ruộng sớm : tháng 5 gieo mạ, tháng 6 cấy, tháng 9 gặt.

Ruộng muộn : tháng 6 gieo mạ, tháng 7 cấy, tháng 11 gặt.

Đậu : tháng 4 tĩa, tháng 6 hái.

Bắp : tháng 4 tĩa, tháng 7 hái.

Mía : tháng giêng trồng tháng chạp cắt.

[5a] Tổng Bình-chánh thuộc huyện Bình-an đều có ruộng sớm. Tổng An-thủy thuộc huyện Bình-an đều có ruộng sớm và ruộng muộn. Thổ-nghi là khoai, đậu, phiến-lê (?) đậu phụng.

Khoai : tháng 10 trồng, tháng 10 năm sau đào củ,

Đậu : tháng 4 tủa, tháng 6 hái.

Đậu phụng : tháng 4 tủa, tháng chạp hái.

Phiên-lê : tháng 3 trồng tháng 4 năm sau thâu hoạch.

— Hai tổng Long-vĩnh và Thành-tuy thuộc huyện Long-thành đều có ruộng sớm ruộng muộn. Thổ-nghi là dưa bí, đậu phụng, khoai lang.

Ruộng sớm : tháng 5 gieo mạ, tháng 6 cấy, tháng 9 gặt.

Ruộng muộn : tháng 6 gieo mạ, tháng 7 cấy, tháng 11 gặt.

Dưa bí tháng giêng trồng, tháng 8 hái.

Dưa hấu tháng 10 trồng, tháng chạp hái.

PHỦ ĐỊNH-VIÊN, TRẤN VĨNH-THANH :

Hai tổng Vĩnh-trình và An-trung thuộc huyện Vĩnh-an có ruộng bầu. Thổ nghi có khoai, đậu, bắp, khoai lang và mía.

[5b] Ruộng bầu: tháng 6 gieo mạ tháng 8 cấy, tháng chạp gặt.

Khoai : tháng 4 trồng, tháng 10 đào củ.

Đậu, bắp, khoai lang đều trồng tháng 4, qua tháng 7 thâu.

Mía : tháng giêng trồng, tháng 9 cắt.

— Hai tổng Vĩnh-tường và Bình-chánh thuộc huyện Vĩnh-bình có ruộng bầu. Thổ nghi có khoai môn, đậu, bắp và khoai lang.

Ruộng bầu tháng 6 gieo mạ, tháng 8 cấy, tháng giêng gặt.

Khoai : tháng 4 trồng, tháng 10 đào củ.

Đậu : tháng 4 tủa, tháng 6 hái.

Bắp và khoai lang tháng 4 trồng tháng 7 thân.

— Huyện Vĩnh-định: thổ nghi và việc làm ruộng cũng giống như huyện Vĩnh-bình.

— Tổng Minh-đức huyện Tân-an: thổ nghi là khoai môn và khoai lang.

— Tổng An-bảo huyện Tân-an: thổ nghi là khoai, đậu và bắp. Lại có ruộng bầu.

Ruộng bầu tháng 6 gieo mạ, tháng 8 cấy, tháng giêng gặt.

Khoai: tháng 4 trồng, tháng 10 thu hoạch.

Đậu: tháng 4 tủa, tháng 8 hái.

PHỦ KIẾN-AN, TRẤN ĐỊNH-TƯỜNG :

[6a] Hai tổng Kiến-lợi và Kiến-phong thuộc huyện Kiến-đăng đều có ruộng bầu. Thổ nghi là khoai môn, đậu, bắp, khoai lang, dưa bí, và mía.

Ruộng bầu tháng 6,7 gieo mạ, tháng 8,9 cấy, tháng giêng tháng hai gặt.

Các thứ khoai: tháng 4 trồng, tháng 11 đào củ.

Đậu: tháng 6 tủa, tháng 7 hái.

Dưa bí: tháng 4 trồng, tháng 7 hái quả.

Mía: tháng chạp trồng, tháng 9 năm sau cắt.

— Hai tổng Kiến-thuận và Hưng-xương thuộc huyện Kiến-hưng đều có ruộng sớm và ruộng muộn. Thổ nghi là khoai môn, dưa bí, khoai lang và bắp.

Ruộng sớm tháng 4, 5 gieo mạ, tháng 6, 7 cấy tháng 8, 9 gặt.

Ruộng muộn tháng 5, 6 gieo mạ, tháng 8,9 cấy tháng chạp tháng giêng gặt.

Khoai môn tháng 4 trồng, tháng 11 đào củ.

Dưa bí tháng 10 trồng, tháng chạp hái.

Khoai lang tháng 4 trồng, tháng 6 đào củ.

Bắp tháng 4 tía, tháng 7 cắt.

— Hai tổng Kiến-thuận và Hòa-bình thuộc huyện Kiến-hòa đều có ruộng sớm và ruộng muộn. Thổ nghi là khoai môn và khoai lang.

Ruộng sớm tháng 4, 5 gieo mạ, tháng 6, 7 cấy, tháng 10, 11 gặt.

Ruộng muộn tháng 5, 6 gieo mạ, tháng 7, 8 cấy, tháng chạp, tháng giêng gặt.

Khoai môn tháng 4 trồng, tháng 11 đào.

Khoai lang tháng 4 trồng, tháng 6 đào.

[6b] TRẦN HÀ-TIÊN

— Hai tổng Kiên-định và Thanh-giang thuộc huyện Kiên giang đều có ruộng sớm. Thổ nghi là khoai, bắp và mía.

Ruộng sớm tháng 4 gieo mạ, tháng 6 cấy, tháng 9 gặt.

Khoai : tháng 3 trồng, tháng 7 đào củ.

Bắp : tháng 5 tủa, tháng 7 cắt.

Mía : tháng 3 trồng, tháng 7 cắt.

— Hai tổng Long-thủy và Quảng-xuyên thuộc huyện Long-xuyên đều có ruộng muộn. Tháng 5 gieo mạ, tháng 8 cấy, háng 11 gặt.



THỎ-SẢN LINH TINH

CAM-GIÁ (*mía*)

Mía có 4 loại : hồng, trắng, xanh và hồng trắng lẫn lộn. Lại có mía voi mình lớn 6, 7 tấc dài hơn 10 thước, có vị thanh cam tuyệt phẩm. Mía dùng ép nẫu ra đường, duy có loại mía trắng ngoài da có phần trắng làm được đường thối, mà đường cát chỉ ở huyện Phước-chánh trấn Biên-hòa sản xuất, trừ ngoài nẫu ra đường phèn đường phôi [7a]; còn đường cát kể số bán cho thương-thuyền một năm có hơn 600.000 cân, mà mỗi một trăm cân theo lệ đầu cân phải gia lên 5 cân nữa (lệ trừ hao). Còn mía ở các huyện khác thì ít đường cát mà có nhiều mật, mật ấy chỉ làm ra đường đen mà thôi.

NGÂN-KHOÁNG (*mỏ bạc*)

Sản xuất ở núi Chân-sâm trấn Hà-tiên, mạch bạc thanh vượng lắm, nhưng còn đương đóng chặt, vì Triều-đình chưa tiện khai thác.

THIỆT-KHOÁNG (*mỏ sắt*)

Sản xuất ở huyện Long-thành trấn Biên-hòa, có dân thiết-trường lãnh trung mỏ lò đào nẫu.

PHONG-THẠCH (*đá ong*)

Ở trấn Biên-hòa có nhiều mỏ đất, người thợ đào ra, nhân khi đất còn ướt mềm, tùy theo sự cần dùng thước tắc rộng dầy thế nào, thì chặt ra thành khối, để giải ra giữa gió và mặt trời, thì đất ấy cứng rắn, búa đẽo cũng không vô, dùng xây vách tường, sân hè, cừ sông và phần mộ, kiên cố không thua gì đá núi. Mặt viên đá ấy có lỗ nhỏ lấm chấm trông như tổ ong, nên gọi tên ấy.

BẠCH-DIỆM (*muối trắng*)

Sản xuất ở địa phương Vũng-dương thuộc huyện Phước-an, trấn Biên-hòa, cứ 100 cân giá là 1 tiền kẽm [7b] (tiền đúc bằng kẽm) giá rất rẻ, mà muối ở trấn Bình-thuận lại có khi đem đến bán liền tiếp. Xứ Ba-thắc trấn Vĩnh-thanh có sản xuất nhiều muối hồng, vì đất nước chỗ ruộng muối vàng đỏ, khi mức nước đem phơi, nước vẫn có bùn đục, nên ra như thế, nhưng đem phơi lại một lần nữa, lọc vớt những bọt nổi ở trên, thì sắc muối lại trong trắng mà vị được thanh cam hơn muối các chỗ khác. Người Tàu chuyên nghề này, đan bao lá hình vuông, mỗi bao đựng 5, 6 cân, theo man-tục gọi 40 bao làm 1 xe, đem bán ở Cao-miên được lợi rất nhiều. Phàm muối cá ruộng nên dùng muối đỏ, khi đầu đã dùng muối đỏ, thì khi muối lại cũng chỉ dùng muối đỏ, nếu dùng lộn xộn muối trắng và muối đỏ thì mắm phải hư thối, còn dùng muối trắng cũng hư như thế.

Gia-định là nơi lúa gạo cá mắm. Vào năm Mậu-tuất nguyên niên (1778) quân vua đem bộ-binh khắc phục Gia-định, Tổng-đốc Tây-son là Châu, hồ-tướng Hãn và Tư-khấu Oai, còn nương tựa thủy-binh qua lại dọc theo dòng sông

[8a] Phiên-an, Biên-hòa và Định-tường đề quấy nhiễu. Tháng 3 Hộ-giá Tây sơn Phạm-Ngạn từ Qui-nhơn vào tiếp viện, đến địa đầu Bà-rija, lấy chiến-hạm lên qua sông Phước-lộc đến địa phương chùa Nguyễn-Tuyên ở huyện Tân-long, Trần-phụng, thuộc đạo Hòa-nghĩa. Binh ta không chống cự được, nhờ có Dũng-quận-công Nguyễn-quân đem đại binh đánh phá, quân giặc lui ra trường-giang, rình lúc sơ hở canh phòng thì đến cướp bóc. Binh ta đắp lũy đất từ bờ phía tây Bến-nghé đến bến sông An-thông, phạm các miệng sông đều trồng cọc cây cản triệt để chống-giữ, và mật đóng 50 chiếc chiến-hạm ở sông nhỏ Thị-tĩnh thuộc sông An-thông, chiến-hạm ấy đầu nhọn, mình thuyền và đầu thuyền có gác 3 họa-bản (Ván có vẽ hình) giống như kiều tàu Tây-dương treo dăng mặt lưới, hiệu là long-lân-thuyền và chính bị những bè hỏa-công. Gần sáng đêm ngày 19 tháng 6 lên ra sông lớn Bình-dương đánh úp [8b] quân địch đốt chiến-hạm địch, và chém Tư-khẩu địch là Nguyễn-Oai, thâu hết khí giới thủy-sư của quân địch. Trong đêm ấy 20 Chiến-thuyền của Hồ-tướng Hãn từ Bến than liêu mạng chạy xuống Cần-giờ hiệp cùng tướng địch ở sông Định-tường là Châu-Hãn, và tướng địch ở sông Thuận-an là Phạm-Ngạn cùng chạy về Qui-nhơn, quan binh ta đuổi theo không kịp.

Từ lúc cấu-binh vào tháng 10 năm trước, đến tháng 6 năm này (1778) đường thủy lục bị trở ngại, đồ thực dụng trong dân-gian đều kiệt ráo, không tiếp tế nhau được. Trong chợ chỉ bán mắm ếch (hay mắm nhái) bánh đậu và tương, dùng lá dàu, lá khế làm trà uống, rễ cây bồ-qui, cây trà-la (hay chà-là) để thế cho cau (vật dùng ăn trâu). Ngoài ra những việc những lạm, giả trá, di dịch, không kể xiết được. Khi ấy 1 chén nhỏ muối xấu nặng ước 3 lượng, bán giá 5 tiền, nhưng cũng không có

được nhiều, vậy nên người ta đều dấu muối ở trong lưng như bọc vật quý báu vậy. Còn 1 vuông gạo giá tiền đến 2 quan, quan và dân đều khổ cả. Đến lúc này ách muối mới giải phóng, thì dân-dụng lần lần được đầy đủ.

[9a] Lãng, la, bố, bạch (lãnh, là, vải, lụa). Các thứ ấy nơi nào cũng có, duy ở huyện Phước-an trấn Biên-hòa có thứ lãnh đen mềm láng là tốt đệ nhất trong cả nước.

SAU ĐÂY LÀ CÁC SẢN PHẨM LINH TINH :

Tượng nha (ngà voi).

Tê giác (sừng tê hay u tê).

Đậu khấu : một năm sản xuất 30.000 cân.

Sa-nhân : một năm sản xuất 80.000 cân.

Lộc nhung : (nhung nai)

Hồ tiêu : một năm sản xuất 100.000 cân

Tò-mộc : (cây vang)

Hoàng lap : (sáp ong). Có 2 loại vàng và trắng, mỗi năm sản xuất 30.000 cân.

Miên hoa : Bông vải. Thứ có bao lớn gọi là cát-bối. Mỗi năm sản xuất 4.000.000 cân

Tử cánh

Trần hoàng

Liên tử : hạt sen.

Ban trúc : tre rần-

Long-diên-hương : (nước dãi rồng) -

Yến hoa : (tổ chim yến, hay yến sào).

Hải sâm : (đồn-đột biển). Ở Hà-tiên có 2 loại trắng và đen, mỗi năm sản xuất hơn 50.000 cân

Đại mạo : (đồi mồi).

Huyền phách : loại dùng làm chuỗi huyền.

Ngự sí : (vây cá)

Ngư đồ : (bong bóng cá). Mỗi năm có 50.000 cân

Tượng phủ : (thịt voi khô)

Lộc cân : (gân nai)

Tê bì : (da con tê)

Sơn mã bì : (da ngựa núi)

Thát bì : (da rái)

Mi bì : (da nai)

Ngưu bì : (da trâu)

Kim xà bì : (da rắn kim hay vàng)

Thúy vũ : (lông chim trả). Mỗi năm có 2, 3 ngàn cái.

Hải nga sí : (cánh con ngỗng biển).

Vũ phiến (quạt lông)

Diêm tiêu

Phục-linh (củ khúc khắc)

Hoài-son (củ mài)

Nam nhân sâm

Thồ đương qui (củ qui)

Nam bạch truyệt

Ngưu tất (cỏ xước)

Phòng phong

Thổ trầm hương

Trần bì (vỏ quít lâu năm)

Chỉ xác (vỏ quả tráp)

Cát căn (sắn dây)

Nhân trần

Hương phụ (củ cỏ gấu, có nơi gọi cỏ cú)

[9b] Xương-bồ

Địa phu tử (trái cây chổi đót)

Chi tử (quả cây dền dền hay rành rành)

Xạ can (cỏ rễ khuyết hay rễ quạt)

Tử tô

Bạc hà

Kinh giới

Hoắc hương

Kim ngân hoa (dây bướm bạc)

Uất kim (củ nghệ)

Cao lương khương (củ riềng ấu)

Thiên hoa phấn

Thảo quyết minh (cây muồng muồng)

Lô hội

Tật lê (quả ma vương)

Hoàng tinh (bột bông giờ)
Đại phong tử (hột máu chó)
Mộc thông (cỏ ruột gà)
Ô dược
Sài hồ
Thiên môn (củ tóc tiên)
Mẫu đơn bì
Mạch môn
Bán hạ (củ chóc)
Mã tiên tử (củ chi)
Xa tiên tử (rau mã đề)
Ich mẫu
Sử quân tử (hột dun)
Cốc tinh thảo
Trắc bách diệp
Hy kiều (lá bà a)
Hắc khiên ngư (hột bìm bìm)
Tang ký sinh (tầm gửi cây dâu)
Xuyên luyện tử
Thủy tam thất
Thường sơn
Tam lăng
Nga truật (củ nghệ xanh)
Thủy từ cô

Thương nhĩ (cỏ ké)
Mộc biết tử (hột gấc)
Thạch học
Nha tạo
Kim mao cầu tích
Hậu phác (cây bội)
Bồ hoàng (cỏ lác)
Thiết truyền phấn
Hương bài thảo (cỏ bài)
Cam thảo
Linh dương giác (sừng dê núi)
Xuyên sơn giáp (mai con xuyên sơn)
Ô sóc xà (rắn hồ đất)
Hùng khố (mật gấu)
Mẫu lệ (con hào)
Cửu khổng (ốc cửu khổng)
Hải phiêu diêu (con mực nong)
Thạch giải, hoặc Thạch hại (cua đá)
Tịch lịch hám (hám hay châm)
Dạ minh sa (cứt dơi)
Ngô công (con rết hay con rít)
Toàn hát (vỏ con bọ cạp)
Thiền thối (xác con ve sầu)

Lam tất (chàm)
 Qui bản (mai rùa)
 Biết giáp (mai ba ba)
 Mộc nhĩ (nấm mộc nhĩ)
 Dẫn phủ (măng khô)
 Thạch hoa (rong trắng ở biển)
 Sí bí (vỏ cây đay)
 Ma bì (vỏ gai)
 Kiền ty (tơ kén)
 Cam cúc (hoa cúc)
 Nam tinh
 Xà sàng

[10a] Còn như kỳ-nam, trầm-hương, nhục-quế, hương-loa, (ốc hương) mặc-ngư (con mực) và ô-mộc thì ở các hạt chở đến, còn những vật ở đây và các hạt đều có cũng vận tải đến tấp nập, bởi Gia-định là chỗ đò hội thương thuyền của các nước, cho nên trăm món hàng hóa phải tụ hội ở đây.

TỬU (rượu)

Rượu ở Thạch-than, Biên-hòa, Tân-nhuận Phiên-an, Sa-khâu, Định-tường, và Long-hồ, Vĩnh-thanh là ngon hơn, thuở nay ghe tàu thường mua nhiều chở đem về Kinh làm món quà tặng, hảo danh là rượu Nông-nại.

LOẠI MỘC :

SAO MỘC (cây sao)

Lá cây sao màu xanh, nhọn đầu, bề ngang được 2 tấc nở hoa màu biếc rực rỡ, quả nhỏ như ngón tay có nhiều hạt,

dưới cái để có 2 cái râu như cánh con chuồn-chuồn. Sao có 4 thứ : sao xanh, sao vàng, sao chân tôm và sao đá, đều xưng là thượng-phẩm, có tên là cây điều lớn đến 4, 5 vây, cao trăm thước, sớ thịt bền chặt, dùng làm ghe thuyền nhà cửa là đệ nhất, có quốc cấm dân gian không được dùng. Duy có thứ giá sao là hạ-phẩm, lại có thứ giống cây sao [10b] mà chất không tốt gọi là thạch-lăng. Lá như lá sao mà nhỏ và dài, không cao lớn để dùng được, gọi là phu-phu. Lá như lá sao mà nhỏ. Có thứ gọi là viên-viên (hay là huyển huyển), lá như lá sao mà trắng, gọi là sản. Hoa lá dài có lông. Những thứ cây trên sớ thịt thô sơ không được bền tốt. Tháng 7 năm Canh-tý (1780) Vua Thế-tổ Cao-hoàng-Đế năm thứ 3 khiến các đội quân đồn lấy gỗ sao để làm sư-thuyền. Ở nguồn Quang-hóa có 1 cây sao lâu đời, ban đêm thường thấy có lửa sáng như 2 cây đèn, người ở núi đều kính mà tránh ra, nên cây cao lớn không cây nào sánh kịp, thuở ấy quan quân chợt gặp thấy, tra riu vào đồn, lập tức bị thổ huyết chết. Vì vậy chúng truyền bảo nhau kiêng cử không dám phạm đến. Nhưng quan Ngoại-tả-chưởng-dinh quân Lê-bộ Hình-bộ lãnh Đại-tư-nông là Phương-quận-Công Đổ-thanh-Nhân nghe nói bèn đem lệnh-tiến đến, ra lệnh rằng : «Người quân nào lẩn tránh phải xử theo quân-pháp». Quân chúng khi ấy tuân theo tướng-lệnh phải đồn chặt, thốt nhiên hỏa-quang [11a] từ trong cây xẹt ra có tiếng vang rồi bay đi như dải lụa, thân cây có nước nhựa chảy ra đầm dề như máu đỏ vậy. Từ đấy chặt được rất nhiều, Thanh-Nhân mới đóng thuyền thủy sư, làm bánh lái dài để đi theo đường biển, còn cái bánh tròn chế tạo khi trước thì để dùng đi đường sông, gọi là thuyền 2 lái, trên thuyền gác sàn, 2 bên treo phen tre để che cho thủy-bình ở dưới đặng chuyên lực chèo chống, trên

thì đặt bộ-bình đề xung kích, nhờ đó mà kỹ-thuật thủy-sur càng tinh tấn, đến nay cũng vẫn theo.

VẠN-CỔ-MỘC (*cây gỗ*)

Lá tròn có lông, vỏ quả có gai, da thô, thớ thịt tím thâm, chất gỗ cứng nặng, dùng làm cột rường và ván lả thượng phẩm.

CÂY THIẾT-TÚ

Giống cây gỗ, da có hoa rằn như da ếch, gỗ bền dẻo dùng làm rui mè, cột trụ và chèo.

CÂY BÀN-LÂN

Hoa và lá giống cây tử-kinh, sớ cây trắng ngà, dùng làm rui mè, cột trụ và chèo, rễ cây khuất khúc nổi ụ kỳ quái, hoặc giống hình người, hoặc hình chim muông hoa cỏ, [11b] lại dùng làm ống cắm bút đĩa bày quả, có vẻ cổ-nhã tự nhiên.

CÂY HỒNG-DU (*cây xoài*)

Lá nhỏ tròn, hoa đỏ lợt, quả tím đen, nhỏ bằng ngón tay, dầm bỏ vỏ ngoài, trong có hạt dính, thịt hồng hồng có bột, vị ngọt rít, thớ cây đỏ thẫm, cành nhỏ dùng làm khí cụ cày bừa, khúc lớn dùng làm cây ép mía và neo ghe được chắc chắn lâu bền.

CÂY HOÀNG-ĐÀN

Lá như hoa kim-phụng, sớ thịt trắng mà thơm, chôn dưới đất không mục, dùng làm quan quách rất tốt, thứ nhì có cây giàng-hương, còn cây ba-khế là hạ-phẩm.

CÂY HỒNG

Lá giống lá táo, có hoa trắng, sản xuất rất nhiều, dùng làm bàn ghế, rương tủ, thương-thuyền thường mua chở đem về ; loại ấy có thứ hoa-lê và cầm lai, giá rất rẻ.

[12a] CÂY TRAI

Lá nhỏ mà dài, cành thẳng lên như cái chổi, gỗ bền chắc trăm năm không mục, lâu ngày gân cây dính liền, người ta thường dùng làm quan quách và khí giới.

CÂY GIÁP

Lá như lá khế, lên cao xồng cứng chắc, sắc tím ; muốn dùng làm đồ gì thì dùng lúc cây mới đốn còn tươi, để lâu ngày thì dao búa đẽo cũng không vô ; chịu đựng nước mưa, đốt làm than để nấu đồng sắt, quốc-dụng rất cần khăn.

CÂY DẦU

Lá có lông lớn như cây tỳ-bà, dân-gian thường dùng làm ghe chèo khi vất. Thân cây có dầu, người ta đục 2, 3 lỗ nơi gần gốc cây, rồi đốt lửa vào, nước nhựa chảy ra thành dầu, (Sách «Võ-bị chí» gọi là dầu mãnh-hỏa, tục danh là dầu rái) cứ đứng kỳ mức lấy, dầu chảy ra không kiệt. Một năm tổng cộng số dầu có 2.000.000 cân, dùng để trét ghe thuyền, làm đèn đuốc được nhiều việc lợi.

SON-CẨM-LÂM (cây búi hay cây trám ở núi)

Thân cây cong queo, thớ thịt lẫn lộn, không thành mạch lạc, có dầu trong thân cây rướm rướm chảy ra thành khối gọi là

[12b] mộc-thán, khối ấy ở dưới đất lâu năm mà đặc dẻo là tốt mỗi năm sản xuất hơn 200.000 cân. Thứ này trộn với dầu rái để trét ghe và làm đèn đuốc rất lợi.

CÂY BỒI-LỜI

Lá tròn dài có lông, chất nhẹ, thờ dày tịt, có 2 loại vàng và trắng đều dùng được tốt cả. Vỏ cây và lá có chất nhớt dẻo lắm, hòa trộn với tam-hòa-thồ (1) xây mả rất tốt.

CÂY HOÀNG TRƯỜNG

Có tên nữa gọi là cây hoàng-tâm, sắc vàng thờ thịt mịn, dùng làm rương tử rất tốt.

CÂY THIẾT TUYỀN (cây muồng)

Lá nhỏ mà xanh, gỗ sắc đỏ, bền dẻo dùng làm rường cột, giữa tim cây có lỗ nhỏ, trong lỗ có phấn vàng, người ta thường dùng xúc lác (2) rất có hiệu.

CÂY ẤU

Mỗi cuống có 3 lá như cây bông gòn, có 2 loại tím và trắng, chỉ tạp dụng mà thôi.

CÂY CẢ-DỒI

Lá như lá cây viên-viên, cũng loại gỗ tạp.

[13a] CÂY SAM

Có 2 loại đỏ và trắng, loại sam đỏ nhiều đốt, có vân xoáy tròn như ốc loa, gỗ phiến hay nứt nẻ, hoặc chỗ thịt xoáy tròn tự nhiên rụng rớt không thành vật liệu, ngâm nước là phải

(1) Tam hòa thồ : là vôi cát và đất.

(2) xúc lác : bôi vào mụn nhọt,

mục nát, duy có nấu dầu và làm lịch thanh (1) để dùng mà thôi. Loại sam trắng gọi là trúc-sam thì còn khả-dụng hơn.

NAM CHỦ (cây gió)

Lá như lá dâu núi, vỏ dùng làm giấy, mềm bền trong trắng, giấy sản xuất ở trấn Biên-hòa rất tốt.

CÂY MIÊN

Miên có 3 loại : sơn miên (cây gạo), mộc-miên (cây gòn), miên-hoa (bông vải—có tên là cát bối hay là cỏ-bối) đều dùng làm vải, mà loại cát bối thì tốt hơn.

CÂY ĐỒNG

Lá nhọn mà lớn, thân cây thẳng, thớ thịt bền, dùng làm cột buồm và sào dăng buồm.

CÂY NHA-ĐỒNG

Lá nhỏ, hoa màu hồng lợt, cây đứng thẳng, thớ thịt trắng có ngòi như ngà voi, dùng khắc con dấu và bản in sách rất tốt.

CÂY THỦY-MAI (tục gọi mù-u)

Lá, hoa giống cây mai, không có gai, quả tròn bằng ngón chân cái, ngoài có da mỏng, trong có lớp vỏ cứng bao 1 cái hạt. Dùng hạt ép ra nhựa xanh là thứ thuốc cần thiết để trị đao thương; dầu dùng thắp đèn, loại kiến để không ăn được. Cây cong queo [13b] cứng bền, thường được trồng nhiều để làm vật dụng trong ghe thuyền như cái xà cong và tay lái cong.

Thuộc loại «mộc» còn rất nhiều, đây chỉ biên chép những thứ cây kỳ dị và cây thường dùng, còn những thứ gỗ thô tạp không cần biên vào.

(1) lịch thanh, không rõ thứ gì ?

Loại trúc (tre) cũng rất nhiều không thể biên cho hết. Sách «tài-thọ» nói : loại trúc 60 năm 1 lần ra trái rồi khô chết, chỗ trái rụng bay ra lại mọc lên thành lùm, như xứ Đồng-môn ở Biên-hòa, sông Trúc-giang ở Tân-châu, từ xưa gọi là rừng tre vậy. Năm Gia-Long thứ 10 (1811) tre ra trái rồi chết cả, sau thấy nơi bàng-cận lại phát sinh, nay đã như cũ. Lại có người lấy trái đem trồng cũng được thành tốt. Ở trấn Vĩnh-thanh, Định-tường sản xuất tre Tầm-phong, thân tròn 3, 4 tấc, tre này đặc ruột mà nhẹ thẳng dùng làm cán giáo, các trấn kia không có. Còn thứ tre rần nên trồng vào chỗ vườn rợp bóng thì vẻ hoa mới tốt đẹp.

[14a] DA (*cây dứa*)

Đất nước ngọt, mặt đều trồng được cả, quả già, non đều dùng được, thịt trong quả già dùng nấu dầu xức tóc, nấu đồ ăn, và thắp đèn, đều thích dụng. Xơ dứa, vỏ dứa dùng đánh dây neo, sọ dứa chạm trở làm chén đĩa ve bình, cưa làm muống, gáo, có thứ sọ nhỏ bằng trứng gà mà hơi đẹp dùng làm bình đựng hỏa dược, và muống nhỏ uống nước, ai cũng ưa thích.

Loại dứa nước không có cành, ban đầu ở dưới bùn mọc lên mầm nhọn, lần lần bên mầm nảy ra lá xanh đồng đặc và có tàu dài rẽ ra hình như đuôi phụng, kể đó mọc lên có từng lớp thứ tự thành lùm cao hơn một trượng. Người ta cắt lấy tàu lá nhỏ chẻ ra làm hai, phơi khô để lợp nhà. Còn tàu lá lớn thì chỉ cắt lấy lá bện thành phiến cũng để lợp nhà phổ và lót lúa gạo, vỏ bẹ dùng làm chuỗi xâu tiền, tiêu-nhũ (1) trong lá đốt ra tro rắc trên mụn nhọt cho trẻ nhỏ,

(1) Tiêu nhũ : trái non ở trong tàu lá.

buồng quả còn non chưa nở bẹ, [14b] dùng ăn và cũng làm rượu được. Loại dừa nước ở Gia-định có công dụng công va tư nhiều cách.

THIỆT-TÔNG

Tục danh cây móc giống như cây dừa mà có nhiều gai, thớ cây đen mà cứng bền, dùng làm cột nhà, gác phòng và xẻ ra làm đôi liền rất thú, lại dùng làm đồn lũy có gai nhọn và cứng. Tông-trúc dùng làm rế quạt, giá trướng, hoặc dùi cho rỗng ruột làm ống đồng thổi chim. Quai-tông : lá giống bồ-qui, có gai, cây cao lớn như cây dừa, dùng làm trụ cầu và cần lưới.

BỐI-ĐA-MỘC (*cây thốt-nốt, hay cây lá buôn*)

Giống như cây bồ-qui mà to lớn đứng thẳng, không có nhánh, cành lá trên ngọn cây tỏa lên bốn phía tròn quanh như cây long, cành lớn có 3 cạnh, bên cạnh nứt ra cành nhỏ, sinh lá tương đối nhau, bốn mùa không vàng rụng, cành lớn dùng làm tên bắn cung, cành nhỏ dùng đánh giầy, lá già bện thành phen để che mưa gió, lá non chẻ ra làm buồm, cả nước đều lợi dụng. Ở Cao-miền dùng lá già để bện làm thơ khế được lâu bền.

[15a] ĐẰNG (*máy*)

Ở đảo Phú-quốc thuộc Hà-tiên sản xuất thứ long-đăng, mình tròn 3 tấc, dùng làm dây chằng cột buồm, và chẻ đan cá; hộc dong lương lúa gạo. Trong núi cao Phiên-an và Biên-hòa cũng có mây thiết-đăng, thủy-đăng và mao-đăng dùng làm nhiều cách được bền dẻo mà lại có số nhiều, các hạt không sanh được.

LOẠI QUẢ

Ba la mật : Mit. Có 2 loại : ươi và ráo, cây lớn 2 ôm, dùng làm tang trống, cột nhà và cửa ván.

Cam (cam)

Quất (quít)

Trúc (bòng bưởi)

Tranh (chanh)

Long-nhãn

Lệ-chi (trái vải)

Thị (thị)

Tiên thậm (quả dâu tiên).

Phật thậm (quả dâu phật).

Phật đầu lê (hay tử-cầu-tử, quả măng cầu).

Cảm lằm (quả bùi trám)

Mộc bút tử (gấc)

Dương đào (quả khế)

Võ hoa quả, lại có tên là Ưu đàm hoa (quả sung)

Hiệp hoan đậu, lại có tên là Toàn đậu.

Tiên lý (quả mận)

Sơn lựu (quả lựu núi)

Toan cầm (trái bứa)

Mông quả (1) lại có tên là Am-la hay là Hương-toán (xoài): quả lớn, thịt vàng, vị thơm ngọt gọi là tượng-mông (xoài tượng); quả nhỏ hơn, thịt trắng, dưới hình nhọn, cong gọi là anh-ca-mông; thịt trắng, quả dài gọi là mã-mông; quả tròn mà hơi dẹp gọi là toan-mông (xoài chua); quả nhỏ gọi là phạn-mông (xoài com) hay là nọa-mông (xoài nếp) khi chín có chấm đen ngoài da, vị rất thơm ngọt.

Thạch-lựu: quả thạch-lựu, duy nơi nước mặn ở Cần-giờ rất ngon ngọt mà quả lại lớn và sai, có đặc biệt hơn.

Mộc qua (thu đu).
Xú lê (quả bình bát).

Miền đào: lá hơi chua, dài lớn như lá xoài, hoa hồng nhiều tua, quả bằng nắm tay, da hồng, [15b] thịt trắng, hạt tròn bằng ngón chân cái, quả như quả bùi, người ở núi phoi khô đem bán; khi ăn ngâm nước nở mềm, một quả đầy 1 chén, bỏ gân da rồi thêm đường vào ăn; tánh đại hàn, mùa hạ nên dùng để giải nhiệt.

Tiêu (chuối) có nhiều loại: chuối kim-tiêu, chuối bà hương, chuối hồng, chuối cau, chuối mật, chuối hạt; có loại cây cao 3 thước, trổ buồng có nhiều nải, dài thông tới đất. Có khi phoi khô để làm thực phẩm, tơ trong bẹ lá dùng dệt làm vải.

(1) Chữ Mông cứu trong Tự-diện Khang-hy không phải định nghĩa là xoài, nhưng vì vua Minh-Mạng đặt cho tên xoài là Mông (thấy trong Đại-Nam Nhất-thống chí Thừa Thiên về quyển 3, loại quả) nên đây cũng gọi là Mông.

Phiên-lê, (thơm) có tên nữa là bách-nhãn-lê hay là phụng-lê. Vườn ở núi hay trồng nhiều, người bán thơm trước ngày Đoan ngọ (ngày 5.5) bán 10 quả, ngoại lệ phải thêm 1 quả, nhưng chỉ trả tiền theo giá 10 quả mà thôi. Còn sau ngày Đoan-ngọ phải gia thêm 3 quả. Lá thơm dùng dệt vải được

LOẠI HOA

Những hoa đặc biệt:

- Mạt-ly (hoa lái)
- Hoàng mộc bút (hoa sứ vàng)
- Thanh mộc bút (hoa sứ xanh)
- Nam mai (hoa mù-u)
- Dã-mẫu-đơn (bông trang)
- Nguyệt-quí (hoa hồng)
- Mộc-lan
- Giao-hoa (hoa dứa)

Những hoa thường có:

- Hồng bạch liên (sen hồng, sen trắng)
- Bách điệp liên
- Cúc (hoa cúc)
- Mộc tê (hoa mộc)
- Trà hoa (hoa trà)
- Giải thảo hoa (hoa công chúa)
- Lệ xuân

- Quế hoa (hoa quế)
 Tử kinh (hoa Tử-kinh)
 Ngự-tử-lan (hoa ngâu)
 Tổ-hình (hoa tổ hình)
 Thủy tiên (hoa thủy tiên)
 Tử muội hoa (hoa tử muội)
 Mộc-cần (bông but)
 [16a] Giáp trúc đào (hoa đào)
 Kim-phụng (hoa móng tay)
 Hồ-điệp (hoa bướm)
 Tý ngọc (hoa tý ngọc)
 Ngũ sắc kê quan (hoa mồng gà năm sắc)
 Quì hoa (hoa quì)
 Phù dung (hoa phù dung)
 Hồng hoàng bạch lựu hoa (hoa lựu sắc hồng, sắc vàng
 và sắc trắng)
 Tiễn nhung, Cầm trúc (hoa cầm nhung)
 Mạn lý (hoa lý)
 Thiên nhật hồng (hoa nở ngày)

Những hoa kể trên các nơi đều có.

LOẠI CÁ BIÊN

Tượng-ngư : cá voi. Đầu tròn, nơi trán có lỗ phun nước ra, miệng mũi giống như con voi tron lảng không có vảy, đuôi

có 2 chi giống đuôi tôm, tánh từ thiện biết cứu trợ người, nên nhà ngư-nghệ thường gọi là nhân-ngư. Hay đuổi các thứ cá vào lưới, gặp thuyền đi biển bị chìm úp, cá này thường đưa người vào bờ, dân miền biển đều kính lễ, thấy thây cá này trôi giạt, dân chài lưới góp tiền mua vãi, hàm liệm chôn, người trưởng trong ngư-hộ đứng làm tang-chủ, cất đèn phụng sự. Tự điển nhà vua phong làm Nam-hải Tướng-quân, vì ở trong vùng Nam-hải thì được linh ứng, còn ở biển khác thì không linh. Mỡ cá dùng trị chần đậu, phong nhiệt và đỏ mắt.

Đao-ngư: cá đao. Nơi đầu có mọc ra cái xương dài, răng nhọn như răng cưa, mình xanh đen, không có vảy, có rún để con.

Giao-sa [16b] có tên nữa là Xà-ngư (cá xà) da có sạn, lớn đến 3, 4 ôm, dài hơn 1 trượng, mắt đỏ, miệng lớn. Tánh rất dữ, thường thừa khi gió sóng nổi mạnh, cả bầy đuổi theo ghe thuyền, chực ghe chìm úp dặng ăn thịt người. Người đi ghe phải bỏ xuống 1 cục đá hay 1 bao gạo, đợi cho nó nuốt đầy bụng, rồi mới chạy đi. Cá này cũng có rún để con. Lại có loại cá xà ở hồ, nhỏ hơn, ăn tươi hay phơi khô để dùng đều được, còn râu và vị của nó phơi khô là những thực phẩm thượng hạng.

Bạch-điều ngư: đầu giống đầu chim, mình vuông, rộng mà mỏng đẹp, có phần trắng, không vảy, bề ngang hơn 1 thước, bay trên mặt nước, vị rất ngon ngọt, duy hải cảnh Đồng-tranh có cá này mà thôi. Loại ấy lại có thạch-điều-ngư, mình đen, da nhẵn nhiu. Tông-điều-ngư, phần-điều-ngư đều nhỏ hơn mà vị lạt, nơi nào cũng có.

Biết ngư : cá bợt, trên mình đen, dưới bụng trắng, hình tròn mà dẹp, có rìa như con ba-ba, mắt ở trên lưng, miệng ở dưới bụng [17a] sống lưng có cát khô nhám dùng để mài đồ, đường kính 3, 4 thước, cái đuôi giống cái roi dài 4, 5 thước, thịt ăn tươi hay phơi khô dùng đều tốt.

Cá hồng : mình đỏ hình như cá chép (cá gáy) ở chỗ rạn sâu dưới biển. Người làm nghề cá khi xuân hạ giao tiếp, chuẩn bị gạo nước trong ghe đủ dùng nửa tháng cứ nhóng biển đông chạy ra chỗ không có cồn đảo để làm tiêu chí, chỉ nhớ thuộc lòng dưới chỗ ấy có rạn sâu (đá ngầm), nhận định chắc chắn rồi thả neo xuống. Dây neo ấy dùng bằng sắt, cột cứng chặt vào đầu cái neo (chỗ đầu neo có 3 chĩa) lại đem thân dây giáp lại cán neo, cán neo có lỗ trống, dùng 1 cái dây nhỏ cột gá cái dây sắt tại chỗ lỗ ấy, rồi thả xuống biển. Khi đi về thì dụng lực kéo neo lên, khi kéo thì cái dây cột giá ấy tự đứt, mà đầu neo tự chạy theo mối dây sắt mà nổi lên. Nếu không làm như vậy thì chĩa neo mắc trong rạn đá ngầm không thể nào kéo lên được. Làm như vậy xong rồi mới thả câu xuống. Cá này tính ưa tĩnh mịch, thường ẩn ở bên mũi rạn thật sâu, không ra xa ngoài rạn, cũng không lên trên đầu rạn, phải câu cho trúng chỗ vực nó núp, thì mới được, vừa câu được vừa mổ phơi [17b], câu cho mãn nguyện mới về, đem bán được nhiều lợi. Nhưng có khi gặp gió bão thường phiêu lưu đến nước khác. Nghề này rất gian hiểm, duy có cha con truyền nhau mới làm được. Loại cá này lại có thứ «hắc-lân tinh-diệu» (vẩy đen sáng như sao) và «ngũ-sắc thất-bửu», nhưng thịt cứng và lạt, thực là vô vị.

Thu-ngư (cá thu) : lưng xanh không vẩy, dài 5,6 thước, ăn gỏi sống rất ngon, muối làm mắm để ăn được lâu ngày.

Liên-ngư (cá ngư) : thịt có từng lớp bao quanh như hoa sen, không có vảy. — Mai-ngư (cá mè) : hơi đẹp, nhiều xương, thịt ngọt béo. Hai loại này có mỡ dùng thắp đèn. — Thạch-đầu-ngư (tục danh cá ướp), trên đầu có thạch-châm (cục đá) vảy nhỏ, thịt nhiều. Cá mèi và cá ướp làm mắm nước đều rất thông dụng.

Mặc-ngư (con mực), hình tròn, có 8 cái râu, da hồng, thịt trắng, có cái nan mỏng và sáng giữa ruột, mỡ có cơm, ruột có chất đen như mực, mình dài 5, 6 tấc, [18a] dùng phơi khô. Loại này có thứ nhỏ tròn độ 1 tấc, như con nhện lớn, thịt cũng ngon ngọt, có thứ tròn mà lớn gọi là ô-tặc cùng thứ lớn có cái mai, thịt đều cứng và lạt.

Nhuễn ngư : thân mềm không vảy có xương xâu dính nhiều đốt, miệng bén như răng cưa, hòa bột gạo nấu canh hoặc phơi khô đều tốt.

Cá bài-đàn : thịt có từng miếng như cây bạch đàn lớn, chu vi thân mình có vảy nhỏ, sắc hồng-đậm.

Dự-ngư (cá rựa) : mình đẹp, đầu bằng, ngang 4, 5 tấc, dài hơn 2 thước, nhiều xương dăm, không có vảy.

Mạt ngư (cá bẹ) : mình đẹp bề nghiêng, nhiều xương, thân dài, vảy lớn, trắng như ngọc, thịt béo ngọt.

Y-đái ngư, kê-tý ngư, hải-phạn ngư (cá cơm) ngân-tai ngư (cá bạc má) đều ngon ngọt.

Thử-đầu ngư : giống như con chuột mà có sừng.

Chùy-ngư : giống con cá hồng mà nhỏ, bờm có gai nhọn.

Hải-đồn-lạp ngư : giống cá mai mà mỏng, có 2 sắc hồng và trắng.

[18b] Sông-ngư (cá sông) : vảy dài mọc ngang theo mình, bén như dao.

Lão-ông ngư : lưng khum, nơi miệng hàm trên lồi ra, hàm dưới lõm vào, như miệng ông già.

Hải-mã : mình vuông vẩy nhọn, không nên ăn.

Thủy-mẫu, có tên nữa là sạ-ngư (con sứa) : một vật đàn-dòn như cái vị con dê, không có đầu, mắt, bụng, tạng, chân sẽ ra mỏng mảnh như năm bông vải, mình lớn bằng cái quạt, có bảy tôm phụ theo để giúp tin tức, con nào sắc trắng nõn và tím lợt thì không nên ăn. Có thứ tròn mà nhỏ như cái chén, phải dùng phèn chua ngâm và dầm muối, giấm thì tánh ôn, trừ được chứng lãnh nhiệt, tháng mùa hạ dùng ăn sống.

GIANG NGƯ (loại cá ở sông)

Loại cá ở sông cũng có thu-ngư, phần điều-ngư.

Mai-ngư, tuy nhỏ con mà ngon hơn cá ở biển.

Đao-ngư, hồ-sa-ngư : Ăn gỏi ngon đệ nhất.

Giang-phạm-ngư dùng phơi khô, giang-kê-tỳ-ngư, 2 thứ cá này ngon hơn cá ở biển.

Lý-ngư (cá gáy) Lô-ngư (cá vược).

Bào-ngư : miệng lớn vẩy nhỏ.

Bạch-lò-ngư (cá hanch), thịt ngon ngọt.

Thiên-ngư : vảy lớn [19a] nhiều xương, nướng ăn thịt béo ngọt, không nên ăn gỏi sống ; mùa thu sinh, mùa đông chữa trứng đầy bụng, ăn nhiều hay tiết tả. Ở Vĩnh-thanh và Định-trường có rất nhiều, các tỉnh phía bắc không có.

Tra-ngư (cá tra) : vi và kỳ có xương nhọn, không có vảy, mình xanh, bụng trắng, lớn 5, 6 thước, béo lắm, thịt dùng phơi khô, mở dùng thấp đẹn, sơn ghe ; loại mình vàng mà nhỏ con hơn gọi là lãng-ngư (cá dià), loại lưng xanh gọi là lô-hoa-ngư (cá bông-lau).

Phúc-giác-ngư : giống như cá dià, có 2 cái sừng.

Úc-ngư (cá úc) : đầu cứng rắn. Soát-ngư : mình như cái hạch mà nhỏ, lưng xanh thịt ngọt béo, nên tục xưng là thủy-sâm.

Lại có thứ cá nhỏ gọi là giác-ngư (cá tre).

Xuy-sa-ngư (cá bống) : mình tròn mà vàng, vảy nhỏ, có thứ mình có chấm đen, hoặc đen cả mình, thì vị không được ngon ngọt. Thỉ bội ngư (?) : hình tròn, vảy lớn, thịt dùng làm tương, trứng phơi khô, thứ nhỏ hơn gọi là xử ngư, nhỏ hơn nữa gọi là đối ngư, có cánh như cánh con ve sấu bay nhảy trên mặt nước, cũng gọi là giang-thanh-đình : cá chuồn sông. Ngư-thiệt-ngư : cá lười trâu, nửa mình như chẻ đôi, trên đen dưới trắng.

Ban-tai-ngư—Vãn-ngư—Ma-ngư (cá mè)—Phường-ngư—Kiềm-ngư (cá kiềm)—[19b] Lệ-ngư (cá chình)—Kiềm-đầu-ngư—Tiền-ngư mình đẹp, béo ngọt, không vảy, trắng non như ngọc. Phương-ngư, đầu vuông, bằng, mắt giống tôm, vảy sáng, vi

kỳ xanh xanh đỏ đỏ, bay chạy lảng vảng trên mặt nước, có con lớn bằng cổ tay.

TRẠCH-NGƯ (cá ao ở hồ)

Hoa lê ngư : cá tràu bông hay cá lóc bông. Lê-ngư : cá tràu—Quá-son ngư : cá rô, có nhiều nước nhớt, khi nước cạn khô lấy xương má lóc đi trên lục-địa, nên gọi quá-son-ngư—Dác ngư : cá trê, có râu không vảy, 2 cánh như cái sừng—Điệp-ngư, di-thu-ngư đều dùng ăn tươi không hết, cả nước không đâu sánh kịp—Hoa-lê-ngư : cá tràu bông phơi khô mỗi năm ghe buôn mua đến hơn 10.000 cân, còn cá tràu không bông phơi khô chỉ đủ dùng trong nước, trong ruộng nơi nào cũng có, nhưng không được nhiều, mà vị ngon hơn—Hoa-mạn-ngư (con lịch) đầu bằng, mình tròn có hoa rần, không vảy, lớn bằng ngón tay, vị béo ngon, lúc có mưa theo trong ruộng đi ra, người làm nghề trồng cái đặng bằng tre ngăn hạ lưu dòng sông, lấy cái đó (đó bắt cá) hứng mà bắt, lệ có thuế khóa.

Hoàng-thiện (con lươn) [20a] trong ruộng ao đều có.

LOẠI CÁ ĐỘC Ở BIỂN

Cá thốc-ngư : cá nóc. Mình tròn bằng cườm tay, da nhô nhám như gai, có hoa vàng vàng đen đen, bụng lớn, đuôi nhỏ, người ăn nhắm phải chết, hoặc bảo độc của nó là ở tại buồng gan, bỏ đi thì ăn không hại gì, nhưng nó là vật độc đừng ăn là hơn.

LOẠI CÁ ĐỘC Ở SÔNG

Cá mạn-xà : giống con rắn, có râu, không có vảy ; người bị nó cắn, thì phát bệnh ngủ mê man, như bị cắn giờ dần ngày

nay thì đến giờ dần ngày mai mới tỉnh mà khỏi bệnh; đốt xương của nó để trừ sâu bọ trên cây—**Quý-diện-ngư** : mình nhỏ độ 1 tấc, tròn mà dẹp, có vẩy rần, chích vào người thì phù thũng đau nhức, lần lửa ngày giờ mới bình phục.

Sông Kiến-đăng có thứ ốc gạo, vỏ trắng xoáy tròn, lớn bằng ngón tay, nấu chín thì dưới cái yếm của nó lòi ra đùm mỡ trắng như bột gạo, vị thơm ngon ; nó nguyên ở dưới sông sâu, tháng 4, 5 dờn đến bến cạn, người làm nghề đem thuyền cào hốt chở bán chỗ xa gần [20b] ; tháng 7 mang thai, tháng 8 trở về sông sâu. Vỏ dùng làm vôi. Ở sông Biên-hòa có hến là ngon thượng hạng. Ở vùng sát nơi biển có thứ linh-loa (ốc linh) dài độ 1 tấc, lớn bằng đầu nhọn ngón tay, thịt có gân xanh, nấu nướng có vị béo ngon—**Tiểu-da-loa** (ốc dừ) nhỏ bằng móng tay, thơm ngọt ăn no say không chán—**Ốc huyết-sò** ở chỗ bùn dưới biển, tròn bằng chén rượu, vỏ nhẵn nhieu nổi chông gờ ghề, bò đi bắt câu chỗ nước sâu cạn, thịt ngon ngọt hơn các loại khác, ở các hạt không có, nếu có một ít cũng không có mỡ huyết mà vị lại thô đậm — **Hải - kính** : tục danh cái điệp-biển, thịt làm tương nắm được vàng đỏ, ngọt và giòn. **Trường-sanh**, **Văn-cáp**, **Ngao bụn** (ngao sò) xa cừ, tương-nhĩ-bụn (ốc tai tượng), thịt dùng ăn. Vỏ dùng khảm đồ vật có vẻ sáng rực rỡ.

Tôm đỏ : ở biển, phơi khô bán cho ghe buôn, duy có trấn Vĩnh-thanh và Hà-tiên là nhiều, 1 năm có đến 100.000 cân. Có loại tôm bạc nhỏ bằng đầu đũa, vị thơm nực mũi—**Tôm hùm** vỏ có sọc rần nhiều gai, [21a] lớn bằng cườm tay, thịt dùng ăn, vỏ treo để chơi cũng ngoạn mục—**Tôm xanh** ở sông vỏ xanh tròn 4, 5 tấc, có 2 cái kèm lớn như ngón tay, thịt ngọt

thơm ngon béo, mấy hạt dĩ bắc không có—Lại có thứ tôm nhỏ là tôm trắng, tôm đất, tôm thiết, ăn cũng thích khẩu.

Cua (giải) : lớn bằng cái điệp, nhiều gạch vàng, giòn ngon, người làm nghề, ban đêm đặt cái giỏ ở dưới sông, nơi miệng giỏ có gài ham tre, bỏ mồi trong giỏ, cho cua vào mà không ra được, sáng ngày dỡ giỏ lên bắt. Những đêm tối trời (không trăng) cua mập mà bắt được nhiều. Có thứ cua ruộng, bằng chén rượu nhỏ, gọi là nha-tù, ăn cũng thích-khẩu, thịt ít, vị đậm. Con sam (hậu) vị ngon, trứng dùng làm mắm tương.

Cá sấu (ngạc) : đầu vuông, mỏ nhọn, mi có cạnh khía, đuôi có chĩa, răng nanh dữ tợn, không có má tai, có 4 chân, không vảy, sức mạnh ở đuôi; có loại vàng-đen lớn bằng chiếc ghe rất dữ tợn, thường lấy đuôi đập vào người cho ngã xuống sông để nuốt. Theo dọc sông [21b] tìm những gốc cây cong mà thấp để giả căn chơi, nên có người lằm đi đến bị nó cắn, liền khi ấy nếu thương tích nhẹ thì leo luôn lên trên cây cao để tránh cho khỏi. Con cá sấu dữ có tránh-quí (1) phụ họa, ăn được nhiều người, bụng cá thường có những đồ thoa xuyên vàng bạc. Con sấu nhỏ tầm thường người ta câu bắt, ở nước thì nuôi trong cái bè, trên đất thì nuôi trong các chuồng, rồi đem bán cho tiệm đồ-tễ, da dùng phơi khô, răng làm cán đồ dùng.

GIỚI TRÙNG : (loại trùng có vỏ)

Rùa núi, rùa ở chàm ở sông, có loại nhỏ đường kính 1 ăc. Chủy-duy (rùa lớn) : vỏ mỏng như vỏ đời-mồi. Biết : tục danh cô-đỉnh, con nhỏ gọi là hòn, đầu nhọn, hay cắn, có rìa ăn

(1) Tự vị Khang-hy nói : Con hồ ăn người, rồi hòn người không dám đi đâu, bèn lệ thuộc phụng sự con hồ, gọi là tránh qui (thành yếu).

ngon giòn, dùng con nhỏ ngon hơn, cho nên ngạn-ngữ có câu : « qui cân biết lượng » ý nói con qui (rùa) cho được 1 cân, con biết (con hòn hay ba ba) cho được 1 lượng (1)—Phong-biết (con ba ba núi) vỏ có da mềm, không có ria, hình nó vun tròn như hòn núi vậy—Con đại-mạo (con đười ươi) và con hải-biết (ba ba biển) đường kính lớn đến 4, 5 thước.

[22a] LOẠI CHIM

Chim trĩ (có vãn thể gọi là cầm-kê) mào trên đầu đỏ, mình có lông xanh gọi là điều trĩ.

Không tước (con công)

Huyền hạc (hạc đen)

Anh-võ (chim anh võ)

Tần-cát-liễu (chim nhồng)

Phỉ thúy (chim ó)

Yến (chim yến)

Bạch nhàn (chim nhàn trắng)

Ưng (chim bà cắt)

Diên (chim điều hâu)

Hoàng oanh (chim vàng anh)

Giá cô (chim đa đa)

Hỷ tước

Tích linh (chim nắt nước, chim dâu giầu)

Phù (vịt nước)

Lộ (chim cò)

(1) Ý nói ăn thịt rùa nên dùng con lớn, ăn thịt hòn nên dùng con nhỏ.

Son kê (gà rừng)

Thủy kê (gà nước)

Am thuần (chim cút)

Thủy âu (chim âu)

Lư tư (chim chuồng chụa)

Gia cấp (chim bồ câu)

Thỏ cấp (cu đất)

Thanh cấp (cu xanh)

Tước (chim sẻ)

Báo triều điều (chim bịp, khi nước lên thì nó kêu, nên gọi là báo triều)

Lão-ông-điều (chim ông già, bộ đi lam khăm, nên gọi tên ấy, trong cổ nó có cái dây để đựng cá tôm khi ăn vào)

Bồ-nông : con mới nở lớn bằng con ngỗng, sắc xám tro, cánh dùng làm quạt)

Hải-nga (con ngỗng biển, lông cánh đen, dùng làm cánh tên để bắn)

Thốc-thu (chim sói đầu)

Trác mộc diêm (chim gỗ kiến)

Trúc kê (chim te-vet-vet, hay te hoạch-hoạch)

Hỏa kê (sản xuất ở Tây-dương)

Tiêm áp (vịt xiêm, lông đỏ mà pha vằn xanh trắng)

Như (chim nghịch).

Lục anh vồ (chim két)

Thổ điều (chim thổ, ban đêm hay đi kiếm ăn).

Chi thước (chim ác là)

Ngư thước (chim cuồng)

Luyện thước (chim khách)

Linh thước (chim sáo) : đầu có mào đỏ, sọc vàng, chân vàng, cũng có loại chân đỏ, lông cánh tròn đen, đều biết nói tiếng người, nhưng chỉ có linh-thước chân vàng là giảo hoạt hơn)

Phục điều (chim cú)

Hiêu điều (chim mèo, khi nhỏ ngó tốt đẹp, khi lớn thì xấu xí, hình như con gà mái, có vẽ rắn, tiếng kêu và con mắt giống như mèo).

Kiều (chim heo, tiếng kêu như heo)

Từ chim cú trở xuống đều là loại ác điều, không hiền lành.

[22b] LOẠI THÚ

Tè (muông tè)

Tượng (con voi)

Hùng (con gấu)

Hồ (hùm, cọp)

Báo (beo)

Ngưu (trâu)

Mã (ngựa)

Dương (dê)

Hoàng ngưu (bò)
Mi (nai)
Lộc (hươu)
Chương (cheo)
Sơn ngưu (trâu núi)
Sơn mã (ngựa núi)
Linh dương (dê núi)
Sơn trư (heo rừng)
Dã hồ (con chồn)
Thố (con thỏ)
Lại (con rái)
Viên (con vượn)
Hầu (con khỉ)
Bạch mi hầu (khỉ mi trắng)
Hắc hầu (khỉ đen)
Tinh tinh (con đười ươi).

GIA-ĐÌNH THÀNH THÔNG-CHÍ

QUYỀN VI

[1a] THÀNH TRÌ CHÍ

(Phụ lục : công thự, kho đụn, chùa miếu,
chợ phố và cầu — đường)

Trong truyện có nói : thành là chỗ để ngăn kẻ dữ, để báo cho dân, ắt có vách thành cao, murong hào sâu, dự phòng sự bất ngờ, ấy là thiện sự lớn lao vậy.

Gia-định là hùng trấn miền nam núi sông ngàn dặm, đủ cả thiên hiểm địa lợi để làm rào dậu cho Quốc-gia, hình thế vững chãi, không chế được cả Tiêm-la Đồ-bà và Ai-lao, thu phục được cả Cao-miên và Sơn-man, đặng làm giềng mối cho 5 trấn, nghĩa là tóm giữ tất cả yếu địa then chốt vậy. Vì vậy nên công-thự trấn thành ắt phải tráng lệ, để thị oai với người xa, kho tàng ắt phải sung mãn, để vững cội gốc. Trông chùa miếu tôn nghiêm mà biết có thần linh hiển hách, thấy làng xóm chợ quán chỗ nào cũng thanh vượng mà biết dân vật giàu đông, đi đến đâu cũng thấy cầu cống đường sá [1b] tu trúc chỉnh tề mà biết cương vực bền vững, đức-chính và địa-hiềm đều tu sửa, trong ngoài được an ninh, thật đã tốt đẹp lắm vậy.

THÀNH GIA-ĐỊNH

Gia-định nguyên xưa có nhiều ao chằm rừng rú, thuở vua Thái-tôn (Nguyễn-phúc-Tần, 1648-1686) sai tướng vào

khai thác phong cương ở nơi bằng phẳng rộng rãi, tức là chỗ chợ Điều-khiển ngày nay, xây cất đồn dinh làm chỗ cho quan Tổng-tham-mưu cư trú, lại đặt dinh Tân-thuận tức nay là lân Tân-thuận, có cất nha thự cho các quan Giám-quân, Cai-bộ và ký-lục ở, lại có quân-trại hộ vệ, ngăn ra từng khu rào, ngoài ra thì cho dân trung chiếm chia lập làng xóm chợ phố. Nơi đây nhà ở xen lộn, đường sá chỗ cong chỗ thẳng cũng cứ để cho dân tự tiện, mà chưa rỗi rảnh chỉnh đốn cho thành biên bức ngay thẳng. Các chức Khố-n-súy (Tướng-súy trấn dinh) thay đổi làm việc cũng để y cựu như vậy. Đến mùa xuân năm Ất-ty (1775) đời vua Duệ-tôn (Nguyễn-phúc-Thuần) thứ 11 bị quân Tây-sơn đánh bại phải đến trú ẩn ở thôn Tân-khai. Mùa thu năm Mậu-thân (1788) lúc đầu Vua Thế-tổ (Nguyễn phúc Ánh) trung hưng [2a] việc binh còn đương bề bộn ngài phải tạm trú tại nơi đồn cũ của Tây-sơn ở phía đông sông Bình-dương để cho binh dân an nghỉ. Ngày 4 tháng 2 năm Canh-tuất (1790) tại chỗ gò cao thôn Tân-khai thuộc huyện Bình-dương vua Thế-tổ bắt đầu đắp thành bát-quái hình như hoa sen, mở ra 8 cửa, có 8 con đường ngang dọc, từ đông đến tây là 131 trượng 2 thước, từ nam đến bắc cũng đồng như thế, bề cao 13 thước, dưới chân dày 7 trượng 5 thước. Trên thành có làm «vọng đầu bát giác tọa» (chỗ ngồi hình bát giác) ở bên treo cái thang dây để duy trì cho được vững chãi, trên cái đầu ấy có quân ngồi canh gác, có điều gì quan ngại thì báo hiệu, như ban ngày thì treo cờ hiệu, ban đêm thì treo đèn hiệu, các quân sĩ cứ trông hiệu đó để xin thượng-cấp điều độ. Hào rộng 15 trượng 5 thước, sâu 14 thước, xây cầu ngang qua, ngoài đắp lũy bằng đất chu vi 1794 trượng, rất là kiên cố tráng lệ, ngoài thành đường sá chợ phố ngang dọc bài liệt đều có thứ tự; quan-lộ phía tả [2b] từ cửa Chấn-hanh do cầu Hòa-mỹ

đến sông Bình-đồng qua trấn Biên-hòa; quan lộ phía hữu, gặp chỗ nào cong queo, giăng dây đề uốn thẳng lại, đầu từ cửa Tồn-thuận qua chùa kim-chương do phố Sài-gòn đến cầu Bình-an qua gò Tuyên-tự đến bến Thủ-đoàn qua sông Hưng-hòa, trải qua gò Trấn-định rồi đến gò Triệu, con đường rộng 6 tầm, 2 bên đều trồng cây Mù-u và cây mít là thứ cây thổ nghi. Cầu cống thuyền đò nơi nào và khi nào cũng tăng gia tu bổ, đường rộng thẳng như tấm đá mài, gọi đó là con đường thiên lý của miền nam.

Năm ân-dậu(1801) sau khi thu phục Phú-xuân-kinh, vua dụ triệt hạ nhà Thái-miếu trong tỉnh thành. Năm Kỷ-ty (1809) niên hiệu Gia-long thứ 8 Tổng-trấn Nguyễn-văn-Nhân, Trịnh-hoài-Đức khâm-mạng xây cất tòa vọng-cung ở trước sân trong tỉnh thành, để gặp những ngày Nguyên-đán, Đoan-ngọ và sóc, vọng đem thuộc quan văn võ trong thành và trấn Phiên-an đến chiếu nghi chú làm lễ. Hai bên tả hữu xây lầu bát-giác [3a] treo trống chuông, kế theo đó dựng Hành-cung để phòng khi vua đi tuần hành đến ở. Sau Hành-cung làm công-thự Tổng-trấn, phía hữu làm công thự Hiệp-tổng-trấn, phía tả làm công thự Phó-tổng-trấn.

Ở 3 cửa Càn-nguyên, Ly-minh và Tồn-thuận có dựng trại quân lợp ngói tô đỏ trồng thật hoa lệ nghiêm trang; tu sửa vách thành và vọng-lâu 4 cửa Càn, Ly, Chấn, Tồn, cầu gỗ nơi 4 cửa lâu ngày hư mục, nay cùng xây lại bằng đá ong gác ngang qua hào, cầu cao rộng bền chặt, dưới có chừa đường trống cho thông nước, trước lũy ở cửa Ly-minh có dựng Thân-minh-đình để làm chỗ yết thị những chiếu dụ chỉ cáo và bằng-văn.

CUỘC CHẾ TẠO

Ở sau đường Cấn-chỉ và Đoài-duyet, có 3 dãy nhà ngói đối diện ở trước đường (Cấn-chỉ Đoài-duyet) ấy. Phía tả 1 dãy trại ngói làm sở đề súng, phía hữu 1 dãy trại ngói làm cuộc chế tạo, lúc đầu trung hưng bách công chế tạo nhóm họp ở đây và thâu trữ thổ sản hóa vật. Năm Tân-dậu khắc phục Xuân-kinh [3b] thì việc ở thành đã giảm bớt, năm Nhâm-tuất (1802) niên hiệu Gia-Long nguyên-niên, bãi bỏ nội-khố hàng-lua, còn sưu thuế sản vật thì đem nạp chứa ở đây, năm Gia-Long thứ 10 (1811) phân bỏ lại sản vật, biệt nạp thì dân phải nạp về kho trong 5 trấn (trấn nào nạp theo kho trấn ấy), cuộc chế-tạo đây chỉ thâu trữ những sắt quan mua của lái buôn người Tiêm đến bán cùng chứa giữ quan-vật và những đồ công tác tầm thường mà thôi.

KHO TIỀN BẠC

Ở phía hữu con đường Càn-nguyên và Khảm-hiêm, lúc đầu dựng Nội-khố thâu trữ đồ quý hóa như vàng, bạc, đoạn, vải, lụa, sau bỏ Nội-khố đổi làm kho. Kho Kiên-tín ở trong thành có 5 gian nhà ngói biệt thâu các sắc thuế và 5 trấn hội nạp tiền bạc, có đội quân Kiên-tín phòng thủ ở đây.

KHO ĐỒN-ĐIỀN

Ở phía tả con đường Càn-nguyên, Khảm-hiêm, nguyên là kho Sừ-tích. Năm Gia-long thứ 4 (1805) dựng 2 dãy kho ngói, mỗi dãy 6 gian thâu trữ số lúa đồn-điền để làm số lưu-sử còn dư thì trữ theo kho ở 5 trấn, có đội quân An-nòa phòng thủ ở đây.

TRẠI SÚNG

Ở phía tả trước cuộc chế tạo trong thành, có 15 gian lợp ngói, trên làm gác bằng ván [4a] để khí cụ phụ tùng của súng, trong trại bài trí các hạng súng lớn bằng đồng bằng sắt và hỏa-xa-trụ-súng, đều có cỗ xe vẽ đồ sơn đen, mỗi năm trang sức tốt đẹp, mình súng phải chùi dầu một lần cho khỏi rỉ.

KHO HỎA-DUỐC (*thuốc súng*)

Ở về phía sau trong thành, có 12 gian lợp ngói xây gạch, có thùng gỗ đựng thuốc để trên gác, người không phạ sự không được ra vào nơi đây.

XƯỞNG CHU-SU

Ở cách phía đông thành độ 1 dặm dọc theo bờ sông Tân-bình quanh theo sông Bình-trị nhà làm gác để hải đạo thuyền (đồ thủy chiến sở trường của nước Nam) chiến-hạm, ghe sơn đen, ghe sơn đỏ (phạm những thuyền đều thông xưng là ghe, dùng làm chiến-cụ, ghe ấy lớn và dài, dày và bền, có đặt nhiều mái chèo, ngoài sơn dầu đen gọi là ghe đen, sơn đỏ gọi là ghe đỏ) và ghe lê (ghe thuyền đều chạm trở vẽ vờ từ đầu đến đuôi gọi là ghe lê) cùng là dụng cụ thủy-chiến. Xưởng dài đến 3 dặm.

XƯỞNG VOI

Ở ngoài bãi đất cửa Khảm hiểm, ấy là chỗ thường trú vầy, hoặc có khi lựa để trong thành, hoặc khi đi tứ tản theo cỏ nước ở Biên-Hòa không có định lệ. Đầu mùa xuân có lệ kỳ-hương, bình hoạn [4b] thì nhà quan cấp cho thuốc uống, tắm rửa và chăn nuôi có chỗ nhất định, không cho lên cõi đến chỗ

chợ phố đông người, và nghiêm cấm vào trong vườn người ta hái những chuối, tre, quả phẩm.

TRƯỜNG THUỐC SÚNG

Ở cách ngoài cửa Khôn-trình 2 dặm, rộng 1 dặm, bốn phía trồng cây có gai, trong trường đủ đồ chày cối khi vật ; khi có chế tạo cần thận đèn lửa, ngăn cấm người ngoài không được ra vào lộn xộn.

KHÁM-ĐƯỜNG, NGỤC-SỞ

Ở ngoài chân lũy đất cửa Khôn-trình, năm Gia-Long 13 (1814) tháng 4 trọng hạ, mặt trước cất 1 tòa ngôi làm khám-đường, mặt sau cất 3 tòa làm ngục-thất, chia giam những nam nữ bị tội tù đồ nặng nhẹ, bốn phía trồng rào cây có gai, ngoài đào hào chứa nước, trồng cây ma-vương phòng thủ nghiêm mật.

SỨ-QUÁN

Ở phía hữu trước cửa Ly-minh cách thành 1 dặm, trước sau có 2 tòa nhà ngôi, mỗi tòa 5 gian, [5a] có lính tạo-lệ 20 người ; trước và sau có làm phụ Hải-quan-trưởng để trưng thâu thuế khoá thuyền luôn các nước.

HỌC-ĐƯỜNG

Năm Gia-Long thứ 4 (1805) đặt chính Đốc-học và 2 phó Đốc-học (giáp và ất) khi đầu dựng học-đường ở phía hữu ngoài lũy đất, năm thứ 12 (1813) đổi chỗ làm lại trên nền cũ đồn-dinh tại chợ Điều-khiển.

KHO BỐN TRẤN

Ở tại nền cũ kho Gian-thảo cách phía nam thành 4 dặm rưỡi, năm Mậu-thân (1788) trung-hưng mở rộng thêm ra làm kho chung cho cả 4 trấn Phiên-an, Biên-hòa, Vĩnh-thanh và Định-trường, để thâu trữ thuế khóa, chi cấp bổng hưởng, còn trấn Hà-tiên vì bị loạn lạc điều tề, đương chiêu tập, được miễn thuế, duy có 2 đạo Long-xuyên và Kiên-giang phải phụ nạp thuế vào kho trấn Vĩnh-thanh. Năm Ất-sửu, Gia-long thứ 4 (1805) làm 6 dãy kho ngói [5b] ở giữa làm đền Tư-thương để khi lễ cáo tạo việc trưng-thâu thanh khoản, ở mặt tiền có 4 cửa, 2 bên tả hữu và mặt sau đều có 1 cửa, ngoài trồng rào tre, trước mặt giáp sông xây đá ong làm bờ cù, 2 bên tả hữu và phía sau có sông nhỏ bao quanh làm hào ao. Năm Gia-long thứ 10 (1811) định những sản vật biệt nạp và thuế khóa của dân thì ở thuộc trấn nào đem nạp trấn ấy, thường năm đến mùa xuân chiếu theo số thuyền Tào-chính (thuyền của chính phủ) buộc phải lập trung chuyên chở về kinh, viên chức văn võ trong 4 trấn phải luân lưu mỗi phiên mỗi trấn 2 người, ngoài ra thì có những thuộc lại theo từng phòng bộ ngồi coi việc thâu nhận còn biên-binh hộ vệ theo ghe thuyền, gặp phiên của trấn nào thì biên-binh trấn ấy sung cấp đi theo.

TRƯỜNG DIỄN-VÕ

Ở phía tây-nam thành 10 dặm, nơi đây đất bằng rộng độ 50 dặm thường tháng giêng lựa ngày tốt tế mạ (1) tế cờ kỳ-đạo (2) và thao diễn trận pháp đều cử hành tại đây.

(1) Mạ : chỗ đóng quân ; tế mạ là tế tiền-nhân bày ra binh pháp.

(2) Kỳ đạo : lá cờ lớn đi trước hàng ngũ, trên cờ có cắm lông chim đủ 5 màu sắc.

[6a] ĐỒN GIÁC NGƯ (1)

Ở bờ phía bắc sông Tân-bình thuộc địa giới trấn Biên-hòa, cách thành 7 dặm, ngày 2 tháng 4 năm Kỷ-dậu (1789) khởi sự đắp, chu vi trồng cây thủy-mai, đối diện với bờ phía nam có đôn Thảo-câu (mương cỏ) làm thế nương dựa nhau.

ĐỒN THẢO-CÂU

Ở bờ phía nam sông Tân-bình, cách thành 6 dặm, thuộc địa giới trấn Phiên-an năm tháng khởi công và thể thức cũng đồng với đôn Giác-ngư.

LŨY BÁN-BÍCH

Do Đốc-chiến Nguyễn-Đàm đắp, hình như mặt trăng xếp có nửa bên vách mà thôi, ở địa giới huyện Bình-dương và huyện Tân-long, nay nền cũ vẫn còn (có nói rõ trong Cương-vực chí).

LŨY HOA-PHONG

Ở địa giới huyện Bình-dương, cách phía tây trấn 26 dặm rưỡi, năm Canh-thìn đời vua Hiên-tôn (1700) Thống-suất Chưởng-cơ Nguyễn lễ bình định Cao-miên rồi đắp, nay nền cũ vẫn còn.

ĐỒN TÂN-CHÂU

Làm đầu ải trọng-yếu, kiềm chế cả 3 đạo Tân-châu, Chiến-sai và Hùng-ngư. Đạo chính nguyên thuộc về thành lớn

(1) Dác-ngư có nghĩa là cá-trê.

[6b] đặt ở giữa sông Dinh-châu, phía đông là đạo Chiến-sai thuộc trấn Vĩnh-thanh, phía tây là đạo Hùng-ngự thuộc trấn Định-tường hình như răng chó khiên chế nhau, để ngăn chặn chỗ hiểm yếu. Năm Gia-long 17 (1818) phụng chỉ dời đạo Tân-châu đến cù lao Long-sơn, dời đạo Chiến-sai đến trên miệng sông Hiệp-ân, dời đạo Hùng-ngự đến miệng dưới sông Hiệp-ân, tháng 12 khâm-mạng Tả-quân Phó-tướng sung Vĩnh-thanh Trấn-thủ Nguyễn-văn-Xuân đắp Tân-châu phương-đồn mỗi mặt dài 15 thước, cao 6 thước 5 tấc, chân dày 18 thước trên đầu hẹp 4 thước, có 2 cấp ; chỗ chính trung của 4 mặt đồn đều đắp nhọn ra giống hình bát-giác, ở phía tả và phía hữu gần góc nhọn ấy đều trở một cái cửa làm chỗ biển binh phòng trú. Qui chế đồn Chiến-sai cũng phỏng theo thể thức đồn này, duy đồn Hùng-ngự ở lùi phía sau chỉ để làm nơi tuần tra, chưa xây đồn bảo.

[7a] TRẦN PHIÊN-AN

Ly sở trấn Phiên-an ban đầu dựng ở lán Tân-thuận, tổng Bình-trị, sau cũng nhơn theo đó, đến năm Gia-long thứ 6 (1807) đổi chỗ làm ở địa phận thôn Hòa-mỹ, phía đông bắc ngoài quách thành Gia-định, ngó tới hướng tây-nam, xây lưng sông Bình-trị, 3 tòa nhà ngói, ở giữa là công thự Trấn-thủ, phía tả là công-thự Cai-bộ, phía hữu là công-thự ký-lục, cũng đều gọi là công-dinh, bề dọc đều 80 tầm, bề ngang bằng một phần ba bề dọc, duy có dinh giữa rộng hơn 5 tầm. Năm thứ 18 (1819) cách sau Trấn-thự 6 tầm ngoài đại-lộ lại dựng 5 dãy kho ngói cho 4 trấn, mỗi dãy 31 gian cao quảng tráng lệ, đủ chỗ tàng trữ, có cất Thửa-ty, quân-trại giảng hàng ở trước sân 3 dinh, khám-đường và ngục-thất dựng ở phía bắc quan-lộ.

NHA MÔN HUYỆN BÌNH-DƯƠNG

Thuở xưa cảnh tượng hòa bình, phong tục thuần hậu, chính sự giản lược, toàn hạt Phiên-an không đặt huyện-trị, chỉ ở địa phương thôn Tân-long thuộc huyện Tân-long đặt [7b] 2 viên Đông Tây Phủ-thừa để kiêm lý. Đến tháng 3 niên hiệu Gia-long 12 (1813) mới chia đặt huyện nha ở Tân-thái-nhị-thôn thuộc đạo Quang-huy, cách phía tây Trấn 25 dặm rưỡi, khi ấy dẹp bỏ phủ-nha, chính quyền đều thuộc về Trấn-quan cai quản. Ở trước huyện-nha dựng Vọng-cung để làm lễ Chính-đán Đoàn,

dương và sóc vọng, kế làm 1 lãnh-sự đường và 1 đông-đường, 1 tây-đường, đặt 1 tri-huyện, 1 đề-lại, 2 thông-sự, 6 chánh-sai, 50 lính tạo-lệ.

NHA MÔN HUYỆN TÂN-LONG

Công-vụ xung phiến bề bộn; ở địa phận thôn Phước-tú, cách phía nam trấn 67 dặm, qui chế xây dựng cũng y như huyện Bình-dương.

NHA MÔN HUYỆN PHƯỚC-LỘC

Công vụ phiến phức khó nhọc ; ở địa phận thôn Thái-bình, cách phía đông-nam trấn 65 dặm, qui chế kiến trúc cũng như mấy huyện trước đây.

[8a] MIẾU HỘI-ĐỒNG

Ở phía nam trấn 5 dặm rưỡi, phía tây quan-lộ ; lúc xưa mới khai thác, dựng lên để thờ linh-thần trong cảnh-thổ, nhà miếu cao rộng, kỷ án rực rỡ, nay cũng như theo, xuân thu 2 lần tế, lệ có 50 lễ-sinh, 25 miếu-phu, trước miếu có cây đa sum sê lớn được vài ôm, hành khách qua lại thường ngồi nghỉ ở dưới bóng mát.

ĐỀN HIỂN-TRUNG

Cách phía nam trấn 5 dặm, ở phía tây quan-lộ, năm Ất-mão dựng lên phụng tự các vị khai-sáng trung-hưng công-thần, năm Giáp-tý niên hiệu Gia-long thứ 3 (1804) phụng Chỉ trùng tu, đem thần-vị Chưởng-hậu-quân Bình-tây Tham-thắng Đại-Tướng-quân Thái-úy Tánh-quốc-công Võ-công-Tánh và Lễ-bộ Thái-Tử Thái sư Châu-quận-công Ngô-tòng-Châu thờ tại

gian chính-trung, còn ra thì theo thứ tự thờ ở 2 bên tả hữu, có chép vào Hội-điền bộ Lễ, mỗi năm 2 lần tế xuân thu, lệ cổ đặt 25 lễ-phu.

Xét Võ-công-Tánh người huyện Phước-an tỉnh Biên-hòa, tính người sáng suốt, võ nghệ tinh tường, lúc đầu dấy nghĩa binh [8b] ở huyện Kiến-hòa trấn Định-tường, đánh nhau với Tây-sơn có đến trăm trận, nổi tiếng nhất trong thời trung-hưng. Năm Mậu-thân (1788) lúc đầu được phong chức Tiên-phong-dinh Chưởng-cơ, kế lấy Trưởng-Công-chúa, có công đánh dẹp được gia chức Chưởng-hậu-quân Tham-thặng Đại-tướng-quân. Ngô-công người huyện Bình-dương trấn Phiên-an, tính người liêm ^{khí} tiết trang trọng, uyên thâm về môn lý-học, lúc đầu trung-hưng được đình-cử vào Hàn-lâm, làm lần đến ký-lục Biên-hòa, thăng Lễ-bộ đường quan. Tháng 4 năm Kỷ-tị (1799), chức Tư-võ Tây-sơn là Trần-Truất và Binh-bộ Nguyễn-Phát đem thành Qui-nhơn đầu hàng, vua sai 2 ông đem binh lưu trấn tại đấy, còn quân vua trở về Gia-định. Tháng 12 Thiệu-phó Tây-sơn Nguyễn-Diệu cử binh toàn quốc từ Thuận-hóa đến đánh, ông đóng chặt cửa thành chống giữ. Tháng 4 năm Canh-thân (1800) quân vua từ Gia-định ra cứu viện, binh địch cầm cự chưa đánh phá được. Mùa hạ năm Tân-dậu (1801) vua đề Chưởng-tiền-quân Nguyễn-văn-Thành, Chưởng-hữu-quân Nguyễn-hoàng-Đức, Chưởng-tượng-quân Nguyễn-đức-Xuyên [9a] ở lại viện trợ ngoài thành; còn vua điều khiển thủy-quân thừa lúc Phú-xuân không đề phòng thẳng ra khắc phục; vua lại sai Chưởng-tả-quân Lê-văn-Duyệt, Trung-dinh Thống-chế Tổng-công-Phước, Ngự-lâm-đồn Đô-thống-chế Lê-văn-Chất do tỉnh Quảng-nam đi theo đường thủy và đường lục đến đóng đồn tại Quảng-ngãi đề đánh sau lưng quân Tây-sơn.

Tháng 5 trong thành Qui-nhơn hết lương thực mà binh địch lại thêm thập-bội vây đánh rất gắt. Ngày 27 Võ-công lên lầu bát-giác tự thiêu, còn Ngô-công thì uống thuốc tự tử, thành bị thất hãm. Tháng 3 năm Nhâm-tuất (1802) quan-binh nội ngoại giáp công, Nguyễn-Diệu tan chạy, thành Qui-nhơn mới dẹp yên. Vua đặc tặng: Võ-công: Dục-vận Công-thần Phụ-quốc đại-tướng-quân Thái-úy Tánh-quốc công, truy Trung-liệt; Ngô-công: Tán-trị công-thần đặc tẩn Trụ-quốc Kim-tử Vinh-lộc Đại-phu Thử-tái Thái-sư Châu-quân-công, thụy Trung-ý. Triều đình nghị tôn 2 ông lên bậc Trung-hưng công-thần đệ nhất, phàm miếu công thần đền thờ 2 ông ở vị chính-trung, mỗi năm tế xuân thu 2 lần.

[9b] MIẾU THÀNH-HOÀNG

Ở bờ phía nam sông Tân-Binh, cách phía đông nam Trấn 6 dặm rưỡi, nguyên xưa là ngôi đình cúng tế các vị âm-thần. Năm Gia-long thứ 5 (Đinh-mão, 1807) phụng chỉ dựng nhà ngôi làm miếu Thành-hoàng trong trấn, xuân thu 2 kỳ lễ tế, trấn-quan đến hành lễ.

MIẾU HẢI-THẦN (Cần-giò)

Ở phía đông nam thủ-sở, phụng tự thần Nam-hải, lại đem các vị thần Hà-bá Thủy-quan Ngọc-lân trong 2 sông Phước-bình phối tự. Cột kèo chạm trổ vẽ vờn nghiêm trang, thường năm vào tháng giêng trấn-quan dùng lễ Thái-lao (dê, heo, trâu) cúng lễ, cầu đảo cho thuận gió để thuyền vận tải đến Kinh cho được tiện lợi, có chếp vào tự-điền. Còn những thuyền buôn ra vào cũng biện tự lễ chiêm bái, hương đèn thường ngày xống đốt luôn luôn.

MIẾU HỎA-TINH

Ở phía tả chợ Điều-khiển, nguyên thờ Hỏa-tinh-nữ-thần. Vì Việt-Nam vị trí thuộc quẻ ly, mà quẻ ly là thuộc hỏa, [10a] quẻ ly ở giữa trống là âm tượng, đã âm-tượng mà lại ở giữa sức là trung-nữ (gái giữa) nên vị thần thuộc về nữ-giới. Miếu này phụng sự trang nghiêm hằng được linh ứng, người nơi ấy đến đầu mùa xuân trước hết phải đem lễ đến tế nhưng đề trừ sự bất tường thì trọn năm mới được an ổn, nếu chậm trễ hoặc khinh lờn, thì liền thấy có hỏa tai. Ở cửa miếu thuở trước dưới bóng cây đa, có đắp 2 hình người nô-tý cõ quái khi mờ khi tỏ dưới ánh trăng, làm cho người đi qua trông thấy cũng phải rùng mình.

ĐỀN PHI-VÂN TƯỚNG-QUÁN

Ở địa phận thôn Tân-long, huyện Tân-long, nguyên dựng ở phía nam Phủ-nha, thờ Tông-giang Văn-Trung-công, rất được linh ứng. Thường năm 2 lễ tế về tháng 3 và tháng 9, viên tri-phủ thừa tế, dùng lễ trung-lao (heo, dê), ngày tế trần thiết đồ tế như ve chén mâm cỗ đầu đầy dàng hoàng, còn con heo thì để sống. Khi gần sáng làm lễ, khiến người cõng heo chạy theo đôn tế, làm cho heo kêu la lên như như có ý kêu van cho được sinh toàn vậy, vì thần khi chết dưới lưỡi dao (bị chém) nếu giết heo sợ xúc động lòng thần, nên không nỡ giết. Từ khi binh loạn, phủ nha không đặt, lễ tế bỏ khuyết, [10b] nhưng miếu mạo vẫn nghiêm nhiên, người làng đến cúng hương đèn không dứt. Nay theo trong tự-điền thì miếu Hội-đồng thờ ông đứng đầu.

Xét trong «Ô-châu cận-lục» của Dương-văn-Soạn chép : Ông họ Nguyễn tên Phúc người xã Tông-giang huyện Gia-phước

đời vua Lê nhân-Tôn niên hiệu Thái-Hòa, khoa Quý-dậu (1453) ông đậu tam giáp tiến-sĩ làm đến chức Chuyển-vận-sứ, Thanh-hoa đạo Hành-khiển-sứ. Thuở vua Thánh-Tôn chưa lên làm vua thì ông dạy vua học, nên khi tức vị, ông được cất nhắc lên chức Hàn-lâm Tham-chuởng-viện-sự, 3 lần đi sứ Tàu, về làm Đại-lý tự-khanh, lại kiêm chức Binh-chính-viện tham-nghị rồi làm Thân-quân-ty Cẩm-y-vệ Chỉ-huy-sứ Ty-thiêm-sự. Khi vua đi đánh Chiêm-thành, ông phụng mệnh làm Phi-vận Tướng-quân Chuyển-luân-đội Tán-lý, đến cửa biển Tư-dung bị gió sóng lớn ngăn trở không tiến hành được, chúng đều sợ tội xin đi, ông nói : «Thà để một mình ta cam chịu lưới grom 3 thước, ta không nỡ đem kho gạo lúa hữu hạn và nhân mạng vô tội quăng bỏ một cách khinh dễ vào trong chỗ gió cuồng sóng lớn để chôn đầy bụng cá.» [11a] Vì vậy mà phải hoãn đãi, sau khi chở đến thì đã trễ kỳ. Vua giận, sai bắt trời, lại có cận thần gièm pha, nên vua mới sai xử tử ông. Chúng nhân đều thương cảm lập đền thờ tại nơi ấy, thường thấy linh ứng kỳ dị, ai có cầu khẩn việc gì đều được ứng nghiệm ngay. Niên hiệu Cảnh-thống (1498-1501) đời Lê-hiến-Tôn tặng ông làm Văn-trung Chính-nghị chi thần, và lịch triều cũng gia tặng mỹ hiệu cho ông có chép vào Tự-diễn.

CHÙA KIM-CHUỞNG

Ở phía tây-nam trấn hơn 4 dặm, về phía bắc quan-lộ. Ở giữa là Phật điện, trước sau có đông-tây đường, sơn-môn, phương-trượng, kinh-thất, hương-viện và phạn-đường chạm trở tò sơn, tốt đẹp rộng cao, phía bắc chùa có suối nước ngọt bốn mùa dưới đất chảy tràn ra ướt đầm cả đường đi. Năm Ất-hợi (1755) đời vua Thế-tôn năm thứ 18 (Nguyễn-phúc-Khoát) có thầy tăng ở Qui-nhon là Đạt-bản Hòa-thượng đến lập chùa ở đây

được Vua ban cho tấm biển đề là «Kim-chương-tự». Khi Đạt-bản mất, truyền lại cho đồ đệ là Quang-triệt, năm Ất-vị (1775) Hòa-nghĩa-đạo Lý-tướng-quân lập [11b] Vua Mục-vương (Nguyễn-phúc-Dương) tại đây, lại sắc ban một lần nữa, Quang-triệt mất, Quang-trạm kế, Quang-trạm mất, Quang-tuệ nối. Năm Đinh-dậu niên hiệu Gia-long 12 (1813) Thần-võ-quân Phó-tướng Trần-nhân-Phụng vâng theo di-chỉ Cao-hoàng-hậu ban tiền 10.000 quan để trùng tu nhà chùa và chỉnh lý những kinh tạng trống chuông cho thêm vẻ trang nghiêm. Hiện nay là 1 đại-bửu-sát (ngôi chùa danh thắng) ở Gia-đình.

CHÙA GIÁC-LÂM

Ở trên gò Cầm-son, cách phía tây lũy Bán-bích 3 dặm, gò ấy bằng phẳng trăm dặm, đột khởi 1 kim-đôi (gò đất hình tròn) như bức bình phong, như cái nón, như cái màn, tấm nệm, rộng 3 dặm, cây cao như rừng, hoa nở tựa gấm, sáng chiều mây khói nổi bay quanh quất, địa thế tuy nhỏ mà có nhã thú. Mùa xuân năm Giáp-tý (1744) đời vua Thế-tôn năm thứ 7, người xã Minh-hương là Lý-thuy-Long quyên của xây dựng nhà chùa trang nghiêm, cửa thiền u tịch. Những thi-nhân du-khách mỗi lần đến tiết Thanh-minh, Trùng-cửu rảnh rỗi kết bầy 5, 3 người đến mở tiệc đề thưởng hoa, chầu chén mà ngâm vịnh, ngó xuống chợ búa rộn ràng [12a] xa cách ra ngoài tầm mắt, thật là một nơi đáng dành cho những khách du thưởng. Gần đây có Viên-quang đại-lão-hòa-thượng thuộc về Phật-phái Lâm-tế Chính-tông đã 36 đời (Phật-phái này ở Trung-hoa), trải từ tuổi nhỏ cho đến khi già, kiên trì tu hành ngày càng tinh tấn, lại có tánh ưa cảnh yên hà tuyền thạch, ít khi đi đến chỗ thành thị huyện náo. Từ khi ông đến chùa này, có tình cảnh hợp với câu thơ : Sơn trung tức phiến thảo, lâm hạ xuất già lam, nghĩa là : trong núi dứt

mỗi phiên nảo, dưới rừng xuất hiện Già-lam (1). Năm Gia-long thứ 18 (1819) ông mở rộng giới-đàn, ròi những thiện nam tín nữ đến qui-y rất đông, mà sơn môn lại thêm sinh sắc.

CHỢ KHUNG-DUNG (*Chợ cây đa*)

Ở phía nam Trấn, dưới chân thành lớn về phía hữu có cây đa xưa nhánh rẽ rành rịt, bóng lá sum sê độ nửa mẫu, người buôn bán nhóm chợ dưới bóng cây. Lúc đầu canh tư người ta đã đi chợ đèn đuốc sáng trưng, kẻ đội người gánh những dưa bí rau cải đến nhóm tại đầu chợ phía tây, có người mua sỉ ngồi bán lại; đến sáng đầu chợ phía đông cá thịt và vật hạng mới bày bán ở phía nam, phía bắc [12b] con đường lớn, đến chiều tối mới tan về.

CHỢ BẾN THÀNH

Phố, chợ, nhà cửa trù mật, ở dọc theo bến sông. Chỗ đầu bến này có lệ đến đầu mùa xuân gặp ngày tế ma có thao diễn thủy-binh, nơi bến có đò ngang đón chở khách buôn ngoài biển lên bờ. Đầu phía bắc là ngòi Sa-ngư, có gác cầu ván ngang qua, 2 bên nách cầu có dãy phố ngôi, tụ tập trăm thức hàng hóa, dọc bến sông ghe buôn lớn nhỏ đến đậu nối liền.

CHỢ PHỐ BẾN-SẠN

Giáp bờ phía tây sông Bình-dương; phố ngôi liên lạc; bến ấy đều là sạn cát, là bến voi ngựa thường tắm rửa. Đầu phía bắc bến ấy, năm Kỷ-dậu có gác cái cầu lớn ngang qua sông thông với con đường đò Thảo-câu, đề khi hữu sự ứng tiếp nhau, sau khi bình-nhung đã định, lại bị nước xoi phá, cầu hư,

(1) Già-lam : biệt danh chỗ chùa Phật, hay là thần Hộ-pháp Phật-giáo.

nay không tu bổ ; đầu phía tây có sở đúc tiền, năm Bình-thìn (1796) phụng sắc của Thế-tổ Cao-hoàng-đế đúc tiền « Gia-hưng thông-bửu » [13a] tại nơi ấy, nhân đó gọi tên là Chú-tiền-cục.

CHỢ ĐIỀU-KHIỂN

Cách phía nam Trấn 2 dặm rưỡi, khi xưa họp tại trước nha Điều-khiển, nên nhân đó lấy làm tên chợ. Đại loại như chợ Cai-bộ, cầu Khâm-sai, chợ Cai-đội v.v... ấy là do người đương thời không dám gọi thẳng tên người tôn-trưởng, bèn gọi theo chức quan, nên sau này danh tánh thất truyền, ấy là do tập tục sai lầm vậy. Nay nha-trị đã dời đổi, mà tên chợ còn y như cũ, chợ này phố xá trù mật.

CẦU CAO-MIÊN

Cách phía tây bắc trấn 1 dặm rưỡi. Trước đây vua Cao-miên là Giao-hoa-Yêm vì già yếu, ủy thác việc nước cho con là Nặc-Tha quyền nhiếp chính-sự, ly sở tại thành Bích-la. Ngày 18 tháng 4 năm Tân-dậu (1731) đời Vua Túc-tôn năm thứ 7, người Lào là Sá-tốt khởi loạn tại Cầu-nam, hiệp cùng người Cao-miên ở rừng hoang kéo xuống Gia-định cướp giết dân Kinh. Thuở ấy ở cảnh nội đương vô sự, nên không phòng bị, khi giặc đến thình lình bức hiếp, công tư đều hoảng sợ. Quan Điều-khiển vội chỉ huy cai-cơ là Đạt-thành-hầu đem binh chống ngự ở Bến-lực, vì không binh viện trợ, nên bị giặc giết. Sau có Thống binh Định-sách-hầu [13b] Trần-đại-Định (1) đem bọn thuộc-tướng Long-môn chặn đánh ở Vườn-trầu, phá được tiền-binh của địch, dẹp lần được nhục khí của chúng; Đại-Định bèn đắp lũy đất một mặt ở Hoa-phong để chống cự; Thống suất Vĩnh-trường-

(1) Con của Trần Thượng Xuyên, rể của Nặc Cửu và lấy em của Mạc Tông.

hầu Phúc-Vĩnh lại điều động Giám-quân Cai-đội Nguyễn-phúc-Triêm đến cứu ứng binh Bến-lức, đánh bại giặc Lào đẩy chúng lui về Vũng-gù. Phúc-Vĩnh chia binh làm 3 đạo, tự cầm thủy-binh do đường Tiền-giang, Phúc-Triêm do đường giữa Bát-chiêm, Đại-Định do đường bộ Quang-hóa nhất tề kéo tới, khiến binh Lào chạy tán loạn trốn trong rừng sâu. Cha con Yêm-tha (Cao-miên) khi ấy sợ họa cũng chạy trốn vào phủ Tân-bô. Đại-Định chiếm cứ Cầu-nam, Nặc-Tha gởi thơ đến kể rõ công việc người Lao đứng đầu gây ra biên-hấn, xin đại-binh tạm đình, để y tự nguyện dẹp xong và bắt bọn đầu sỏ đem đến trước quân Miên trình nạp. Đại-Định đem việc ấy chuyển báo với Phúc-Vĩnh, Vĩnh không nghe theo, muốn truy nã đến cùng. Nặc-Tha nghe vậy cả sợ, bèn tự trốn xa. [14a] Vừa đến tháng 7 vào kỳ mưa lụt, Phúc-Vĩnh nhân đó mới y cho, và truyền hịch cho binh 3 lộ triệt về Gia-định, còn Nặc-Tha trở về La-bích. Khi ấy người Lào tụ tập lại ở Cầu-nam rồi đi cướp giết như cũ, Nặc-Tha sức yếu không địch nổi, đương kêu gọi binh các phủ để cùng chinh tiễu. Tháng giêng năm Nhâm-tý (1732) Phúc-Vĩnh tiếp được tin ở ngoài biên cương báo về, Vĩnh lại đốc binh tấn chinh, thì người Lào lại chạy trốn nơi xa, còn Nặc-Tha cũng lên núi trốn, toan lo đứt lốt yếu cầu hoãn binh, để chậm rãi mưu đồ công việc sát tặc. Tháng 3 Phúc-Vĩnh bèn lưu Đại-Định ở lại dẹp giặc cho yên, còn Vĩnh tự kéo đại binh về tại Đồn-dinh an nghỉ.

Thuở ấy Phúc-Vĩnh đã dưng binh liên tiếp nhiều năm mà chưa bắt được tội nhân của địch, bị Triều-đình nghiêm trách, nên sợ tội, bèn đặt đề ra rằng công việc ấy là do Đại-Định năm trước hành binh chần chừ, để rồi tự thông với người Cao-miên, nay lại lợi dụng biến cuộc người Lào để nắm

binh quyền được lâu, vì thế truy tiêu bắt lực, rồi mật tâu lên Vua. Không ngờ Đại-Định đóng binh ở Lò-việt vừa tấn công, vừa phủ dụ, làm gồm cả 2 phương sách, còn Nặc-Tha thì dùng mưu chước phỉnh dụ người Lào mà giết sạch, rồi tự trối mình đến trước quân môn xin chịu tội [14b]. Đại-Định để Nặc-Tha ở Lò-việt chiêu dụ lưu-dân, còn ông kéo binh về báo tiếp. Đi đến Gia-định, Phúc-Vĩnh toan dùng mưu chế ngự Đại-Định trước đi cho khỏi lộ truyện, nên mới định ngày hội đồng chư tướng để vấn nghị việc đó. Đại-Định biết cơ mưu ấy, tự nghĩ rằng: «trước đây là do Đại-sứy (chỉ Phúc-Vĩnh) điều độ không hiệp cơ nghi, nên Đạt-thành-hầu bị quân giặc giết, kể lại ăn của hối-lộ rồi kéo quân về, tiến thoái không rõ sự trạng, thế mà ngày nay lại đổ tội cho ta, nếu để cho nó câu thúc tra hỏi, thì nó lấy quyền thế bắt buộc lập ra thành bản án, thì mối oan ở dưới cái chậu úp (1) lấy ai bọc bạch cho rõ ràng được. Chi bằng ta về Kinh để hầu cứu xét, dầu có bị chết thì cũng cam tâm».

Ông nghĩ thế, bèn nhân ban đêm cùng bọn thuộc hạ cưỡi một chiếc chiến-thuyền về Kinh. Khi thuyền đến gần núi Bút-la thì người em chú bác của Đại-Định là Thành can rằng: « Phúc-Vĩnh là người thế-thần của nước Nam, trong Triều có nhiều người thân-thích, nay anh muốn tỏ rõ được sự khúc trực, thì lấy ai biện bạch cho, chi bằng chạy thẳng về Quảng-đông tìm nơi an thân để cho khỏi bị người ta sát hại ».

Đại-Định nói: «Cha ta là Thượng-xuyên-công [15a] nhờ hậu ân Triều-đình, đã từng có lời dụ nói: Nguyễn vi Vương, Trần vi Tướng, đại đại công hầu bất tuyệt. (họ Nguyễn làm

(1) Sách xưa có câu: nhật nguyệt tuy minh, nan chiếu ư phúc bồn chi hạ, = mặt trời mặt trăng tuy sáng, khó soi cho thấu dưới cái chậu để úp.

Vương, họ Trần làm Tướng, đời đời không dứt tước Công-hầu). Như vậy vinh hạnh biết là chừng nào, nay vì viên Biên-súy (chỉ Phúc-Vĩnh) có tấm lòng tư, che lấp công trạng, nếu mình không đến Triều-đình bày tỏ, thì mình rõ là có tội phản nghịch, thành ra sự nghiệp của tổ-tông ngày trước khác gì núi đổ xuống sông, chẳng những làm tôi bất trung mà làm con cũng bất hiếu, còn mặt mũi nào đứng trong trời đất? Nói xong, ông hét bọn chèo thuyền phải chèo vô cửa Hàn. Nhưng Thành cương quyết không nghe, đành lấy tay lái cho thuyền chạy thẳng hướng Đông, Đại-Định thấy gió nam thổi mạnh, sợ khi thuyền đến Quỳnh-hải thì khó trở buồm quay lại, trong lòng bực bội, bèn rút gươm ra chém Thành, rồi hét người đốc thuyền phải quanh vào cửa Hàn để thả neo, đoạn đem đủ nguyên-do trình quan dinh Quảng-nam nhờ đề đạt lên Triều đình.

Từ đêm Đại-Định trốn đi, thì viên Điều-khiển cho là đã trốn về Quảng-đông, nên bắt cả toàn gia Đại-Định, và đem việc ấy tâu lên để thỉnh chỉ của vua. Thì ngày hôm ấy dinh Quảng-nam đệ tờ tâu giúp cho Đại-Định đồng thời cũng đến, bá quan nghị tội Trần-đại-Định đã giao thông với Cao-miên [15b] lại cố ý không tuân tướng-lệnh, xin đem chính-pháp đề răn những người ngoan cố sau này.

Nhưng Hoàng-thượng có lượng khoan hồng, ngài nghị : Trần-đại-Định nếu có phản tâm bội quốc, thì lúc bấy giờ y chẳng khác như con cá lớn ngoài biển, ai chế ngự được ; nay y đến Kinh yêu cầu thăm cứu, thì trong tình lý cũng có chỗ đáng khoan dung. Vua bèn hạ dụ câu lưu Trần-đại-Định ở Quảng-nam, và sai quan vào Gia-định phúc thăm, đợi bản án kết xong sẽ định đoạt sau,

Đại-Định ở trong lao nhiều ngày không xiết phần uất, thổ huyết vài tháng rồi thọ binh liên miên, đến tháng chạp thì mất.

Kịp khi tờ phúc thăm tâu lên, thì có Nguyễn-phúc-Triêm làm chứng nói Đại-Định không có tình trạng « chần chừ giao thông ». Vì vậy Đại-định được mông ân truy tặng « Đò-đốc-Đồng-tri », thụy là Trương-mẫn. Nguyễn-phúc-Triêm được gia chức Cai-cơ, vì người ta đồn rằng người Lào sợ Triêm như thê sợ cọp. Còn Trương-phúc-Vĩnh mắc tội « thắt cơ và tấu đối bất thiết, nên phải bãi chức Thống-suất, tạm giáng xuống làm Cai-đội ; rồi cho Cai-cơ Nguyễn-hữu-Doãn được lên thay việc điều khiển.

Năm Bính-thìn (1736) [16a] Giao-hoa-Yêm-vương mất, sắc phong cho con là Nặc-Tha nối ngôi. Năm ấy Nặc-Thâm từ Tiêm-la về nước, nhưng không được Nặc-Tha dung nạp, nên phải tạm trú ở phủ Lò-khu. Con Thâm là Yêm-chấn và con người em của Thâm là Sô theo Tha-vương (tức Nặc-Tha) ở thành La-bích thường thường báo tin qua lại. Tha-vương có lòng nghi, bèn qua ở thành Nam-vang, ám phục binh-biên, rình xem bọn Sô hành động thế nào rồi thừa thế giết chết. Bọn Sô cả sợ, bèn cử dụ đảng lõa ở các phủ Lò-việt, Cầu-nam để phản động. Tha-vương khi ấy chạy sang Gia-định, viên Khôn-súy lấy đất hoang rậm ở thượng du Nghi-giang về phía bắc Đồn-dinh để cho Tha-vương ở. Nơi đây cách sông nên làm cầu ván để qua lại, người đương thời gọi là cầu Cao-miên.

Bọn tên Sô đã chiếm được toàn cõi Cao-miên, bèn rước Nặc-Thâm về lập lên làm vua. Tháng 4 năm Đinh-ty (1737) Thâm sai sứ đến Kinh dâng lễ cống. Tháng 11 năm Đinh-mão (1747) đời vua Thế-tôn (Nguyễn phúc-Khoát), ở phủ Ba-thắc có Sô-liên

Tốc người Cao-miền đến cướp bóc ở Mỹ-tho và Kỳ-hôn. Thuở ấy Thâm-vương đã chết rồi, [165] bè đảng của Thâm lập người con thứ 5 của Thâm là Đôn lên làm vua, bị người con thứ 4 của Thâm là Hen tranh lập, cử binh đánh nhau. Vì vậy nên nhà sư Chiêm - Hậu cùng bọn Chiêu - thùy - Yến lại lập con trưởng của Thâm là Yêm, thế rồi anh em sát hại lẫn nhau, làm cho dân Cao - miên khổ sở ; còn Sô - liên - Tốc nhân biến cuộc ấy lại càng hoành hành phản nghịch. Tháng giêng năm Mậu-thìn (1748) Điều-khiển Nguyễn-hữu-Doãn cho quân ra đốt hết ghe thuyền Sô-liên-Tốc ở sông Mỹ-tho, rồi đuổi đến Thiết-luy thẳng đến Nam-vang, đánh phá luôn quân của Chiêu-thùy-Yết, Nguy-vương-Yêm chạy qua Tiêm-la, còn Hen và Đôn chạy trốn chưa rõ ở đâu. Khi ấy binh ta thâu nạp Tha-vương đem về Cao-miền cho ở tại dinh La-bích, rồi quan quân mới khai hoàn. Tháng 6 Cao-la-Hâm, Ốc-đột-lục-Nhân đem binh Tiêm về đánh Cao-miền, Tha-vương phải chạy sang Gia-định tạm trú ở chợ Tân-cảnh rồi bị bệnh chết. Con thứ 2 của Thâm là Nguyên từ nước Tiêm trở về nối ngôi vua, lo việc cống hiến giữ lễ phiên-thần, từ ấy Cao-miền mới hơi được yên ổn.

[17a] CHỢ NGUYỄN-THỰC

Cách phía tây trấn 10 dặm. Năm Đinh-vị (1727) đời vua Túc-tôn (Nguyễn-phúc-Chú), Nguyễn-văn-Thực người Quảng-ngãi khai phá rừng hoang lập chợ ở đây, thành một chỗ tụ tập đông đúc ở nơi gò núi.

CHỢ TÂN-CẢNH

Cách phía nam trấn hơn 6 dặm, chợ phố trù-mật, thường năm đến ngày Nguyễn-dán, có cuộc chơi Văn-xa, và đu-tiên (1)

(1) Văn-xa, đu-tiên đã tường trong quyển 4.

đáng gọi là 1 chợ lớn. Từ trước đến cuối năm thường có chém tù ở đây. Cách sông ở bờ phía đông nguyên trước có Nặc-Địch người Cao-miền theo Tha-vương đến, được an cư ở đây, bèn làm cầu ngang qua sông để đi thông đến chợ, gọi là cầu Nặc-Địch, sau bị loạn bỏ hư. Đường lớn ở đầu phía tây có dinh bộ-đạo (bắt kẻ trộm) đóng giữ.

Ngày 25 tháng giêng năm Canh-dần (1770) đời vua Duệ-tôn, sau khi mọi người đều an nghỉ, có con mãnh hổ vào nhà người dân ở phía nam chợ kêu gào dữ tợn, nhân dân kinh khủng, báo với Đồn-dinh phái binh vây bắt. Sau phải triệt hạ phòng ốc, làm nhiều lớp rào bao vây, [17b] nhưng con hổ rất dữ, không ai dám xúc phạm đến. Qua ngày thứ 3 có thầy chùa đi vân du là Hồng-Ân cùng đồ-đệ là Trí-Năng xin vào bắt hổ, Hồng-Ân chiến đấu cùng hổ một chặp lâu, hổ bị đánh đau, chạy núp trong lùm tre, Hồng-Ân rượt theo, hổ bị khốn, trở lại đấu với Hồng-Ân. Ân lui bước tẻ vào mương nhỏ, bị hổ dăng xé, nhờ có Trí-Năng tiếp viện đánh trúng đầu hổ chết ngay, nhưng Hồng-Ân bị thương nặng cũng chết liền trong khi ấy. Người tại chợ cho Ân có nghĩa-khí, đem chôn tá chỗ đấy rồi xây tháp, nay vẫn còn.

Tháng 3 năm Đinh-dậu (1777) Tây-sơn tiến vào Gia-định thất thủ, Tham-tán Nguyễn-Tĩnh ẩn tại nơi đây, bị quân địch bắt giết.

Trước đây ở Bắc-hà có tình thế quân nhược thần cường, vua Lê Cảnh-Hưng chỉ là hư vị, Trịnh-Sâm chuyên chánh, tự xưng Trịnh-vương. Nghe Tây-sơn Nguyễn-Nhạc nhiều loạn ở miền nam, mừng rằng đã có cơ hội, rồi tháng 5 năm Giáp-ngọ (1774) Trịnh-sâm sai Quốc-lão Hoàng-ngũ-Phúc làm chức Bình-

nam thượng-tướng-quân Diệp-quân-công [18a] đốc binh các đạo Sơn-nam, Hải-dương, An-quảng, Thanh-hoa và Nghệ-an vào xâm lăng miền nam. Binh đi đến Bắc-chinh Ngoại châu, vào ngày tháng 9, mới có tin báo. Nhưng vì miền nam thái-bình đã lâu, không chính tu binh-bị, khi ấy vua mạng tướng xuất sử đều bị bại trận. Sau cùng Tôn-thất-Chí (hay Chất) làm tiết chế bộ-binh, Nguyễn-Tĩnh làm Tham-tán quân-vụ ra đánh cũng bị thua chạy. Binh Bắc-hà đến chiếm kinh Phú-xuân, Tĩnh ẩn núp không ra mặt, Nguyễn-Huệ tìm kiếm được, cố ý yêu cầu giúp việc cho Huệ. Tĩnh nghĩ việc lập công để mưu sự sinh tồn thì không phải nghĩa người vong quốc nên làm, nên xin dắt mẹ đi tìm vua, ngỏ hầu cho trọn thần tiết. Huệ không muốn mang tiếng giết một kẻ sĩ, đành phải buông tha cho Tĩnh. Tĩnh lặn lội vào Gia-định yết kiến vua Duệ-tôn được tham gia mưu nghị. Đến năm Đinh-dậu (1777) Gia-định thất thủ, Tĩnh theo hộ giá không kịp, phải dắt mẹ lánh ở nhà người thôn Tân-cảnh, nên bị binh Tây-son bắt được. Huệ hỏi: « Ngày trước người từ giã ta để đi tìm vua, ý muốn xoay chuyển kiển khôn theo tay của người chỉ sử, nay thế lực đều bị khốn, là do thiên mạng đã định. Đã là người tuấn kiệt mà ám muội thời cuộc, thì sao khỏi hối hận về sau, [18b] vậy thì ngày nay con đường khừ tự, ý kiến của người thế nào? » Tĩnh đáp: « Vua bị nhục, bề tôi phải chịu chết, ấy là phận sự, còn nói gì nữa ». Huệ nói: « Đã muốn thế, ta sẽ làm hoàn thành khi tiết cho ». Rồi đem ra chém.

CHỢ SÀI-GÒN

Cách phía nam trấn 12 dặm, đường 2 bên tả hữu quan lộ, ấy là đường phố lớn thẳng suốt 3 đường giáp đến bến sông, bề ngang 1 con đường giữa, và 1 con đường

đọc theo sông. Các con đường ấy xuyên giáp nhau hình như chữ điền, phố xá liền tiếp sát mái nhau, người Tàu và người ta ở chung lộn dài độ 3 dặm. Hàng hóa trong các phố bày bán có : gấm, đoạn, đồ sứ, giấy má, châu báu, sách vở, thuốc thang, trà bột v.v. Những hóa vật ở Nam Bắc theo đường sông đường biển chở đến không thiếu món nào. Đầu phía bắc đường phố lớn có miếu Quan-thánh và 3 hội quán : Phúc-châu, Quảng-đông, và Triều-châu chia đứng 2 bên tả hữu, phía tây đường lớn có miếu Thiệu-hậu, gần phía tây có hội quán Ôn-lãng, đầu phía nam đường phố lớn về phía tây có Chương-châu hội-quán. Gặp ngày tết, đêm trăng, tam-nguyên, sóc, vọng thì treo đèn đặt án [19a] tranh đua kỹ xảo trông như la cây lửa, cầu sao, thành gấm vóc, như hội quỳnh-dao, kèn trống huyền áo, nam nữ dập diu, ấy là một thị phố lớn và đô hội náo nhiệt. Trong đường phố lớn có giếng xưa nước ngọt tràn trề bốn mùa không kiệt, sông nhỏ trên phố ngang có gác cầu ván lớn, có 2 dãy điểm ngôi xây liệ ở trên, treo màn che nắng, đường đi yên mát, như đi ở dưới mái nhà cao vậy. Phía đông đường lớn giữa phố có chợ Bình-an đủ sản vật quý báu ở núi biển và thổ sản các nơi, ban đêm còn thấp đèn mua bán.

TẮT-KIỀU

Ở phía bắc trấn 7 dặm, vì sông nơi đây có nhiều cây tắt (cây son) nên gọi tên ấy, Khi Nguyễn-trấn (Đô-úy của Tây-son Nguyễn-Nhạc) đóng giữ Gia-định, ông lo sợ những trung-thần nghĩa-sĩ của ta ẩn núp rình rập để hành động không thiếu chi người. Nếu ở giữa chỗ đất bằng liên lạc nhau mà không có thành trì ngăn cản, thì khó phòng bị khi có biến tình hình xảy ra, nên định lấy địa phương Tắt-kiều trên có đọt khổi

nồng cao, giữa trải ra gò bằng, dưới giáp ruộng cạn, rạch nhỏ xuyên qua, địa thế rộng rãi [19b] chu vi ước hơn trăm dặm, 4 mặt có sông ngăn cản, có thể đóng binh ở đấy. Năm Bính-tý (1756 ?), Nguyễn-Trấn dựng dinh trại trên đầu nồng cao, nơi gò bằng thì lập chợ phố, đuổi cả dân buôn Sai-gòn đến đó ở. Chỗ này nguyên đất nước mặn và âm thấp, nhân dân đến ở nhiều sự bất tiện, chỉ vì oai lực hiếp chế, nên miễn cưỡng làm theo, vậy nên kinh dinh mấy năm mà không thành thôn ấp. Tháng 6 năm ấy (?) Nguyễn-Huệ đánh chiếm Bắc-hà, khi trở về lại càn kiêu ngạo. Tháng giêng năm Đinh-vị (1787) nhân ngày tế cờ khai binh đầu năm, Nguyễn-Huệ đem cả bản binh vây đánh anh là Nguyễn-Nhạc ở Qui-nhon, Nguyễn-Nhạc đóng chặt cửa thành cố thủ, và cáo cấp cho Nguyễn-Trấn, Trấn đề Tham-đốc Trần-Tú ở giữ Gia-định, tháng 4 Trấn tự đem thủy-binh về cứu viện thành Qui-nhon, đi mới đến Tiên-chử địa đầu tỉnh Phú-yên bị binh Nguyễn-Huệ đón đánh bắt được. Nguyễn-Trấn bị bại, nên phở ở Tất-kiều phải bỏ, duy có Trần-Tú nhọc nhằn chống chọi với Võ-quốc-Công (Võ-Tánh) ở Định-trường, Nguyễn-văn-Tuyết ở Biên-hòa [20a] Nguyễn-văn-Nghĩa ở Hiệp-lâm, các nơi đều dấy nghĩa-binh, mà binh thế của Tây-son mỗi ngày càng thêm suy nhược. Phía bên ta về trước chỉ có Hàn-vân (?) Lê-công-Trấn và lương-y Phạm-Điền tự binh định ngày đánh úp đồn Bến-nghé, vì sự cơ tiết lậu bị Trần-Tú bắt giết, tuy trung-mưu bắt thành, nhưng do việc nghĩa mà chết, đáng thương tiếc lắm thay.

ĐƯỜNG THIÊN-LÝ (ra phía bắc)

Khi mới khai thác thì bắt đầu từ Tất-kiều ra phía bắc đến Bình-giang, ruộng ao sinh lầy, đường bộ chưa đắp, hành

khách muốn qua Biên-hòa hoặc lên Bắng-bột đều phải đắp đò trường (1). Đến đời vua Thế-tôn năm thứ 11 Mậu-thìn—1748), nhân có việc phòng bị ở Cao-miên, Điều-khiển Nguyễn-hữu-Doãn mới đò đặc giăng dây làm đường thẳng, gặp chỗ có mương ngòi thì gác cầu ngang qua, chỗ bùn lầy thì đắp đấđ và cây. Từ cửa Cấn-chỉ đến bến đò Bình-đồng dài 70 dặm, bờ phía bắc là địa giới tỉnh Biên-hòa có đặđ trạm Bình-đồng, đi về phía bắc qua núi Chiêu-thời đến bến đò Bình-tiên rồi qua bến Sa-giang (sông cát) do sứ-lộ đường cái quan Đờng-trạm xuống Đờng-mòn thông [20b] đến Mô-xoài, ấy gọi là thiên-lý-cù. Trên đường này chỗ nào gặp sông lớn theo công-lệ có đặđ đò qua, người chèo đò đượ miễn xâu bơi.

ĐườNG THIÊN-LÝ *(đi về phía tây)*

Tháng 10 năm Ất-hợi (1815) niên hiệu Gia-long 14, khâm mạng Gia-định thành Tổng-trấn-quan đò đặc từ cửa Đòai-duyệt phía tây Thành đến cầu Tham-lương, bến đò Thị-lưu qua chầm Lão-nhông giáp ngã ba Sứ-lộ, qua Khê-lắng đến đấđ Kha-pha Cao-miên, rồi đến sông lớn, dài 439 dặm, gặp chỗ có sông, khe thì gác cầu cớng, chỗ bùn lầy thì đắp đấđ, rừng rú thì đốn cây, mở làm thiên-lý-cù, bề ngang 6 tầm, làm thành con đường bằng thẳng cho người ngựa qua lại đượ bình an. Song đấđ ấy hỏo lánh không có người ở, khi hữu sự sứ-giả đi báo tin, và hành khách qua lại tạm trú phải áp dụng luật бру-chánh mới đượ ổn thỏa. Lại từ Kha-pha theo dọc sông xuống phía nam 194 dặm đến đờn Lò-yêm ; còn từ Kha-pha lên phía bắc 49 dặm đến sách Chế-lắng cũng là đường trọng yếu khi dụng binh.

(1) Đò trường là đò đi từ tỉnh no qua tỉnh kia, đường sông dài đắc.

[21a] TRẦN BIÊN-HÒA

Ly sở trấn Biên-hòa khi xưa đặt ở địa phận thôn Phước-lư, huyện Phước-chính, đất ẩm thấp hằng có nạn lụt. Năm Gia-long 15 (1816) dời qua gò cao thôn Tân-lân, hoạch định ra thành sở, ngang dọc đều 200 tầm, trong chia làm đường chữ tỉnh giữa dựng Vọng-cung, 2 bên tả hữu có lầu chuông trống, chỗ chính giữa sau Vọng-cung làm 3 công-dinh, rộng 80 tầm, mà chia ra làm 3 phần, duy có dinh giữa rộng thêm 5 tầm, dài 60 tầm, 2 con đường tả hữu đều 7 tầm, chu vi xây tường gạch, phía sau làm dãy kho chứa 31 gian, lợp ngói xây gạch dày chắc, 2 bên tả hữu làm thừa-ty và quân trại, có chia khu vực chĩnh tề.

LŨY TÂN-HOÀ

Ở thôn Tân-hoà, tổng Chánh-mỹ. Năm Tân-mão (1771) trấn Hà-tiên thất thủ, quan Đốc-thị Nguyễn-Đàm đắp lũy để phòng ngự đường đi của Sơn-man Băng-bột, nền cũ nay vẫn còn.

[21b] LŨY TRÚC-GIANG

Ở thượng-lưu sông Trúc-giang thuộc tổng Chánh-mỹ, lũy này đắp nên từ khi mới khai thác đất này, để chế ngự sơn-man, nền cũ nay vẫn còn.

LŨY TRE ĐÔNG-GIANG

Ở phía nam sông Phước thuộc tổng Chính-mỹ, cách phía tây nam Trấn 50 dặm rưỡi, lại cách phía nam cuối sông Đông-giang 4 dặm rưỡi, nguyên trước trồng tre gai làm rào để ngăn sơn-man, lâu ngày thành ra rừng tre sum sê mù mịt dài đến 10 dặm, nay vẫn còn xanh tốt.

LŨY PHƯỚC-TÚ

Ở phía đông trạm Hương-phước ngang giữa quan-lộ. Trước đây Chánh-vương Cao-miền là Sô ngự trị ở thành Vĩng-long, Phó-vương là Nôn ngự trị ở thành Sài-gòn. Con trưởng của Sô là Bô-tám không được làm vua, bèn giết cha mà tự lập, rồi sợ Nôn không phục, cáo báo lên triều để đem binh hỏi tội, bèn đắp đồn đất ở Khu-bích Nam-vang, kết bè nổi giăng dây sắt để tự vệ, lại cầu Tiêm-la ứng viện, mưu đánh giết Nôn. Thế Nôn lúc bấy giờ bị nguy bức phải chạy qua [22a] nương tựa dinh Thái-khang, Bô-tám bèn chiếm cứ Sài-gòn, mà binh Tiêm không đến, Bô-tám đắp lũy đất ở địa đầu Mô-xoài, ngoài trồng tre gai, đem binh tượng phòng thủ rất chặt chẽ. Trải hơn 1 năm thấy binh ta không hề động tĩnh, Bô-tám trễ nãi không phòng bị, binh sĩ tứ tán ra ngoài ruộng nương. Tháng giêng năm Giáp-dần (1674) đời vua Thái-tôn thứ 27, Trấn-thủ dinh Thái-khang là Nguyễn-triều-Đắc đem việc đề đạt lên, tháng 2 vua sai Chủ-tướng dinh Thái-khang là Nguyễn-Dương xuất chinh, gia cho Nguyễn-Diên làm Cai-cơ thống lãnh binh tiên-phong, phải đi rất mau chóng cả ngày thâu đêm. Tháng 3 Diên-lộc-hầu đến trước tai lũy Mô-xoài, nhân chúng không phòng bị xông vào đánh úp, binh sĩ không ai bị sát hại cả; cách 3 ngày bọn chúng nhóm lại vây đánh rất gắt, Diên-lộc-hầu đóng cửa lũy không ra ứng chiến,

đội binh Dương-lâm-hầu đến bèn hiệp lực ra đánh, binh Cao-miên tan rã, bị tử thương rất đông. Nhân vậy mới gọi tên là lũy «Phước-tử». Sau đại-binh tới lấy Sài-gòn [22b], qua tháng 4 hai đạo binh thủy lục liền phá 2 đồn Khu-bích và Nam-vang, đốt phá cả bèn nổi dây sắt của quân địch, khi ấy người Cao-miên nghe oai thanh của Diên-lộc-hầu thấy đều run sợ. Bỏ-tâm trốn vào trong rừng sâu, bị đảng bên vợ là người Đồ-bàn giết chết, con thứ 2 của Sô-vương là Thu ra đầu hàng, từ ấy Cao-miên được bình định.

Sau đó Diên-lộc-hầu vì leo rừng lội nước, trải đủ gian nan, nên bị trọng bệnh rồi mất, khi ấy báo tiếp và đem cả sự trạng tâu lên. Vua sắc phong cho Thu làm Chánh-vương, Nòn làm Phó-vương như cũ, lại tặng cho Diên-lộc-hầu chức Chương-cơ, thụy là Trung-võ, sức lập đền thờ, có cầu khẩn việc gì thường được linh ứng. người Cao-miên qua lại trước đền thì vội rảo bước không dám ngó thẳng vào đền.

Lũy ấy trải mấy đời sau cũng nhân theo đó dùng làm yếu-địa đồn trú cho đạo Mô-xoài, nay giặc giã yên lặng, tư bề không còn đồn lũy, tuy thành tường đào phá làm ruộng vườn, mà bờ tre còn xanh tốt, còn nhìn nhận được dấu tích lũy xưa.

[23a] NĂM ĐỒN ĐỒNG-MÔN

Cách phía đông trấn 63 dặm, lúc Nguyễn-triều trung hưng, năm Mậu-ngọ (1798) phụng mệnh vua sai đắp ở phía bắc đại lộ 4 đồn, phía nam 1 đồn hình như răng chó khiên chế lẫn nhau, để ngăn ngừa quân Tây-sơn vào nam quấy nhiễu, 4 mặt đều trồng tre dày khít xanh tốt. Năm Gia-long thứ 10 (1811), những tre ở các lũy Đồng-môn, Trảo-trảo và Kỳ-giang

đều ra trái rồi chết, nay đã mọc lại. Xét sách « Hoa kinh » có nói : « loại tre trong 60 năm có một lần thay rễ ra trái rồi khô chết, trái ấy rụng xuống đất rồi mọc trở lại, trong 6 năm thành đám tre », nay tính năm tuy không phù hiệp mà luận lý thì tự hồ cũng có ứng nghiệm.

LŨY TRẢO-TRẢO

Cách phía đông trấn 80 dặm rưỡi. Năm Canh-tuất đầu thời trung-hung (1790), sửa sang nội trị, xây thành lũy, đóng ghe thuyền, phàm những chỗ trọng yếu trên đường lục-lộ, lo ngăn chặn trước, nên đắp lũy đất này dài độ 3 dặm, triệt ngang trên đại lộ, nay vẫn còn.

LŨY SÔNG-KÝ

Cách phía đông trấn 90 dặm rưỡi. Tháng giêng năm Đinh-dậu (1777) đời vua Huệ-ôn, có kẻ trình thám báo tin Tây-sơn kéo binh vào. [23b] Kh ấy Tôn-thất Xuân-quận-Công tới đóng đồn ở Mò-xoài, Chương-cơ Cai-trưởng-đà Nguyễn-đại-Lữ đóng đồn ở núi Nữ-tăng, Tiết chế Nguyễn-phúc-Tuấn đóng đồn ở sông Ký, Chương-cơ Tống-phúc-Hựu đóng đồn ở Đồng-môn, để nương dựa nhau. Tháng 3 Mục-vương lưu Lý-tướng-quân đạo Hòa-ngiã ở giữ đồn Phiên-trấn, còn vương thì qua dinh Trấn-biên, điều đ) nhưng vụ. Ngày 16 bộ-binh Nguyễn-Huệ do đường thượng đến vây hãm 2 đồn sông-Ký và Nữ-tăng, Phúc-Tuấn và Đại-Lữ đều chết, các đồn tan rã tẩu-thoát. Tây-sơn thừa thắng do theo bờ biển kéo xuống Phiên-trấn rồi Gia-định bị thất thủ. Năm Nhâm-tý (1792) thời trung hưng, đắp sửa lũy ở bờ phía tây sông Ký, ngang giữa đường lớn, dọc theo bờ sông ra phía bắc, dài 12 dặm rưỡi. Sông ấy chảy

ra phía bắc đến suối lớn rồi chảy quanh vô nam hiệp với sông Đáo-thủy, lấy trường giang làm hào chiếm cứ nơi hiểm yếu.

HUYỆN PHƯỚC-CHÁNH

Huyện này công vụ giản dị, sở tại ở thôn Tân-hòa, chợ Sứ-lộ, tổng Chánh-mỹ, qui chế cũng như các huyện ở Phiên-an.

HUYỆN BÌNH-AN

Công vụ giản dị, sở tại ở thôn Phú-lợi, tổng Bình-chánh, qui chế như huyện trước.

[24a] HUYỆN LONG-THÀNH

Công vụ giản dị, sở tại ở ấp Phước-lộc tổng Thành-tuy, qui chế như huyện trước.

HUYỆN PHƯỚC-AN

Công vụ phiền phức khó nhọc, sở tại ở thôn Long-diễn tổng An-phú, qui chế như huyện trước.

DỰC TƯỢNG-TRÌ

Ao tắm voi, tục danh Bàu-thành, ở phía bắc lũy Phước-từ, tổng Phước-hưng, huyện Phước-an. Khi xưa là chỗ Bò-tâm Cao-miên, đồn binh tắm voi, chu vi đắp bờ đê bằng đất, nay dấu cũ vẫn còn.

THUYỀN-XUỐNG

Khi trước ở chỗ đất trống tại bờ phía nam sông Phước, có Kiên-thủy-quan ở đấy phòng thủ, sau gặp biến loạn bỏ không, nay đổi làm xưởng mới ở chỗ trấn-thự cũ tại thôn Phước-lu.

VĂN-MIẾU

Ở địa phận thôn Bình-thành và thôn Tân-lại huyện Phước-chánh, cách phía tây trấn 2 dặm rưỡi. Đời vua Hiền-tôn năm Ất-vị thứ 25 (1715) Trấn-thủ dinh Trấn-biên là Nguyễn-phan-Long, Ký-lục Phạm-khánh-Đức lựa chỗ đất dựng lên ban đầu, phía nam hướng đến sông Phước, phía bắc [24b] dựa theo núi rừng, núi sông thanh tú, cỏ cây tươi tốt. Năm Giáp-dần thời trung-hưng (1794) Lê-bộ Nguyễn-hồng-Đô khâm-mạng giám-đốc trùng tu, giữa làm Đại-thành-điện và Đại-thành-môn, phía đông làm Thần-miếu, phía tây làm Dục-thánh-từ, trước xây tường ngang, phía tả có cửa kim-thanh, phía hữu có cửa ngọc-chấn, chính giữa sân trước dựng Khuê-văn-các treo trống chuông trên đấy, phía tả có Sùng-văn-đường, phía hữu có Duy-lễ-đường. Chu vi bốn mặt ngoài xây thành vuông, mặt tiền làm cửa Văn-miếu, phía tả phía hữu có 2 cửa Nghi-môn, rường cột chạm trổ, qui chế tinh xảo, đồ thờ có những thần-bài, khám vàng, ve chén và đồ phủ quĩ biên đậu (đồ dùng đựng vật cúng tế) đều chỉnh nhả tinh khiết. Trong thành trăm hoa tươi tốt, có những cây : tòng, cam, quít, bưởi, hoa sừ, mít, xoài, chuối và quả hồng xiêm đầy rẫy sum sê, quả sai lại lớn, thường năm 2 lệ tế xuân và thu, khâm mạng vua, Tổng-trấn-quan hành lễ, phân hiến 2 bên thì dùng Trấn-quan và Đức-học quan, kỳ dư đều đứng bồi-tế, lệ đặt 50 lễ-sanh và 50 miếu phu, đều lo làm chức phận.

[25a] MIẾU HỘI-ĐỒNG

Khi trước dựng ở góc tây bắc thành, mùa hạ năm Gia-long 18 (1819) dời qua phía tây trước thành, nhà miếu tráng lệ, nghi vật chỉnh khiết, thường năm 2 lệ tế xuân, thu có chép vào tự-diễn.

ĐỀN LỄ.CÔNG

Ở phía nam cù-lao Đại-phố, thờ quan Khâm-sai Thống-suất Chưởng-cơ Lễ-thành-hầu Nguyễn-phúc.Lễ, miếu võ trang nghiêm, ngó ra sông Phước, lấy tảng đá lớn làm thủy-thành, dưới đấy có con cá gáy (tức cá chép) hấp gió dờn sóng bơi lượn ra vào, khi gió mưa nước chọi vào đá tiếng vang ồ ạt, sóng dậy chập chờn, thanh oai lẫm liệt, khiến cho người nghe phải kinh sợ. Từ khi có loạn Tây-sơn, hương khói lãnh đạm, có sĩ-nhân trong trấn là Lâm-Tấn đến đây nhân có cảm đề bài thơ như sau :

PHIÊN ÂM *Bạch thảo thê thê cỏ tái trần.*
Hoang thành duy kiến dã hoa tân.
Thiên tương sự nghiệp qui tiền đại.
Địa dĩ sơn hà chúc hậu nhân.
Phong vũ cụ khôi chinh chiến cốt.
Tử tôn trường thác loạn ly thân.
Bình sinh nhất trích tầm thường lụy.
Bất khắp trung-thần khắp loạn thần.

TAM DỊCH *Bụi ải tung bay cỏ bạc màu.*
Thành hoang hoa tạp nở xen nhau.
Trời đem sự nghiệp trao đời trước.
Đất giữ san hà gán kẻ sau.
Mưa gió chưa tàn xương tướng sĩ.
Cháu con lại vướng nạn qua mâu.
Bình sinh chẳng khóc tôi trung nghĩa.
Vì lũ gian-thần ứa lụy châu.

[25b] MIẾU QUAN-ĐẾ

Ở phía nam cù-lao Đại-phố, phía đông đường tam-giai, ngó đến sông Phước, miếu điện nguy nga, có đắp tượng cao hơn 1 trượng, phía sau là quán Quan-âm, ngoài bao tường gạch, có con lân bằng đá ngồi 4 góc, cùng với Hội-quán Phúc-châu đầu phía tây đường lớn và Hội-quán Quảng-đông ở dưới phía đông là 3 cái đền lớn. Từ khi có loạn Tây-sơn nhân dân ly tán, 2 đền kia bị hủy bỏ, duy miếu này là của công cộng bản-phố, riêng được bảo tồn. Nhưng đến mùa thu năm Ất vị ở Trấn-biên có lụt lớn, tượng bị ngấm rã, còn rường cột và mái ngói lâu năm nhiều chỗ mục nát. Năm Đinh-sửu (1817) niên hiệu Gia-long 16 người làng hội họp bàn định trùng tu mà không đủ sức, mời tôi (1) làm chủ việc ấy, vì tôi là người ở tại nơi Miếu cũ ; ban đầu tôi cũng miễn cưỡng nhận lời đề cho đẹp lòng dân mà thôi, nhưng lòng tôi vẫn chưa quả quyết. Kịp khi triệt hạ, trên rường chính giữa có đóng phụ vào 1 miếng bản, tuy mới một đã ăn mà chữ khắc hãy còn, nhưng vì khói của hương đèn lâu ngày xông lên đen tối nét chữ [26a]. Khi đem xuống nhẹ tay chùi rửa rồi xem xét kỹ lưỡng, thì thấy nước sơn bền dày, nét chữ phân minh bên trước liệt kê 8 tên người chủ hội, trong ấy có tên họ ông nội của tôi, còn ký dư không nhìn nhận được, bên sau chạm : tuế thứ Giáp-tý Chính-hòa ngũ niên tứ nguyệt cát nhật (ngày tốt tháng 4 năm Giáp-tý niên hiệu Chính-hòa thứ 5-1684). Rường bên tả 1 tấm bản khắc tên 11 người chủ hội, trong ấy có tên họ ông thân-sinh của tôi, bên sau khắc : tuế thứ Quý-hợi Cảnh-hưng tứ niên trọng xuân cốc nhật (ngày tốt tháng trọng xuân năm Quý-hợi niên hiệu Cảnh-

(1) Chữ tôi đây có lẽ là cụ Trịnh-hoài-Đức tự xưng, vì cụ là tác-giả bộ Gia-định-thành thông-chí này.

hung thứ 4-1743). Khi ấy tôi đương bàng hoàng, và có đồng người dành xem, nhưng một chặp lâu thì tấm bảng ấy liền tự nó rã nát, tôi đem tới trước miếu khẩn vái rồi đốt, tôi chạnh nghĩ rằng: Tôn-thần cùng với nhà tôi, 3 đời đã có túc-duyên, tôi nay đâu dám không làm cho thành chí nguyện của tiên-thế? Nên tôi quyết chí kêu gọi chúng nhân hiệp tác làm lại miếu mới, đắp lại pho tượng, sửa sang đồ thờ, nay cũng tạm được gọi là đầy đủ. Vậy xin cần chỉ vào đây.

ĐỀN LONG-VƯƠNG

Ở bờ phía nam sông Phước, cách phía đông thành 50 dặm. Đời vua Hiền-tôn (1691-1724) Chánh-thống-suất Nguyễn-Vân đi đánh Cao-miền [26b] tiến đến nơi đây có vực sâu hiểm, dưới sông có rạn đá, nước xoáy mạnh, sóng ò ạt, dấy lát gió táp mưa chan mù mịt, tình thế rất nguy, chiến thuyền cơ-hồ không bảo toàn được. Bỗng thấy lấp loáng 1 đền tranh nhỏ vắng vẻ ở trong lùm cây tại bờ sông, hỏi ra mới biết đó là Long-vương-thần-từ. Vân bèn mật niệm cầu đảo, thì trong khoảnh khắc trời lại tạnh sáng như thường, thuyền đều đi qua yên ổn, lần đi này chỉ một trận đánh được thành công, nên ngày khai-hoàn tu bổ đền lại kỹ lưỡng đề báo đáp, nay đền vẫn còn nguy nga, trông rất nghiêm chỉnh.

ĐỀN DIÊN-CÔNG

Ở tổng Phước-hưng huyện Phước-an, thờ Khai-biên công thần Chương-cơ Diên-lộc-hầu Nguyễn-công, có chép vào tự-diễn.

ĐỀN GIÁP-CÔNG

Ở địa phương Xích-lan tổng Phước-hưng huyện Phước-an, thờ vị An-biên công thần Ký-lục kiêm Cai-cơ Giáp.

lãnh-hầu, triều đại xưa, có chép vào tự-điền mà sự tích cùng họ tên chưa được rõ.

ĐỀN NAM-HẢI TƯỚNG-QUÂN

Thần là con cá nhân-ngư, không có vây, đầu tròn tron láng, đỉnh trán có lỗ phun nước ra như mưa, [27a] môi voi, đuôi tôm, dài đến 2,3 trượng, ưa nhảy bơi trên mặt biển. Ngư-phủ dăng lưới đánh cá, thường hô là thần mà cầu khẩn, thì nhân-ngư đuổi bầy cá chạy cả vào lưới. Ngư-phủ rất cảm ơn, có khi nhân-ngư lằm vào trong lưới, thì ngư-phủ mở 1 mặt lưới kêu mà dẫn ra, nhân-ngư ắt theo cửa lưới ấy mà ra ! Lại những ghe thuyền trong biển gặp lúc gió sóng nguy hiểm, thường thấy nhân-ngư diu dờ thân ghe bảo vệ vào bờ yên ổn. Còn hoặc ghe bị chìm úp thì cũng trong cơn sóng gió rầm rộ ấy nhân-ngư cũng đưa người lên bờ, sự hộ trợ hiển nhiên rõ rệt. Nhưng chỉ có trong nước Nam từ Linh-giang đến Hà-tiên có sự linh ứng cứu vớt mau chóng mà thôi, còn các biển khác không có. Có lẽ vì núi biển phương Nam hun đúc thiêng liêng được âm phù mặc trợ để bảo hộ sinh-dân của ta vậy chăng ? Triều-đình đã phong tặng làm « Nam-hải Tướng-quân Ngọc-lân tôn thần », kê vào tự-điền. Cá ấy rủi ro mà bị ác-ngư khác đánh chết nổi trên mặt bể, thì dân miền biển góp tiền mua hàng, vải đồ liệm rồi lựa 1 người đàn anh trong Ngư-hộ đứng làm chủ tang, đào đất chôn cất cẩn thận, và dựng đền ở ngay bên [27b] mộ. Những chỗ có chôn cá ấy thì dân chỗ ấy được nhiều lợi may mắn, còn chỗ tuy không chôn cũng đều lập đền thờ, dọc theo miền biển đều như thế cả.

ĐỀN NGŨ-CÔNG

Ở đầu nguồn Bắg-bột, phụng tự: Tà-mã quốc-công, Tà-môn quân-công, Tà-nông quân công, Tà-việt quân-công, Tà-khuông quân-công. Thường có linh dị, những người đi qua, phải sắm lễ vật cung kính, thì được an lành. Những thần ấy là lấy tên 5 cái thác hiểm mà theo như Man-ngũ đề xưng hô, còn tôn hiệu phong tặng thì chẳng biết xuất tự thuở nào? Nay cứ đề nguyện đợi sau khảo cứu.

CHÙA SẮC-TỬ

Ở bờ phía Nam sông Phước, cách phía đông Trấn 8 dặm, do Chánh-thống-suất Nguyễn-Vân sáng lập, năm Giáp-dần đời Túc-tôn Hiếu-minh Hoàng-đế (1734) ngự tứ biền-ngạch chữ vàng, đề khắc: « Sắk tử Hộ-quốc-tự », bên tả khắc: « Long-đức tam niên tuế thứ Giáp-dần trọng thu » (tháng trọng thu năm Giáp-dần niên hiệu Long-đức năm thứ 3, bên hữu khắc: « Vân-tuyền đạo-nhân đề ». [28a] nét chữ cứng cõi; cảnh chùa trang nghiêm, cửa thiền thanh tịnh, đáng kể là nơi lạc-thở của Nam-tông (1). Sau bị Tây-sơn phá hủy tượng Phật, rường cột ngói gạch tồi tàn, nay làm nhỏ lại và lợp tranh, hầy con di tích.

NÔNG-NAI ĐẠI-PHỐ

Ở đầu phía tây cù-lao Đại-phố, lúc đầu khai thác, Trần-thượng-Xuyên Tướng-quân chiêu tập người buôn nước Tàu đến kiến thiết phố xá, mái ngói tường vôi, lầu cao quán rộng, dọc theo bờ sông liên lạc tới 5 dặm, chia vạch làm 3 đường phố, đường phố lớn lót đá trắng, đường phố ngang

(1) Phật-giáo thiên-tông từ sau Ngũ-tổ chia làm Nam-tông, Bắc-tông, Nam tông là do Lục-tổ sáng lập ra, có chia làm 5 phái. (Tự-nguyên)

lót đá ong, đường phố nhỏ lót gạch xanh, đường rộng bằng phẳng, kẻ buôn tụ tập, ghe thuyền lớn ở biển và ở sông đến đâu neo, có những xà-lan liên tiếp nhau, ấy là 1 chỗ đại đô hội, những nhà buôn bán to lớn duy ở đây là nhiều hơn. Người mà trong nước đều biết danh, như ông tổ ngoại-tộc tôi là Lâm-tổ-Quan, tên tự của ông người Tàu gọi là Nhái (1) cho nên tục xưng là ông Nhái. Ông người huyện Tấn-giang phủ Triều-châu tỉnh Phúc-kiến, gặp lúc vua Thế-tôn Võ-vương (1738-1765) đổi phục sắc (đồ y-phục), vì thấy kiểu áo mào đơng cải cách ấy thực là vinh-diệu, nên 3 cha con đồng nhật dâng [28b] vàng xin làm nội-viên thị-hàn, vua nghe danh tánh của 3 người, khen là nhà phú hào. Lại có ông nội-tổ của tôi là Sư-không người huyện Trường-lạc thuộc Phúc-châu, bà nội tôi là Vương-thị - Nghi tục danh là Bà-nghi, cùng ở phủ Tứ-phong đều là nhà danh giá. Từ năm Bính-thân (1776) về sau Tây-sơn vào chiếm giữ lấy phòng ốc gạch đá tài vật chổ về Qui-nhon, từ đấy chổ này biến làm gò hoang; sau khi trung-hưng, người ta tuy trở về, nhưng dân số không được một phần trăm lúc trước.

KHO ĐIỀN-TÔ

Ở bờ phía bắc Hậu-giang, kho làm dựa theo núi, thuở trước làm chổ trưng thầu thuế khoá trong hạt, nay đã canh cải, nền cũ vẫn còn.

Ba thương-trường biệt-nạp: là Tân-thạnh, Cảnh-dương và Thiên-mu, khi xưa đặt làm chổ cho dinh Trấn-biên trưng thầu tô thuế để vận tải về Kinh, ở bờ phía đông Tam-giang Nhà-bè. Từ năm Ất-vị (1775) vua Duệ-tôn lánh vào Gia-định bãi bỏ 3

(1) Chữ tra tự-diên không có, có lẽ đó là chữ nôm: nhái hay là nai.

kho ấy đi, tô thuế đều nạp theo quản-thảo công-khố để cho tiện việc chuyên-vận cấp-phát quân lương. Còn ngạch thuế thuộc [29a] dân cứ để nguyên cũ cho còn danh lệ.

CHỢ NGU-TÂN

(*Bến cá, cũng gọi là chợ Bình-thảo*)

Ở tổng Phước-vinh, thương khách tụ hội, tiện cả đường thủy và đường lục, ngoại hóa, thổ sản cùng gia hào mỹ vị ở sông núi không thiếu vật gì, là một chợ ở miền núi rất đông đảo.

CHỢ BĂNG-BỘT

Ở tổng Bình-chánh, nhà cửa trù mật, ghe thuyền đi đến nơi, có nhiều sản vật ở núi rừng và thôn dã.

CHỢ BÀ-LY

(*Tục gọi Bà-riạ lại là chợ Long-thạnh*)

Nhà cửa liên lạc, giao thông cả đường thủy và đường bộ, là một chợ lớn nơi miền biển.

CHỢ BÌNH-QUÍ

Thuộc huyện Bình-an, làm địa giới ở tận phía nam trấn này, ngó tới Bình-giang, đối ngay trước thành Gia-định, ghe thuyền sông biển đến đậu nối đuôi nhau, người ở đấy chuẩn bị đồ dài hoặc vắn, đi theo giòng nước bán đồ hoa quả thực vật.

TRANG-THUYỀN-TỤ

Ở bờ phía tây Tam-giang Nhà-bè. Khi xưa ghe thuyền các nơi miền bắc đến buôn bán mà bị rò rỉ, cần phải tụ sửa và

[29b] làm thuyền mới đều phải đến đây, tụ thành thôn lạc. Từ khi Tây-sơn rối loạn nhân, dân dời đi chỗ khác, nay thành đất hoang.

QUÁN BÌNH-ĐỒNG

Trước có trạm thôn Bình-đồng ở đây, nay đổi chỗ khác. Đây là gò núi có chợ nhóm trưa, cách phía nam Trấn 37 dặm, lại đi về hướng Nam 1 dặm đến đầu bến đò Bình-giang, đây là tiếp giới của trấn Phiên-an.

QUÁN BÌNH-ĐÁN

Cách phía nam Trấn 20 dặm, quán chợ nhóm thưa thớt, có bán đồ diêm tâm.

THẠCH-KIỀU (cầu đá)

Ở phía tây bắc Trấn nửa dặm, đá ong dài lớn chông chắt cắn lợi cùng nhau gác ngang trên ruộng, dưới mở 3 cửa trống cho thông đường nước, cầu dài 25 trượng, đời vua Thế-tôn, thuộc-trấn trung-bộ cai-cơ-đội Lê-văn-Hoè kiến trúc.

TÂN-BẢN-KIỀU (cầu ván mới)

Ở thượng lưu khe Lộ, tổng An-thủy, huyện Bình-an, cách phía nam trấn độ 3 dặm. Tháng 6 năm Bình-thân (1776) đời vua Duệ-tôn thứ 12 Hữu-phủ Kinh-quốc-Công mất, Lý tướng-quân đạo Hòa-nghĩa mất người [30a] nương tựa, lại bị binh tướng Đông-sơn khinh dễ lãng nhục, Lý tướng-quân không xiết phần uất, liền đem binh phản lại, tụ tập thêm người Tàu ở trong hạt sung vào đội ngũ được 8000 người, chia ra làm 4 sắc cờ ; Lý-hiến Tướng-quân lãnh cờ vàng, Vương-nam Tướng-

quân lãnh cờ trắng, Lâm-tân Tướng-quân lãnh cờ hồng, Trần-hồ Tướng-quân lãnh cờ màu lam ; lại mộ bắt người Minh-hương Thanh-hà cùng bọn côn-đồ vô-lại hiệu là Trung-đao-quân chiếm huyện Bình-an, hoành hành cướp phá, bắt giết được người nào thì Trung-đao quân mổ bụng ăn gan và ăn cả thịt, dữ tợn thái quá, không đâu sánh kịp. Tháng 8 Đông-sơn Thượng tướng - quân Đổ - thanh - Nhân cùng 5 Tướng-quân là Đổ-Hoàng, Đổ-Ky, Đổ-Bố, Đổ-Bảng Đổ-Nhan đến đánh, binh họ Lý lui về nương cây hiềm yếu núi Chiêu-thời. Thuở ấy binh Hòa-nghĩa dùng cái mác nhọn 8 thước, lưỡi mác như cái dao cá dùng chém và đâm đều được cả, lại dùng dao lá bài, súng bắn chim làm món sở trường, khi ra trận thì cột giấy kim ngân chỉ tiền vào cổ, để biếu thị là phải chết. Binh Đông-sơn thì lấy [30b] ngũ-nhan-liệu (?) bôi mặt, cầm cây đuốc dầu rái và can sào cột dây mây có gai vào chót sào thả thông xuống như đuôi chim trĩ, lại dùng phốc-đao đoản-đao làm chiến-kỹ sở trường, giao chiến ở chợ Bình-tiên, quân Hòa-nghĩa trá bại dụ quân Đông-sơn đến núi Chiêu-thời có phục binh sẵn ở cầu Tân-bản nổi dậy đánh giết, binh tướng Đông-sơn tử thương không xiết kể. Cả giáo-sư dạy Võ nghệ là Nguyễn-liều. Cũu cũng bị giặc giết, bọn Đổ-Hoàng sợ chạy lui về Sài-gòn. Quân Hòa-nghĩa tới đóng tại chợ Bàng-bột, toan tính kế qua sông đánh úp dinh Phiên-trấn. Kịp khi Mục-vương từ Qui-nhơn chạy vào Gia-định, khiến Tham-mưu Nguyễn-Khoảng đến thông tin tức, từ ấy Lý binh mới thừa thế thẳng xuống Phiên-trấn, bèn gây nên mối họa bắt ức vua phải nhường ngôi !

(1) Duệ-tôn truyền ngôi cho Đông-cung, xưng là Tân-chính-Vương (tức Mục-Vương), sau bị Nguyễn-Huệ giết.



TRẦN ĐỊNH-TƯỜNG

Ly sở Trần Định-tường ở địa-phận thôn Mỹ-chánh, tổng Kiến-thạnh, huyện Kiến-hòa. Ngày 28 tháng 2 năm Kỷ-vị (1679) đời Vua Thái-tôn năm thứ 32 [31a] tướng Long-môn là bọn Dương-ngạn-Địch từ nước Tàu (đời Đại-minh) chạy sang qui phụ, Vua sai Xá-sai Văn-trinh, Tướng-thần Lại-văn-Chiêu đưa Dụ-văn sang Cao-miền bảo Thu-vương chia đất để cho bọn Dương-ngạn-Địch ở. Tháng 5 Văn-trinh dẫn cả binh biên Long-môn và ghe thuyền đến đóng dinh trại ở địa-phương Mỹ-tho, rồi dựng nhà cửa, tụ tập người Kinh và người Thượng kết thành chòm xóm. Đến đời Vua Hiến-tôn lập phủ-trị ở phía bắc chợ, lệ thuộc dinh Phiên-trấn, đời Vua Duệ-tôn cải đặt làm Trường-đồn-đạo có 1 viên Cai-cơ hoặc Cai-đội và 1 Thư-ký ở làm việc tại đấy, sau này mới lập dinh trấn (có nói rõ trong Cương-vực-chí) đều là tùy thời dời đổi, hoặc hướng nam hoặc hướng bắc, hoặc đem tới hoặc rút lui cũng chẳng ngoài địa cuộc ấy, nhưng thành bảo thì chưa đắp. Phía nam Trị-sở là chợ phố lớn Mỹ-tho, nhà ngói cột chạm, đình cao chùa rộng, ghe thuyền ở các ngả sông biển đến đậu đông đúc, làm 1 đại đô hội rất phồn hoa huyền ảo. Từ khi Tây-son chiếm cứ, đổi làm chiến-trường, [31b] đốt phá gần hết, từ năm Mậu-thân (1788) trung hưng lại đây, người ta lần trở về, tuy nói trù mật, nhưng đối với lúc xưa chưa được phần nửa, năm Nhâm-lý

(1792) xây cầu Qui-tông ngang qua sông để thông với đồn Kiến-định, năm Tân-dậu (1801) bị nước xói lở, nhưng lúc ấy giặc loạn đã yên, trong hạt không có sự động binh khẩn cấp, và lai dòng sông sâu nước chảy mạnh nên không làm cầu lại, nay dùng đò ngang để đưa người qua lại mà thôi.

ĐỒN MỸ-THO

Ở phía nam trấn độ 1 dặm, trước kia là rừng hoang làm hang hầm cho hùm beo ở. Năm Nhâm-tý (1792) thời trung-hưng mới đắp đồn vuông, chu vi 998 tầm, có mở 2 cái cửa phía tả và hữu, nơi cửa có xây cầu ngang qua hào, hào rộng 8 tầm, sâu 1 tầm, bốn mùa nước ngọt có nhiều cá tôm, dưới cầu có cửa cống nhỏ để lưu thông với sông lớn, ngoài hào có đắp lũy đất có cạnh góc lồi ra hững vô như bình hoa mai, chân lũy mặt tiền 30 tầm đến sông lớn. Trong đồn có những kho gạo, kho thuốc đạn, trại quân và súng lớn, tích trữ đầy đủ nghiêm chỉnh. Mặt sông rộng lớn : năm Giáp-dần (1794) trên đồn đặt súng lớn bắn thử qua phía bờ sông bên kia [32a], cách xa 10 dặm mà cây trong rừng đều bị trốc gãy, ấy là đạn đi còn có sức mạnh vậy.

HUYỆN KIẾN-HÒA

Công-vụ nhiều, trị sở ở thôn Mỹ-hóa tổng Kiến-thạnh, ấy là chỗ huyện-trị xưa, cách trấn 20 dặm rưỡi, nơi ấy gọi là Quán-lương, có chợ nhỏ, từ khi Tây-son chiếm cứ, huyện bỏ đã lâu, năm Gia-long thứ 12 (1813) mới lập huyện lại chỗ đấy, qui chế y như huyện ở Phiên-an.

HUYỆN KIẾN-ĐĂNG

Công vụ phiên phức khó nhọc, trị sở ở thôn Mỹ-đức-đông, vùng sông Thi, qui chế như huyện trên.

HUYỆN KIẾN-HUNG

Trị sở ở địa phận thôn Tân-lý-tây, chỗ đồn cũ Kiến-định, qui chế cũng như huyện trên.

CHỢ LƯƠNG-PHÚ

Cách phía đông trấn hơn 14 dặm, quán xá trù mật, bánh trắng ở chợ này dày, lớn, thơm, dòn mà giá lại rẻ, người đi qua lại thường mua đem đi tặng cho người khác, có tiếng đồn khắp xa gần. Đầu chợ phía đông có bến chùa đều là những nhà ở bán lúa gạo, cho nên những ghe đi mua gạo thường nhóm ở đây, cũng gọi là cái chợ lớn.

[32b] CHỢ HUNG-LỢI

Ở phía nam sông Báo-định, phố xá liên lạc, ngó ra sông lớn, kẻ qua lại thường đậu thuyền ở đây đợi con nước lên rồi theo dòng nước đi xuống đông hay là lên tây, cho nên trên sông có nhiều ghe nhỏ chở bán thực vật, trong ấy có bán thịt heo luộc chín bảo là thịt Bái-đáp, vì ở huyện Quảng-điền kinh Phú-xuân có làng Bái-đáp chuyên nghề bán thịt heo mà luộc thịt có phương pháp ăn rất ngon ngọt, người ở chợ này bắt chước làm theo, cũng gọi là thịt Bái-đáp.

[32b] TRẦN VĨNH-THANH

Trần Vĩnh-thanh này vào ngày tháng 2 năm Quý-dậu niên hiệu Gia-long 12 (1813), Khâm mạng Trần thủ Lưu-phước-Tường đắp thành đất, xây lưng hướng Kiền (hướng tây-bắc) xây mặt hướng Tốn (hướng đông-nam), từ phía nam qua phía bắc cách 200 tầm, từ đông-quả tây cũng vậy, 4 mặt thành chỗ giữa hững vò, ngoài có khúc thành bao vòng chỗ cửa thành, hình cong ra như đầu ngọc khuê, bốn góc thành có sừng nhọn như hình kim-qui, lại như hình hoa mai. Trong thành có 2 con đường dọc, 3 con đường ngang, trước [33a] dựng hành-cung, ở giữa giăng ngang 3 công-thụ, ở sau có kho tích-trữ, nhà thừa ty và trại quân chia liệt 2 bên tả hữu. Hào rộng 10 tầm, phía tả thành này có sông Long-hồ, phía hữu có Ngư-câu, mặt sau có sông lớn, mặt trước thành có đào đường cừ sâu, dài 425 tầm, ngang 40 tầm lưu thông với sông Long-hồ và Ngư-câu để làm hào thành ngoại. Góc thành phía đông có quan-lộ dọc theo sông, phía tả là sứ-quán, phía hữu là chợ Vĩnh-thanh, quan lộ ngang qua đường cừ, có gác cầu dài đi đến chỗ lý sở cũ, qua cầu sông Long-hồ có chợ Long-hồ. Ngoài đường cừ nơi góc phía nam có xưởng thủy-sur. Ngoài xưởng có đồn tam-diện-giác bao theo, lại ngoài đường cừ góc phía tây nam có gác cầu thông-tế, mặt sau giáp đến sông lớn, thật là yếu-địa có hình thẳng vậy.

ĐỒN CHÂU-ĐỐC

Ở phía đông sông Vĩnh-tế Hậu-giang, cách phía tây trấn 326 tầm. Niên hiệu Gia-long 14 (1815) Trấn-thủ Vĩnh-thanh Lưu-phước-Tường phụng sắc đem dân binh trong Trấn hạt 3000 người mỗi tháng cấp cho mỗi người 2 quan tiền và 1 vuông rươi gạo. [33b] Ngày 4 tháng 12 khởi công đắp đồn dài lục giác, từ trước đến sau 324 tầm, từ tả đến hữu 164 tầm, tả hữu đều có 2 cửa, mặt sau 1 cửa, bề cao 7 thước, chân đồn dày 6 tầm, tựa về hướng Kiền, ngó tới hướng Tốn, phía tả giáp sông lớn 3 phía: tiền, hữu và hậu có hào rộng 20 tầm, sâu 10 thước lưu thông với sông cái. Trong đồn có phòng lính ở, kho tích trữ, súng lớn và quân khi đầy đủ, lấy quân trong 4 Trấn và đồn Oai-viên mỗi phiên 500 người lưu thủ, đối ngang với đồn Tân-châu ở Tiền-giang cách về phía đông 32 dặm rươi, phía tây cách Trấn Hà-tiên hơn 203 dặm, phía bắc cách thành Nam-vang 244 dặm rươi, thật là 1 yếu địa biên-phòng vậy.

ĐỒN CHÂU-GIANG

Nguyên trước là thủ-sở Châu-đốc, ở đầu cồn cát thường bị nước lụt xung phá sụp lở và sóng gió ò ạt, thương-thuyền đi tới không tiện đình trú. Mùa xuân năm Gia-long thứ 17 (1818), vua sắc cho Trấn-thủ Trấn Vĩnh-thanh Nguyễn-văn-Xuân xem xét địa điểm, dời lên thượng-lưu cách chỗ cũ 1 dặm, đắp đồn đất vuông, lưng tựa [34a] hướng Quý (hướng bắc) ngó đến hướng Đinh (hướng nam) mỗi mặt 30 tầm, cao 6 thước 5 tấc, chân dày 3 tầm, mặt đồn chỗ chính giữa đều đắp nhọn ra như hình bát giác, 2 bên tả hữu chỗ gần góc mặt tiền đều mở 1 cái cửa, đổi tên lại là đồn Châu-giang, làm chỗ đóng quân phòng thủ.

HUYỆN TÂN-AN

Công vụ phiền phức khó nhọc, ở địa phận thôn Phước-hạnh xứ Ba-việt, cách phía đông Trấn 121 dặm, giáp liền bên sông và chợ, phố xá trù mật, qui chế huyện này cũng như các huyện ở Phiên-an. Trước đây vào khoảng tháng 3 năm Đinh-dậu (1777) Tây-sơn vào chiếm cứ, tháng 7 vua Mục-vương chạy đến đây, Tây-sơn vây chặt mấy lớp, thuở ấy Tôn-thất-Chí quận-công, Chương-dinh Nguyễn-Mẫn, Chương-cơ Tống-phúc-Hựu đều bị mất cả, duy còn Điều-khiển Tống-phúc-Hòa một mình chống đỡ, rồi sau phá được quân địch, thanh thế cũng đã lừng lẫy, nhưng 4 mặt đều thọ địch, thế cô không người tiếp viện. Rồi đến tháng 8 quân địch thêm binh ác chiến, quân ta đuối sức, Mục-vương bị địch bắt đi, Tống-phúc-Hựu phải chết theo quốc nạn, đáng thương tiếc thay !

[34b] HUYỆN VĨNH-AN

Công vụ phiền phức khó nhọc, trị sở ở thôn Vĩnh-phước chợ Sa-đéc, qui chế như huyện trước.

HUYỆN VĨNH-BÌNH

Công vụ bề bộn, trị-sở ở thôn Tân-hiệp và thôn Phú-an xứ Mân-thít, qui chế như các huyện trên.

MIẾU HỘI-ĐỒNG

Ở địa phận phường Sùng-văn, rui è ruộng cội đều dùng cây gỗ tốt, sơn chạm tốt đẹp, làm đàn tế lễ, tháng 3 và tháng 9 Trấn-quan chiếu theo nghi lễ cúng tế, có chép vào tự-điền.

ĐỀN LỄ-CÔNG

Ở trên Đại-châu (cù lao lớn) sông Hậu-giang, tháng 7 năm Kỷ mao (1699) đời Vua Hiến-tông, Nặc-Thu người nước Cao-miên đắp lũy Gò-bích, Nam-vang và Cầu-nam, cướp bóc dân buôn, Long-môn-tướng Thông-binh Thăng-tài-hầu Trần-thượng-Xuyên phòng thủ Doanh-châu, đem việc cáo báo. Tháng 11 Chưởng-sơ Lễ-thành-hầu Nguyễn-công và Tham-mưu Cẩm-long-hầu Phạm-công, điều khiển Trấn-biên-dinh Lưu-thủ Nguyễn-hữu-Khánh và biên binh 2 dinh Quảng-nam Bình-Khang cùng tướng sĩ Long-môn [35a] tới đóng ở Tân-châu, dò coi quân giặc hư thật thế nào, rồi tháng 3 năm Canh-thìn (1700) kéo binh thẳng đến lũy Nam-vang. Quân giặc bày trận chờ đợi, Lễ-công đứng trên đầu thuyền cầm gươm chỉ huy ba quân, và bắn súng vang như sấm dậy, Nặc-Thu lui trước, còn binh Cao-miên không đánh cũng tự tan chạy, quan quân ta phá luôn được lũy Gò-bích, Nặc-Yêm ra đầu hàng, Lễ-công vào đồn ủy lạo nhân dân; tháng 4 Nặc-Thu đến trước quân-môn tạ tội, Lễ-công lấy lời thành tín an ủi, và cho Thu về La-bích chiêu tập lưu-dân, rồi Lễ-công kéo quân về cù lao Cây-sao (cù lao này có nhiều cây sao, tức nay là cù-lao Ông-Chuông) làm tờ báo tiếp chờ đợi lệnh trên.

Đêm ngày 26 tháng ấy gió mưa tầm tã, nơi đầu cù-lao bị lở có tiếng vang như sấm lớn, đêm ấy ông mộng thấy một người cao lớn mặc áo gấm, tay cầm cái búa vàng, mặt như xoa phấn đỏ, râu mày bạc trắng, đến trước bảo rằng: «Tướng-quân nên kéo quân về cho sớm, không nên ở lâu nơi ác địa này». Ông thức dậy, có vẻ lo buồn, nhưng vì việc biên-cảnh chưa thành, dư đảng giặc còn núp trong rừng núi, [35b] trong lúc trừ trừ chưa định, ba quân bị phát binh

dịch mà ông cũng nhiễm bệnh, 2 chân tê bại, ăn uống không đặng, gặp ngày tết Đoan-ngọ ngày (5 tháng 5) ông miễn cưỡng ra dự tiệc để khuyến lạo tướng sĩ, rồi bị trúng phong và thổ huyết, bệnh tình lần lần trầm trọng. Ngày 14 ông kéo binh về, ngày 16 đến Sầm-giang rồi mất. Khi ấy chở quan tài về tạm trú ở dinh Trấn-biên, rồi đem việc tâu lên, Vua rất thương tiếc, sắc tặng là «Hiệp-tán Công-thần, thụy là Trung-cần», thọ được 51 tuổi. Người Cao-miền lập miếu thờ ông ở đầu châu Nam-vang, nơi cù-lao ông nghỉ binh, nhân dân cũng lập đền thờ, được mạng danh là cù lao ông Lê, còn chỗ dinh quan tài ở dinh Trấn-biên cũng lập miếu thờ, các miếu ấy đều được linh ứng. Vậy có phải do lòng trung thành chính khí của ông lưu hành xa rộng khắp trong trời đất chăng?

Còn Trần-tướng-quân (Trần-thượng-Xuyên) nhiều phen giao chiến làm cho quân địch phải nể sợ, sau cũng lập đền thờ tại chỗ và xã Tân-an dinh Phiên-trấn, [36a] thôn Tân-lân, dinh Trấn-biên, đều ngưỡng mộ công ông khai khẩn mà thờ phụng, hương khói không tuyệt.

CHỢ LONG-HỒ

Cách phía đông trấn 1 dặm, 2 mặt giáp sông, lập ra năm Nhâm-tý đời vua Túc-tông năm thứ 8 (1732), phố xá liên lạc hàng hóa đủ cả trăm món, dài đến 5 dặm, ghe thuyền đậu sát bến, các nơi đình quán, đàn ca náo nhiệt, ấy là thị phố lớn trong trấn.

CHỢ SA-ĐÉC

Ở phía đông chợ huyện Vĩnh-an. Phố chợ dọc theo bờ sông, nhà cửa 2 bên tương đối liên tiếp 5 dậm, dưới sông có những bè tre, gác làm phòng ốc, đậu sát với nhau, hoặc bán hàng lụa khi dùng ở Nam Bắc chở đến, hoặc bán dầu rái, than, mây, tre v.v... trên bờ và dưới sông trăm thức hàng hóa tốt đẹp, trông khá vui vẻ, thật là thắng địa phồn hoa vậy.

[36b] TRẤN HÀ-TIÊN

Trấn thự Hà-tiên, tọa hướng Kiền (tây-bắc) trông hướng Tốn (đông - nam) lấy Bình-son làm gối, núi Tô-châu làm tiền-án, biển cả làm hào phía nam, Đông-hồ làm hào phía trước, ba mặt có lũy đất từ bến Dương đến cửa hữu dài 152 trượng rưỡi, từ cửa hữu đến cửa tả dài 153 trượng rưỡi, từ cửa tả đến Thuyền-xưởng ra Đông-hồ 308 trượng rưỡi, lũy cao 4 thước, dày 7 thước, hào rộng 10 trượng. Ở giữa làm công-thự, vọng-cung, 2 bên tả hữu trước thự bài liệt trại quân, trước sân có cầu Tân-thạnh, phía tả tiếp sứ-quán, phía hữu tiếp công-khố. Dinh Hiệp-trấn ở chân núi Ngũ-hồ, ngoài vọng-cung về phía tả có chợ Trấn, phía tả công-thự có miếu Quan-thánh, sau thự có chùa Tam-bảo và đền Tam-Mạc-công (đền thờ 3 ông thợ Mạc). Chợ Trấn phía đông ngó xuống bến hồ, nơi bến có làm trại cá, phía bắc công-khố có miếu Hội-đồng, phía bắc miếu có xưởng đăng-thuyền (rửa thuyền), chia khu ngang dọc lấy đường lớn làm giới hạn, phía tả miếu Quan-thánh là phố ĐIỀU-KIỀU, đầu [37a] bến có gác cầu ván thông ra biển giáp đảo Đại-kim, phía đông phố ĐIỀU-KIỀU là phố Chợ cũ, qua phía đông phố Chợ cũ là phố chợ TỖ-SƯ, những di tích ấy đều do Mạc-tông, kinh dinh thuở trước, đường lối tiếp giáp, phố xá liên lạc, người Việt, người Tàu, người Cao-miền ĐỒ-bà đều theo chủng loại cư trú, ghe thuyền ở sông biển qua lại nơi đây không dứt, thật là một đại đô hội ở nơi góc biển vậy.

Ly sở đạo Long-xuyên, ở phía đông Trấn, giáp bờ biển, ngoài biển có nhiều thứ cá lớn, ở sông có nhiều cá sấu. Nguyên xưa đất của Cao-miên gọi là Cà-mâu, tiếng Tàu gọi là Hắc-thủy, đất thường ẩm thấp phải gác cây đề ở. Mạc-Cửu ban đầu đặt làm Đạo, Gia-long năm thứ 7 (1808) mới đặt làm huyện, chia làm 2 tổng cũng thuộc về Đạo.

Miếu Hải-linh ở trên núi Bạch-thạch đạo Long-xuyên, ngó tới vùng biển, miếu mạo nguy nga rực rỡ, phụng tự Hải-giang-linh-thần (thần linh sông biển) dân địa phương sùng bái kính lễ thường được linh ứng.

[37b] Chùa Tam-bảo ở sau trấn thụ, Phạm-cung mở rộng, Phật-pháp phổ trương, nguyên xưa do Thống-binh Mạc-Cửu làm ra. Kế có thân-mẫu Mạc-Cửu là Thái phu-nhân tuổi ngoài 80, nhớ con tha thiết, từ Lôi-châu theo đường biển đến, Mạc-cửu phụng dưỡng ở chùa này. Phu-nhân vốn tánh mộ Phật, hết lòng thành kính, vừa ngày tắm Phật, Phu-nhân vào chùa cúng dường chiêm bái, trong khoảnh khắc thốt nhiên hóa (chết) trước bàn thờ, Mạc-Cửu theo lễ chôn cất, xây mộ ở núi Bình-sơn, lại đúc tượng bằng đồng thờ tại chùa ấy, nay tượng vẫn còn.

Ao Thổ-vũ ở sau miếu Quan-thánh trong trấn-thành, sâu rộng hơn 1 mẫu, vườn rau ở phía nam, được dẫn nước dưới đồi dào, trong ao lại có nhiều cá.

Đính chính

Trang	Dòng	THAY VÌ	XIN ĐỌC LÀ
9	11	xuây chuyển	xoay chuyển
15	12	kuác	khác
17	14	sử quái lạ	sự quái lạ
30	6	ngày ăn 3 bữa	ngày 3 bữa
32	11	đào củ	hái quả
48	8	mà nhỏ. Có thứ...	mà nhỏ, có thứ...
54	14	cây long	cây lọng
66	23	1 ắc	1 tắc
75	10	Năm ân-dậu	Năm Tân-dậu
80	17	Nguyễn-lễ	Nguyễn-Lễ
85	12	tiết	khiết
104	15	khung	khang



三寶寺在鎮署之後。梵宮洞啟，衆法恢張。統兵第，致初符所
 建，嗣以其母榮夫人年逾八旬，倚門望切，自雷州航海而來。公
 留侍養焉。^尚夫人素慕佛，日致虔誠，以浴佛日，夫人入寺瞻拜，
 供養之，頃忽於佛前坐化。公喪葬以禮，既於屏山成墳，復範
 銅為像，祀于其寺。今像存焉。

七十四

37b

土字池在鎮城關。帝廟之後，溼泓餘畝，菜園在其南。時滋
 灌溉於物，魚躍。

城池

嘉定城通誌卷之六終

鐘埠頭板橋跨海接大金嶼。釣橋鐘東為舊市鐘。又東

祖師市鐘皆鄭。徐舊長經營浙衛衛街穿貫店舍聯絡華人唐人

高錦閣閣類聚以古洋船江船往來如織海陬之一大都會也

龍川道法所在鎮之東濱際洋外海多巨鱗江多鱉魚古高

綿地號即哥毛華古黑水也地處卑濕架木以店初

置為道嘉隆七年始置為縣分三總亦以道領

海靈廟在龍川白石巖之上面臨海澳巖壁龍壁魏哉按

耀祀海江靈神方民崇加敬禮屢有異應

此也

河僊鎮署坐乾向巽以屏山為後護蘇州為前案漢海整其南

東湖濠其前三面土壘自楊渚至右門長百五十二里半右

門至左門百五十三丈半左門至船廠出東湖三百八丈半各

高四尺厚七尺濠廣十丈中為公署望宮當署前左右布列

車寨庭前津石橋左接使館右公庫叶鎮宮於五虎山

七十二

之麓望宮外左鎮市聚馬公署之外左開帝殿署後三寶

寺三第公祠鎮市東瞰湖津津起魚寨公庫之北會同廟

廟北蓋船廠縱橫區畫界以大路開聖帝廟在島釣橋

城池

遷營之新構村，養其開墾之功，而香火亦不絕。

龍湖市在鎮東一里，二面臨江，建於廟。宗壬子八年，鎮舖舍，蟬聯百貨。

湊集，連五五里，舟楫通津，神觀鄉亭，絃歌鬧熱。是鎮中一

是鎮市。

360

沙的市在永安縣市之東，沿江鎮市，樓榭對宇，比若魚鱗，絡繹。

五里江下竹篔，泉起房屋，櫛比成行，或賣南北絲緞品用。

七十一

或賣猛火油，木炭，炭藤竹之屬，岸上與江中百貨，比麗眩目。

落心繁茂之勝地也。

河僊鎮

城池

躊躇未定三軍疫疾忽作而公亦染微恙漸致雨足麻水

飲食不進適五月初五日端午晏公強出勸勞將士傷風而

吐血馴至沉重十四日四十六日至汾江嗚呼公長逝載柩

回鎮邊營權厝以事聞上嘆惜久之贈賜殊厚功自謚忠勤

高五十一高綿於南榮洲頭立廟祀之停兵之洲民為建祠連

七十

名其洲為禮公洲鎮邊營停船處亦立廟焉在在俱著靈

應豈非公之忠誠正氣與天地磅礴而同流歟陳將軍

屢與賊戰彼素敬畏後亦於其處立祠與藩鎮之新安社鎮

城池

次新洲，傾賊虛寔。庚辰年三月，五冲南，崇壘賊兵列陣以待。禮公至船頭，按劍指揮三軍並進，礮聲如雷。匿秋先却，高綿兵不戰自潰。官軍連拔壘，匿淹出降。禮公屯安民四月。

匿秋詣軍前服罪，公開誠撫慰，令秋回羅壘，招集流民。

公還車於稍本洲。

洲蓋多稍本，即今翁掌洲。

奏捷待命。是月二十六日夜風

一五九

350

雨大作，洲頭崩噴聲如巨雷。其夜公夢見偉大一人，身著錦衣，手持黃鉞，面如凝丹，鬚髮皓白，前而言曰：將軍及早還轅，無得久留惡地。公醒覺愀然，但以邊事未清，餘孽猶窺。

城池

永安縣冲繁難在沙的市永福村地其規制同前

永平縣繁難在斌切處新合富安二村規制同前

會同廟在永安縣崇文坊地松梅松棟朱廊畫檻形飭萃

麗為厲祭壇所春秋二祭鎮官按儀行禮著在祀典

三十八 34b

禮公祠在後江大洲上顯宗己卯九年七月高綿國遣秋築堰

碧南崇永南壘刻掠商民龍門將統兵勝才侯陳士訓駐防

瀟洲以事馳報十一月掌奇禮成侯沅公參謀錦龍侯范公

調鎮邊營留守抗有慶并廣南斗康二營并兵同龍門將士選

城地

白丁每面三十尋、高六尺五寸、脚厚三尋、屯面正中各尖出形如八耳、左右面俱近前、每各開一門、改名朱江屯為駐禦防守之所、

新安縣繁難在波越處福幸村地距鎮東百二十一里臨江波

密市店舍稠密其規制與藩安同先是丁酉年三月西山八寇七月穆

34a

王駕幸其地西山圍之數重辰宗堂駐郡公掌營阮敏掌奇

二五七

宗福祐俱已病故惟調遣宗福和獨自維持屢破賊兵軍

聲稍振柰四面受敵勢孤無援八月賊復增兵急戰力盡穆

王為賊擁去宗公後死國難嗚呼哀哉

城池

於十二月初四日起築六角長屯前至後二百二十四尋，左至右一百六十四

尋左右各二門，後一門，高七尺，脚厚六尋，坐乾向巽，右臨大江，前右

後壕廣二十尋，深十八，通流大江，內有軍房儲積庫大礮軍器

具足，以四鎮與威遠屯軍營五百畝，守橫對前江新洲屯，距

東三十二里半，西距河仙鎮二百三百餘，北距南榮城二百四十四里半，真邊防要地。

朱篤屯舊為朱篤守所，居於洲渚冲激之地，常為水潦崩缺。

而風波震辰，蕩商船停泊不便，嘉隆十七年春，旨著永清鎮

鎮守阮文春，相地改遷於上流，距舊所一里，坐築方土屯，坐癸

城池

條路前建行宮中列公署三後積貯庫承司軍寨公布左右

濠廣十尋城之左龍湖江右魚溝後背大江大流前深後渠

長四百二十五尋橫四十尋通流龍湖魚溝以為外城濠塹

東再沿江官路左使館右永成市頭路橫渠架以長橋經萬

莊所往龍湖大江橋往龍湖市渠外南再水師殿外包三面再屯

渠西南再架通濟橋後面臨江真形勝之要地

朱萬屯在後江水濟河之東距鎮西二百二十六尋嘉隆十六年永

清鎮守劉福祥奉勅率鎮轄民三千人給月餉二貫米一方半

城地

六十五

興利市在報定河之南店舍鱗比市臨大江往來人每舣船待潮以隨
 流而東西故江多小舟化負而負人食物間有賣熟肉者謂之拜答肉
 蓋以富春京廣四縣拜答社素業皆由出賣穰湯有法食
 甚甘美彼人效之亦名為報答肉云。

· 永清鎮 ·

永清鎮於嘉隆十二年癸酉仲秋欽命鎮守劉福祥築起土城
 坐北向南南北距二百尋東西如之四中拓八而外加邑門城曲出
 形如圭頭城四角柱稜若金龜形又如梅花狀縱二條路橫三

城池

對岸十里之遠林木俱被推折此碑程猶有力也。

建和縣繁治所在建盛縣總美化村是古縣蒞之所距鎮二

十里半地號梁館有小市自西山八寂縣久廢

嘉隆十九年復於其處立縣規制同藩安

建登縣繁難治所在施江美德東村其規制同前

建興縣治所在建定益屯新里西村地其規制同前

六五

良富市距鎮東十四里餘店舍稠密市之皮餅

俗名餅壯厚大香鬆

為價頗廉凡往來人必多採買携相贈遺遠近馳名東頭伏

寺津皆店賣穀米之家故買米船必於是乎集亦稱大市。

城地

殆盡、戊申中興以來人漸歸復雖云稠密視古猶未得其半、

身、江橫江建、葵棕橋以連、建定屯辛酉年圮毀以僭亂既平、

境無警言急而江流深冲遂不修造今濟人以橫渡云。

美、激屯在鎮南一里許舊為荒林虎豹窟穴壬子中興初築

二

方屯周圍九百九十八尋左右二門門起吊橋壕廣八尋深一尋

四、作溝水魚蝦克初有小水間通流大江壕外土砦校再出八

如梅花狀前面砦脚三十尋至大江屯內米倉火藥庫軍寨

大、馭、礮、儲、備、整、肅、江、面、廣、大、甲、寅、年、屯、工、置、大、礮、試、射、于、沮、江、對

城池

二月二十八日龍門將楊彥迪等自大明謁京投誠首尊舍差文貞

將臣史文昭賚迎諭文初高綿秋王分其地以處之五月文貞

經引龍門兵并船艘進營於美湫地方起房舍集鑿華夷

結成壘里及頭尊夜於市北立為府治隸藩鎮營齊宗辰改

設前屯道有諺奇或諺隊與書記各一合守後立營鎮詳編

俱遺辰邊徙南北進退安不外於此地局而城堡則未築也

治南為美湫大舖市瓦屋彫甍高亭廣寺洋江船艘帆檣往

來如織繁華喧鬧為一大都會自西山寇亂經為戰場焚燬

城池

顏料塗面持猛火篙燈與木竿不繫刺藤條壘如雉尾間用

撲刃短刃以為長技交戰於平曠市和義詐敗誘至格秦

山伏兵突起截殺東山兵將死傷無算其武藝教師阮柳尤

為賊所殺杜黃等驚走退回柴棍和義進屯水湖市為渡江

六十一 30b

襲取藩鎮之計及穆王自歸仁駕幸嘉定令參謀阮曠就

通報於嘉定於是李兵乘勢直下藩鎮遂成遍禪專立之禍矣

定祥鎮

定祥鎮蒞所在建和縣建盛總美政村地太尊己未三十二年春

城地

情時又為東山兵將之欺凌，不勝氣憤，遂以兵互增，集在轄磨
 人充八隊伍，得千八人，分為四旗：黃旗李賢將軍領之，白旗王南
 將軍領之，紅旗林新將軍領之，藍旗陳虎將軍領之。更募
 提明香、清河與無賴棍徒，號為中刀軍，據平安縣肆行擄掠。
 凡殺人者，中刀軍剖食其肝，割啖其肉，狠惡無比。八月，東山上將
 軍杜清、仁杜黃、杜忌、杜布、杜榜、杜蘭五將軍，率兵退據昭
 秦山，依險，辰和義兵以八尺梨鎗，舌如魚刀，可斬可刺，間用牌刀為鎗，
 以為長技。凡出戰者，頭繫金銀紙錢，以為示必死。東山兵以五

城池

五元

新造者必於是乎在聚成村落自西山寇亂人地流移今成灌莽

壩

平公館舊有平公村驛站今草馬山站午市距鎮南三十里

又南行一里至凌頭津是為平江乃潘安鎮接界

平公館距鎮南二十一里館市小集有賣點心

五六 29b

石橋在鎮西北半里長大峰石開筍啣牙橫跨田上開三空門長二十五丈世宗辰屬鎮中黃諺奇隊黎文魏建造

新板橋在平安縣安水總路溪上流距鎮南三里許廢宋

丙申十二年六月右府侯國公宗福洽奉和義道李將軍失所

概池

祖額尚仍舊號以存名例云。

魚津市亦名平草市在福榮總商旅會集水陸通津洋貨土

產江味山有無物不有乃山市之大集。

永勃市在平正總屋舍稠密舟揖通津多山野之物。

29a

婆利市俗曰婆地又名隆盛市屋舍蟬聯水陸交會為山海澤

之大市。
五七

阜貴市屬平安縣為鎮極南界前臨平江對嘉定城前洋江

船泊結旋會尾有人專整長短渡與遺流貨賣瓜果食物

裝船聚在棹家三江西岸在昔以北船艘來商凡弊漏修整與

城池

三人同日進金為內院侍翰名達聖聰嘉其富豪宦顯祖師孔福

州長樂縣人以祖妣王氏儀俗名為晏儀與四豐府同俱福

邑驛自丙申而後西山八寇撤取房屋磚石財貨輸載四

五十六

歸仁府而其地悉為邱園矣中興以後人雖歸復完承及于者
之十一云

28b

田租歸庫在後江北岸依山為倉初辰營轄

徵收賦稅之所於久
已更革今趾存云

新盛景陽元姚別納三滴倉場昔為鎮營邊徵收租稅之

發載輸京之設倉在村家三江東岸正廢宗乙未十一年駕幸嘉

定罷此三倉并從草菅公庫以便輸粮給餉其屬民舊祖願

城池

題字法道勁寶刹莊嚴禪湖清淨真為南宗之樂土西山雙佛
棟瓦摧殘今小猶茅茨尚留遺跡。

農耐大舖在大舖洲西頭開拓初陳上川將軍招致唐商營建街

舖瓦屋粉牆木樓層觀炫江耀日連絡五里連畫三街大街

舖白石盤路周道如砥商旅輻輳江舶海船收風投棹舢舨

相接是為一大都會富富商大賈獨此為多其通國馳名如巨

外族祖林祖觀祖字唐音曰蟹故俗稱翁蟹係福廷者

潮州州府晉江縣人值世宗改服色辰辰慨慕衣冠之崇父子

城地

其側凡有葬處居民多獲吉利而無葬處亦有土祠祀之者皆是

五公祠在北勃源頭所祀糾馬團公糾門郡公糾農郡公糾越郡

公糾區郡公素著靈異凡經過者必備物以禮敬之終獲安

保其神乃五險灘名製從靈語以稱呼焉而贈封之尊號

則不知出何底姑存之以俟考

五十四
27b

勅賜寺在福江南岸距鎮東八里正統率阮雲創建肅宗考

寧皇帝甲寅十年恭純宗龍德三年勅御賜扁額金字題刻

勅賜護國寺云左刻龍德三年歲次甲寅仲秋右刻雲水道人

城地

如南家昏蝦尾長主二三丈好跳躍海北而漁人網有攻魚母母神

而^精捕之則為驅群魚悉投網羅象是德之偶誤八網中漁人

為開一面呼而引之必從網門出海中船泊風濤顛危之際常

見夾持舟身保人平穩舟或沉沒亦能於洶湧中渡人登陸

270

頸佑最著惟我國自瀘江至河仙頗有此靈應如鄉音他海則

五十三

否蓋南方山海鐘靈陰思默相以保佑我生民者歟經封南

海將軍玉麟尊神列在祀典其魚偶為惡魚聞傷死海海除

明海民歎植布瓊貝擇漁戶之長一人為主掛孝穴地以葬之建祠

城池

歸舟經其處淵域深險江下伏礁水湍濤湧俄而風狂雨晦顛危

殆是舟師幾不能保隱約江岸叢中寥落小茅祠間知是

龍王神祠雲默禱焉傾卽精明船每穩濟此行一戰成功凱還

日大修祠宇以崇答之今尚魏我收之儼然

五五 26b

延公祠在福安縣福興總祀開邊功臣掌奇延祿侯阮公著在祀典

甲公祠在福安縣福興總赤監地方祀前朝安邊功臣記錄

兼諺奇甲嶺侯名列祀典而事跡與姓氏未得其詳

南海將軍祠其神乃仁魚也無鱗頭圓滑項有孔竅噴水

破池

輕加洗刷仔細觀之其漆聚堅厚字刻分明前列主會八名間有
顯世社姓名餘人俱不認識後刻歲次正和五年四月吉日在左保

一板刻主會十一名間有臣顯考姓名後刻歲次癸亥景興

之而象人多

四年仲春穀日臣德復久負其板尋自塚壙爰向廟前祝而

焚之屢念與自家三世既有宿緣臣何敢不成先世之善願

五十一

26a

故穀熟募眾共襄事焉斯其廟塑其像修理祀事今後
祖備并此誌之

龍王祠在福江南岸距城東五十里顯宗辰正統率沆雲征高

城池

開。帝廟在大舖洲南三街之東而瞰福江。殿宇宏麗。塑土像高丈

餘。後觀音觀外包磚牆。石麒麟踞於四隅。與大街西頭福洲

之會館。東下廣東之會館。為三大祠。經西山亂。人民離散。祠

毀廢。唯此是本舖公共之居。竟得獨存。世祖乙未二十二年秋鎮建

大水。像被浸壞。而棟樑悉瓦以。歷年多所朽弊。丁丑嘉隆十六

年鄉人會謀重修。而力不逮。懇臣做主。以臣蓋館之所在也。初

臣口勉承諾。姑以悅之。而心猶未果也。及撤下正樑。上有附釘一板

雖虫竄。並已侵蝕。而字跡宛然。正為香烟燈燭。害人所薰。累年

城池

會同廟蓋城祠在城西北角嘉隆十八年夏改建於城山前而後守壯麗
儀物整潔迺年春秋二祭著在祀典。

祀公祠在大補洲之南崇奉欽差統制掌奇祀成侯沅福祀廟
宇嚴肅面臨福江以巨墳石為水城下有巨鯉吸風吹浪游泳出

沒風雨辰水激石浪潄潄泚凜凜之英威令人悚敬西山之亂香

火冷淡鎮士林晉廷而有感題詩云白草要淒古塞塵荒城惟

見野花新天將事業歸前代地以山河屬後人風雨未戾戰征

戰骨子孫長托亂離身平生一滴尋常淚不哭忠臣哭亂臣。

城池

倚龍山山明水秀草木盛茂中興甲寅年禮部沅洪都欽命監督

重修建造中為大成殿大成門東神廟西育聖祠前砌橫牆左

金聲右玉鼓掖門前庭正中建奎文閣懸鐘鼓於其上左崇

文堂右肄禮堂外周方城前為文廟門左右二儀門棟宇綉

體制工巧其祀事神牌金龜鑄出器籃籃邊邊且二盤潔

城內百花鮮妍松杉楠柏金木筆波羅香篋香蕉暹菓之

殊連春屈陰極繁碩常年春秋二丁欽命總鎮官公番行禮以

鎮官督學官分獻餘皆陪祀例以禮生五十屆天五十各供服事

城地

隆城縣簡蒞所，在成綏總福祿邑，規制全前。

福安縣冲疲難蒞所，在安富總田隆村，規制同前。

浴泉池俗名在福安縣福興總福賜壘之北，昔為高綿浦，屯兵

浴泉之所，同築土堤，今故址猶存。

船廠，昔在福江之南岸，臨江曠地，有堅水官，駐劄防守，經亂廠廢。

今改建新廠於福廬村舊鎮署之地。

文廟在福正縣平成新額二村地，距鎮西二里半，顯宗己未二十

年，鎮邊營鎮守阮攀龍記錄，范慶德相地，初建，南臨福江北。

城池

春郡公進屯每嗽掌奇諺長能沈大呂屯女僧山節制沈福復屯記江

掌奇沈福佑屯全江門相為倚靠三月穆王苗和道義李將軍守

藩鎮屯駕幸鎮邊營調度軍務十六日文惠兵由上道圍臨

記江女僧二屯福復大呂屯之諸屯潰走西山乘勝由海濱下藩鎮

而嘉定不守矣中興壬子年奉修築於記江西岸橫當大路沿江

四十六

而北長十二里半其江北流三大泉南旋與倒水江合以長江為界占

拋棄

福正縣蘭莊所在正美總使路市新和村規制與藩安同

平安縣蘭莊所在成綏總福祿邑規制同前

城池

金門屯五鎮距東六十三里中興初戊午年奉築於夫，路之北

西南一犬牙相制以備西賊之南擾同園栽竹森密茂盛嘉隆

十年金門瓜瓜記江諸壘皆結寔而死茲盡復生按花鏡云竹

滿六十年一易根必結寔枯死其實落地復生六年始成町矣今年

此雖不相侔而埋跡亦可驗取。

瓜瓜壘距鎮東八十里半庚戌初修為內治繕城保造船艘

中興

九陸路諸要害之處必先扼險乃於此築起土壘長

三里許橫截大路今僅存云

記江壘距鎮東九十里半庚宗丁酉十三年正月偵報西山八寇宗室

城池

二路共
兵水陸次進連破區壁南崇二區屯燒毀浮後鐵鎖延祿侯延祿

威聲高綿聞之股慄遁心逃命於深林為婁亮之閭閻所殺

蜀王第二子祕出降高綿遂平辰延祿侯穿林涉水備正艱險

偶得重病尋卒復奏並以事聞勅封祕為正王嫩仍為副王如

故贈延祿侯掌奇謚忠武為之立祠凡有祈禱稔著靈應

高綿人往來疾趨而過不敢正視其壘正代相國以為每欲道

北駐要地今狼烟并息四郊無壘雖雄堞鞠為田園而竹垠

故址依然秀茂猶可認誌其故轍跡

城池

22b

康泰營通心遂進拋柴棍而還不果來通心爰起土壘於每叻

地頭外裁刺竹重加兵象防守勢甚牢密經一年餘而我兵

不形動靜彼備懈弛四散而之田畝值太宗甲寅二十七年正月康

泰營鎮守阮朝得以事題達二月欽命泰康營將阮延出師加

阮延為該奇統領先鋒兵貴神速併日兼行三月延祿侯先至

每叻壘固其無備馳入而掩取之兵不及血刃越三日眾獲四集攻

圍甚力延祿侯堅壁不戰而楊林侯之兵大至遂合力出擊高

綿兵大潰死傷甚眾因名其壘為福賜壘大兵進拔柴棍四月

城地

竹江壘在政美總竹江上流開拓初築以禦蠻遺址今在

東江竹壘在政美總福江之南距鎮西南五十里半溯江之永

南四里半初特所植刺樹竹以為禦蠻籬柵漸成竹林陰森

交密表十里至今從茂盛云

福賜壘在香福驛之東橫當官路先是高綿正王夢蒞涪

龍城割王嫩蒞紫提城夢王畏子通心以不得位殺父而自立恐

嫩不服上告于朝加兵伐罪乃築區壁南崇土屯結浮筏鐵

鑄以自衛再請暹羅為援謀襲殺嫩嫩勢在危迫奔投

城地

邊和鎮

邊和鎮在忻蓋建於福正縣福盧村地頗卑濕屢有水患

嘉隆十五年改遷於新隣村高阜經畫城所縱橫各二百尋

內分井字路中建望宮左右鐘鼓樓後之正中為公堂三廣八十

尋而三分之惟中營加廣五尋耳長六十尋左右二路各七尋周起

磚墻後為儲積倉廩三十一間凡磚墻厚左右為承司軍寨區

畫齋整

新華壘在政美總新花村辛卯年河仙鎮

失守督視沈潭築起防禦水勃山壘之路故址存云

城池

每墩謂之千里衢，凡臨大江例設渡船，免其徭役。

千里衢西路嘉隆十四年乙亥冬十月欽命嘉城總鎮官經度自城

西兌悅門由參良橋氏搜渡過老於澤，必使路三岐往漢陵，抵

高綿哥，吸地臨大江長四百三十九里，凡過江漢者搭起橋梁，絕澤

者壘土培築，穿林刊木，闢千里衢，橫六尋，為人馬平安孔道。

四十

但窮僻之地，杳無人烟，於有事傳報之信，使行旅往來之停

宿，須按郵政舉行，方能穩濟。又於哥吸沿江南下，一百九十四里至爐

港屯哥，吸北上四十九里至制陵，冊亦為用兵之要道。

城池

之阮文義各起義旗而西山兵勢亦日益削弱矣獨前得雲黎公
 鎮良醫范佃糾眾刻日襲取凌^攝知屯事機頗洩為偽奔掩捕
 殺之忠謀不成由義而死哀哉

千里衢北路昔在開拓自漆橋北至平江田澤沮洳陸路未開行

人欲往還和或上水勃或搭長渡至世宗戊辰十一月辰固有高綿^三

之警調遣阮有允始經度繩而直之過滑洳者起造橋梁泥濘

者培築土木自城長止門至平公渡長七十里北岸邊和界置平

公驛北往昭泰山抵平筭渡過沙江津由全權使路下公門建

城池

固約百里餘。四面有江河之阻。可堪屯札。丙子年於阜頭改建起營寨。

中原橫南市。驅柴棍。商人店之原。其地卑污。亦由民多不便時脅。

於威力人。^苟或勉從。故幾年而不成。聚適阮文。惠以夏六月攻守北。

河既歸而騎逆愈甚。丁未年正月文惠以因明年祭旗開兵日盡。

率本兵攻圍其兄文岳於歸仁城。文岳堅壁把守。告急於阮鎮。

三九

鎮當參督陳秀鎮守嘉定。四月親提水兵赴援歸仁城。方至。

富安地頭。仙渚為文惠兵邀擊於之阮鎮既敗。漆橋之舖遂廢。

欄馬。推偽秀執掌。撐持定祥之武。因公邊和之阮文。雪狹林。

城池

奇聞巧如火樹星橋錦城瑞會鼓吹喧闐男女簇擁是都會闈

熱一大鋪市大街中古井甘泉洋溢四辰不竭橫街小溪架火

板橋兩廊瓦列構其土帷幔蔽日街路陰涼如行高堂之

下舖中大街東平安市海錯山珍地貨土產夜猶燃燈以賣買。

漆橋在鎮北七里其江多漆木故名馬辰西山阮岳党偽都尉

阮鎮據取嘉定慮我之忠臣義士潛跡跡伺隙而動常辰不

乏人恐垣地比居無城池攔護則難防倉卒之變議以漆橋

地方上起高阜中展平原下濬旱田小瀆串通頓幅寬廣

城池

悔于茲去就意下云何。靖曰君辰在死乃其分也夫復何言。惠曰
且成復之節遂殺之。

柴棍廟鎮南十二里當官路之左右是為大街直貫三街通于

江津橫以中街一下沿江街一各相穿貫如田字樣毗聯著聞再華唐

雜貨長三里詐貨賣錦緞瓷器紙料珠裝書坊藥肆茶

舖虧店南北江洋無所不有大街北頭本舖開聖帝廟福州廣史

潮州三會館分峙左右大江街中之西元台廟稍西溫陵會館大

街南頭之西漳州會館凡佳辰良夜三元朔望懸燈設案爭

地

公督山南海陽安廣清華文安等道南侵兵至布政外州九月警

報辰承平日久不修兵備命將出師屢被敗衄尋以尊室駐為

節制步兵阮靖為參贊軍務出戰敗走北兵進據富春京靖

遺跡為阮文惠物色要為聊靖以立事圖存以亡國之人所能辨

請携母尋君庶臣終節惠將甘心為而惡殺士之名含忍釋之

靖得潛赴嘉定謁見惠宗時參謀議丁酉年失守靖扈從不

及携母避居於新境村家為偽兵所獲惠問之曰汝昔辭我從君

意欲回乾坤於指使今勢力俱困而天命有成俊傑昧辰得母後

城池

180

三十五

18A

人不敢犯。正第三日有游方僧洪恩與徒弟智。能願八拾捕。洪恩

與虎開。久之虎被棍打。痛跑。隱竹叢。洪恩追逼。虎困反。鬪

洪恩互步。跌落小溝。為虎所傷。智。能。接。援。打。中。虎。頭。死。于

棍下。而洪恩傷重。亦。發。辰。殞。命。市。人。義。之。瘞。于。其。地。在。之。建。塔。今

儼有云。丁。亥。十。二。年。春。三。月。西。山。賊。八。族。聚。定。天。守。參。贊。阮。靖。隱

於其處。為賊所獲。死之。先是北河。君。弱。臣。強。黎。景。興。帝。垂。拱

而已。鄭。森。專。政。自。稱。靖。王。聞。我。國。西。山。賊。煽。亂。功。幸。其。災。於

甲。午。十。年。五。月。鄭。森。以。其。黨。同。老。黃。五。福。為。平。南。上。將。軍。彈。壓

城池

沈樞市距鎮西十里。肅宗丁未黎保泰八年廣義人阮文植開
 破荒林于此立市遂成山墟之大集云。
清雍正五年

新境市距鎮南六里餘舖舍稠密常年元旦每造雲車

鞦韆是福大市從前歲終戮囚於此臨江東岸蓋有高綿匿

的從他王來投安插其地遂造跨江橫橋通往于市名匿的

三五

17a

橋後經亂廢毀西頭大路有捕盜營駐扎。肅宗庚寅六年正

月二十五日大定後猛虎入市南氏家大肆咆哮方氏驚擾報

到屯營派兵追捕撤毀房屋作籬柵重重包圍虎猶惡

城池

王深第五子燦為王深第四子斬爭王舉兵與戰於是僧人占

候與昭鍾謁等復立深之長子厭自相殺戮藩民苦之勿連

述因而肆逆成貞十一年正月調遣阮福允出師盡燒勿連

三十一 16b

船艘於美猷江窮追至鉄壘直進至南榮連破昭鍾偽王猷

奔逃羅嘶蠟走窳未詳下落我兵遂納他王歸國邑于羅

雙營官軍凱還六月高羅敵寇突錄吳以暹兵四攻高棉他

王再奔嘉定暫停於新境市尋以病死深第二子源自暹國

述回緬黎為王能度修職貢不失藩臣之禮而高綿遂獲粗

城地

膠泥淹王卒初封其子區他繼襲是年區深自暹國返回他不納
 深居停於爐嘔府而深之子淹禎與深弟之子象從他王在羅
 望者常常報信往來他王疑之自出居南崇暗伏兵弁伺象等
 動靜乘勢殺之象等懼遂糾爐越米南各府党羽以返他王
 奔投嘉定閩帥以屯營之北儀江上游開曠地處之他王即於所
 居阻江起造板橋通行來往辰人名高綿橋云象等既得高綿
 全境迎深歸立之丁巳十四年四月深遣使詣京進貢世宗丁卯十
 年十一月汝悉府高綿象連寇掠美湫奇骨特深王已死其黨

城地

既交通高綿又故違將令請勅下止法以警頑夫聖德鴻恩念陳大定

若有悖國反心海內外外誰能制其死命今來京求審其間情理

自有可原命下繫當陳大定于廣南命官赴嘉定覆審候案

結裁斷大定年中終日不勝氣憤嘔血數升尋病連綿十二

月此及奏讞呈進則阮福霜勁証大定無逗留交通狀於三十

是大定得邀恩典迨贈都督同知諡襄敏以年賊有畏福

寤如虎之稱加福霜諱奇職張福永生失機宜奏討不寔能航

率權降為諺隊調諺奇阮有允往行調遺事丙辰十三年

城池

朝廷厚恩，曾有阮為王陳為將，代代公侯不絕之語，何等榮遇。今以一宸邊帥蒙蔽之私，不就朝廷昭雪，則反逆罪成，其祖

業如山墜為川谷，不但為臣不忠，為子亦不孝矣。何以立於

天地之間哉。叱使艤八瀚門，威毅然不從，與舟人爭棹，使船望

二十九

15a

東洋直去，大定見南風驟發，恐船到瓊海難得逃帆，心甚著

急，竟拔劍斬寇，厲聲督船工灣入瀚海門下旋，具由移呈

廣南營官，求為提達。自大定夜遁，道調遣以為巡回廣東畢

押全家具事請旨，主是廣南代提一齊到，百官議以陳大定

城地

大定帝匿他於爐越招撫流民四兵報捷大定既至嘉嘉定橋承

思先發制人乃訂日會同諸將問議大定知之自思前此大帥調度

失宜致遠成侯為賊所殺繼又受賂回歸師進退無狀今

反歸罪於我若受拘問彼以權勢壓倒擬疎成獄將覆

盆之冤伊誰敢白不如來京咱審此亦甘心遂乘夜與屬下

三人

駕戰船一隻詣京船近筆羅山大定從弟竄諫云福永是

南河世臣在廷頗多親戚爾欲求伸曲直誰為辨明豈若

駛回廣東尋地安安以先為人魚肉大定曰我考上州公仰荷

城池

通七月雨潦福永因而許之檄三道兵轉回嘉定匿他逃轅羅臂

而牢人洋散來南復行殺掠如故匿他力少不敵方號召諸府兵共謀

合攻壬子八年正月福永接得邊報再勒兵進征則牢兵尋復遠

颺而匿他亦走山通多行賄遠水得續師以徐圖殺賊三月福永遂

當大定應神親率大眾回屯營休息辰連年用兵罪人未復朝廷嚴

加督責福永惧罪諉稱大定年前行兵遠遁與高綿私相結納今

利牢人之變久擁兵權追勦不力密封馳奏大定進屯爐越攻撫

兼施匿他得展獻為遂計賺牢人盡數殺之自縛軍前請罪

城池

侯陳文定率龍門屬將逆擊於笑園破敵前鋒兵由稍戢大定

築華峰一面土壘拒之統率永長侯福永再調監軍諒隊

阮福雷救應渡衆兵殺牢賊退回濠虬福永遂分兵三路

自提水兵由前江路福雷由八弦中路大定由光化陸路

一齊並進牢兵奔潰竄伏深林高綿淹他父子懼其殃及

三六

亦走新匿通府大定按據永南匿他來書正叙牢人首開邊

警懇請大兵暫停彼願勒捕函渠一體向軍前鮮納待罪

大定以事轉報福永不聽必欲窮追匿他聞之大懼益自遠匿

紙地

通寶錢于此建局因以名焉

調遣市距鎮南二里半昔在調遣街前因以為名

其類如該簿市欵差橋該

城市乃辰人不敢指斥尊長遂以官職總之其後姓名失傳此襲俗之誤也

今樹治改易而名猶製首

店舍稠密

高綿橋距鎮西北一里半先是高綿膠花淹王奎倦要國于

三五

其子區他權攝政事在羅壁城值廟宗辛酉七年夏四月

十八日宰人說平白水南起偽與乾荒林高綿亂下嘉定殺掠

其民辰境內無事不加防備賊至猝迫公私震驚調遣還揮

諺奇遠成候出禦於渡標粟敵軍無援為賊所殺統兵定策

城邑

魚肉貨物如列肆馬貴方散。

城前津鋪市房舍稠密沿江為市津頭例於春首馬祭日演閱

水兵津有橫渡接濟洋客登岸北頭沙魚溝橫架板橋西

掖瓦鋪百貨湊集沿江商船大小絡繹。

礫津鋪市臨平陽江西岸瓦鋪連絡其津俱是砂礫為象

三

12b

馬池浴是處津之北頭己酉年大架跨江橫江橋與草滑池

之通路便於有事應接嗣成功大定而水冲橋壞今不補造

津西路頭名鑄錢局丙辰十九年奉世祖高皇帝勅鑄嘉興

城池

塵遠擠於眼界之外，可堪遊賞。近有臨濟正宗三十六世圓光大
 和尚者，密行堅持，歷童年至梨老，日加精進，性愛烟霞，泉石
 城市，器聞足跡罕至，自飛錫到此山中，息煩惱，林下出迦
 藍。嘉隆十六年，大開戒壇，從此善男信女，歸皈依，益眾而山
 門增生色矣。

穹榕市在鎮南大城右石脚下，有古榕樹膠，偃蔽蒂陰
 可半畝，商人會市於其下，以四更初出野之人，明燭臺，負瓜菜
 蔬菜，聚市西頭，圍坐，賈人富貴以歸，賈明市東頭，大街南北。

城池

王於此又重加勅賜光徽寂光湛繼光湛寂光慧嗣嘉隆十年

丁酉神武軍副將陳仁奉高皇后遺旨發錢一萬貫重修寺宇

經藏鐘鼓一一整理增倍莊嚴今為嘉定之大寶刹

覺林寺在錦山岡距半壁壘之西三里其岡於百里平原金

堆突起倚屏戴笠開帳鋪簾廣三里喬木成林山花織綿

晨夕雲烟薰騰縹緲雖小而趣世宗甲子七年春明鄉社人李

瑞龍捐資開建寺宇莊嚴禪閣幽寂詩人遊客每於清明重

開暇

九之日三五為群開瓊筵以坐花飛羽觴而賦句俯視市肆甚

城池

腹遂停待焉。帝怒後期，令行收繫。近習因譖，帝殺之。後皆憐愍，
於其處為之立祠。稔著靈異，凡所祈禱，無不立應。憲尊宗景，
統年間，贈文忠正誼之神，歷朝榮加美號，著在祀典。

金壇寺在鎮西南四里餘，當官路之北，正中伏教，前後東
西堂，山門方丈，經室香院，飯堂，雕鏤丹雘，壯麗宏敞。寺北
有甘泉，伏流四辰，滲溢浸潤，予行路於世宗己亥十八年，歸仁
游方僧達，本和尚，卓錫於此，經奉勅賜金壇寺匾額。達本
亦寂，傳燈其徒，塗光，熾乙未年，和義道李將軍尊立穆。

魏儼然，鄉人香火不絕，今祀典會同廟祀，公皆首焉。

按

楊文撰烏州近錄云：公姓阮，名復，嘉福松江社人，黎仁尊太

和獎，面科中三甲進士，歷官博運使、清華道行、遣使、聖尊潛

龍辰為王傅，及即位，擢翰林參掌院事，三奉北使，遂為大

理寺卿，再知兵政院參議，又為親軍日錦衣衛指揮使，日食

事，帝征占城，奉為飛運將軍，轉輪濠贊理，至思容海門，風

波大作，進程艱阻，眾恐罪乞行，公曰：寧以一身甘受，三死不忍

以有限倉粟無辜人命，輕試公狂風巨浪中，以葬海魚之

城池

中丞為陰為中女故其神屬女祀事嚴密
有靈應居人每先及

春首備禮虔祭禳除不祥終始安佚若延慢則火災立見

廟門蓋塑二奴形狀古怪隱約於檐角夜之間行人觸見為之震慄

飛運將軍祠在新隆縣新隆村地分昔建府衙之南祀公

江文忠公最著靈應常年春秋二季知府承祭祭以中牢

其祭日樽罍俎豆陳設如儀豚用生蓋以公死於刀下恐

傷其意故牲不忍殺也於黎明候行礼以一人負豚遠壇而走

促使之鳴若告生告全之意自兵亂府衙不設辰祭闕如而廟

城池

城隍廟在新平江南岸距鎮東南六里半首為犒熊陰
 神之亭嘉隆六年丁卯奉建瓦宇為鎮城隍廟春秋
 二祭鎮官恭行厲祭禮。

并滌海神廟在守所東西恭祀南海之神以福平三江

河伯水官玉鱗尊神配雕甍奩棟文彩嚴整常年

鎮官以太牢恭行祭禮祈禱順風艘船進京往來利涉

若在祀典商船出入者亦辦私禮貼拜香火日日薰灼

火精廟在調遣市之左原奉火精女神蓋以離為火

城池

為城外援，御提水軍，乘虛直搗富春，京克之，復命掌左軍。

黎文悅中營統制宋公福，御林屯都統制黎文質，水陸由

廣南進屯廣義，攻破後賊背。五月，城中糧絕，而賊兵十倍，攻圍益

急。於二十七日，武公登八旌樓自焚。吳公仰藥死。城遂陷。壬

十七

戌年三月，官兵內外夾攻，偽耀決攻潰走，歸仁蕩定。特贈武

公^諡運功臣，輔國大將軍，太尉，性剛，公諡忠烈。吳公^諡贊治功臣。

特進柱國金紫榮祿大夫太子太師，國公^諡忠懿，朝議推

三公，推為中興功臣，第一功臣。廟皆祀距二公位於正中。春秋

城池

二祭

定祥鎮建和縣與西山屢經百戰為中興之先聲戊申初封先鋒

營掌奇尋尚吳公主以征伐著奇功加掌後軍平西參贊乘大

將軍郡公吳公藩安鎮平陽人為入虜介莊重理學淵深中

興初廷舉翰林廬邊和鎮記錄陞禮部學官己未年四月

偽日武陳俊兵部阮樸以歸仁城降致命二公董兵留鎮

大駕還師嘉定十二月偽火保阮耀自順化舉領國兵來戰

公堅壁拒守庚申四月王師出援賊兵堅持不能殫破辛酉

年夏留掌前軍阮文誠掌右軍阮黃德掌衆軍阮德川

城池

會同廟在鎮南五里半。在官路之西。昔開強辰建祀轄境。是

神棟宇宏敞。几案華麗。今因之。春秋二祭。例有禮生五十。廂夫

二十五。廟前榕樹陰森。大可二圍。行旅往來多憇息其下。

顯忠祠。距鎮南五里。在官路之西。乙卯年初建。奉祀開創中興

諸功臣。甲子嘉隆三年。欽旨重修。以掌後軍平西參乘大將軍

十五

太尉性國公武公。性禮部太子太師。周郡公。天從。固位。居正中。

禮部

餘以次左右旁列。著在祀典。春秋二祭。例有祀夫二十五。

按武公。邊和。省福。安縣人。為人明達。武藝精熟。初舉義兵於

城池

東西二員以兼理之。迨嘉隆十二年春三月始分設縣衙於光威

道新泰二村距鎮西二十五里半而府衙則省減之其事權

都歸鎮官鈐管縣衙前設望宮以行正旦端陽朔望之祀

結為兩事堂一東西堂各一例設知縣一從吏一通吏二正差

六皂隸五十。新隆縣衙門冲繁疲在福秀村地在

鎮南六十七里其建置規制與平陽縣同。

福祿縣衙門煩疲難在太平村地距鎮東南六十五里其

建置規制與前同。

城記

藩安鎮。蒞所初建於治平。總新順。鄰後。因之。嘉隆六年。改
建於和美村地方。附嘉定城郭外東北。面西南。向而背平治江。
瓦屋三座。中鎮守。左謫簿。右記錄。為鎮公署。亦曰公營。
縱各八十尋。橫三分之一。惟中營加廣五尋耳。十八年。鎮署
之。縱後六尋。大路外。又建四鎮。瓦倉五。敵。廠三十間。宏。廠
廣。麗。以備儲用。承司軍寨。列於三營前庭。勳堂。獄室。
建於官路之北。平陽縣衙門。簡。昔在雍。熙。俗。厚。政。簡。藩
安全。轄不設縣。蒞治。只於新隆縣。新隆村地方。置府丞。

城池

大城設在瀧洲江中。東為戰差道。隸永清鎮。西確禦道。隸定祥鎮。犬牙相制。扼塞險要。嘉隆十七年。奉旨遷新洲道於龍山洲。戰差遷於合恩社上口。確禦遷於合恩江下口。

二月欽命左軍副將行永清鎮鎮守阮文春築新洲坊屯

十二 6b

每面長十五丈。高六尺五寸。脚厚十八尺。頭寬四尺。二級屯之四面正中各尖出肖八角形。於左右近前每谷開一門。為弁兵防駐之所。戰差屯規制倣此。唯確禦稍居在後。只備巡查。未建屯壘。

潘安鎮

城池

再魚屯在新平江北岸屬邊和鎮地界距城七里中興初已

西年夏四月初二日起築固截水梅對南岸章清為倚每之勢

草清屯在新平江南岸距城六里屬藩安鎮界其與作年

月體制與魚屯同

半壁壘督戰阮潭所築形如偃月有半壁狀在平陽新隆二縣界故址尚存

華峰壘在平陽縣地距鎮西二十六里半顯宗庚辰十年

統率掌奇阮禮平高綿所築遺址尚存

新洲屯為開頭繁重鈐管新洲戰蓋雄禦三道其正道原隸

城池

殿中建司倉祠以行告謝徵收之禮前四門左右後各一門外樹竹

籬前面臨江砌蜂石河渠右前左後迴繞小江為濠池嘉

隆十年補屬城別納產物民稅課歸納從鎮常年春照

欽送禮政船收拘集滿載四鎮文武該鎮員輪流番只提

調二員赴京餘以該吏房簿坐從認納其護調弁兵船隻

別值番鎮單充給應行

演武場在城西南十里其地半陽寬廣五十里許凡開年

正月吉日禱祭旗幟祭與操演陣法俱在此舉行

城池

+ 5b

皇諫二十，前後附近，建海官場，徵收諸國商船稅課。

學堂 嘉隆四年，欽命督學正一副甲乙各二，初建學堂

於外城砦之右，十二年，改建於調遣市屯營故址。

四鎮庫 在古營草庫故址，在城南四里半，戊申中興初增

九

而廣之，合建藩安邊，和永清定，祥四鎮庫收貯租庸，支

給俸餉，具河仙鎮經亂凋弊，安集招徠，尚在免稅，惟龍川望

江二道租庸附納於永清鎮庫，乙丑嘉隆四年春，建瓦倉六

城池

官給菓飲浴有常所。芻牧有定處不許擅騎於常網人之鋪市。
嚴禁八人苑園採取蕉竹瓜果之屬。

火藥場在坤貞之外二里。廣一里。四植荆棘。春杵器物備具。
凡有製造成煥火燭過止外人不容間雜。

勳堂獄所在坤貞門土砦外脚。嘉隆十三年甲戌仲夏奉

建前^瓦屋一為勳堂。後三座為獄室。分監男女^並輕重囚徒。

四植棘圍。開濠池。插蒺藜。防守嚴密。

提館在離明門右前。距城果許。前後瓦屋二座。座五間。

城池

隨鏡器具，寨中排置銅鐵大礮，火車柱統等項，各有座車。

塗朱黑漆，每年文飭，摩美鏡身塗油一次，以去銹垢。

火藥庫十二間，在城內後面，瓦屋磚牆木桶。將藥於棧上，關人不許出八。

舟師廠在城東里，詐沿新平江岸，繞井治江架，蓋海導船。

七 40

乃南河海戰艦為朱翼凡船俗通稱曰翼戰具則大且長，堅厚多楫。戰之長技

架翼船翼首在剛刻鏤畫者。水戰之具，延袤三里。

廠在坎險門土砦之外，此常駐之所也。或揀留於城中，或散徙水草於邊，和隨夜不定，例於春首有祚，禳例病患。

城池

京城務省簡壬戌嘉隆元年罷城之幣帛內庫其稅民
搜產隸納于此嘉隆十年再補別納產物民歸從五鎮
庫茲之製造局只收貯官買暹商荷克鉄子與儲
守官物並尋常工作而已。

銀錢庫在乾元坎險路之右初建內庫收貯金銀絲緞
布帛貴貨既罷內庫改爲堅信庫凡產五間貯在城別
收諸稅與五鎮會納銀錢與有堅信隊軍防守。

鏡寮在城內製造局左前凡蓋十五間上列棧板安置

八拜樓次建行宮以備返幸後為總鎮公署右為叶總鎮公

署左為副總鎮公署又於乾元離明吳順三門建立軍

廟蓋瓦塗朱華麗嚴肅又修理乾離震異而城門垣墻望

樓因吊橋木板久弊改築濠跨絳石橋高廣堅實中當通

水一空離明門岩前建申明亭為揭示詔諭旨教務文之所

民

製造局在民出兌悅路之後屋三廂對面於民兌路之前

左瓦寨一箱為置銃所右瓦寨一箱為銃匠造作之所昔在

中興初百工製造於此會集並收貯土產貨物辛酉初克復神

城池

自震亨門由和橋美經平全江往遠和鎮右條官路凡過迂
曲之處繩而直之起吳順門經今璋寺由柴棍鋪抵平

安橋過宣寺原至順安寺江首圍津渡與和江歷鎮因

因往趙固路廣六尋二旁各栽水梅波羅土宜之樹橋梁

渡船所在特加修理孔道如砥謂之千里樹南路辛酉二

十二年收復富春京諭下撤省城中太廟己巳嘉隆八年總

鎮阮文仁鄭懷德欽命於城中庭前設望宮凡過正旦端

午朔望率屬城文武與藩安鎮照儀注行礼右左設鐘鼓

城池

初戎務。癸午，暫位於西山。蓋屯在平陽江之東，以息兵養
民。庚戌十三年春二月初四日，始於平陽地新開村高阜
築八卦城，如蓮花狀，開八門，縱橫八條路，東西一百三十一
丈二尺，南北亦如之，高十三尺，踰厚七丈五尺，上有望斗八
角座，旁懸貫梯索以維持之，斗上坐守望軍，有警
日懸旗號，夜掛燈號，諸軍視之，請其調度。濠廣十五
丈五尺，深十四尺，橫掛吊橋，外築土岩，周圍七百九十四丈，險
固壯麗，城外巷街鋪市，縱橫行列，各有次第，左條官路

路在在整潔。而如鞏固之封域。德險文修。內外寧謐。顧不

嘉定鎮

嘉定古多藪澤林莽。初太宗時。命將開疆。擇於平衍地。即

今之調遣市。建立屯營。為總參謀駐紮之所。復設新順營。

為監軍。該簿記錄衙署。衛以軍寨。限以欄柵。除此之外。許

民徵佔。分立鄉里市鋪。其人家之錯雜。道路之迂直。姑從

民使。而造橋木。造修也。閩帥更代。皆亦仍之。迨睿宗乙未。十

一年春。大駕蒙塵。駐蹕新開村地面。世祖戊申。十一年秋。中興之

城地

嘉定城通志卷之六

城池志

公署 倉庫 寺廟 鋪市 橋路 附

傳曰城以禦暴報民之所必崇埽浚洫豫備不虞善之
 大者也嘉定雄鎮南陲山河千里天險地利為國家藩
 屏毅然控制進羅閣閭諸宰收撫高綿山巒而振五鎮
 網維以總攬外固鎖鑰之要故鎮城公署必壯麗所以威遠
 人府庫必充實所以固根本昭寺廟之崇隆而知神靈之赫
 濯見鄉里市肆處處盛美而知富庶之民物觀橋梁道

城池

獸： 犀、象、熊、虎、豹、牛、馬、羊、黃牛、麋、鹿、獐、羚羊、山牛、山馬、
 山羊、山猪、野狐、兔、獺、猿、猴、白眉猴、黑猴、猩猩。

物產

尋曲矮樹根假以戲噬故有人誤為所噬其長不久傷跡猶輕

者乘架木登高走避竟以獲免惡鱈有佞兔故能為索食人

多其腹有鈔釧金銀之器尋常小鱈人鈎捕水蝨以後陸

蝨以圈轉賣於屠肆者皮可晒乾牙為牙柄

四十五

216

介蟲 山龜 澤龜 水龜 類有小徑寸者曰蟬蟠薄甲如玳瑁

鱖魚 俗名馘丁 小曰鱖

尖頭能噬有肉裙味脆美以小為佳故諺有龜

斤鱖魚而之語。峰鱖甲有賴皮無裙其形穹窿如山峰焉玳瑁

海鱖魚大徑四五尺。

物產

多刺、大齊手腕肉堪食、殼懸為玩。

江有青蝦、皮壳青圓四五寸、兩鉗大如指、甘香肥美、以北無之、又

有小者曰白蝦、土蝦、鉄蝦、食亦可口。

蟹其大如碟、多黃胎脆美、藝人以夜投簞於江、簞口設

竹鈎鉅置餌其中、蟹入不得出、明日揚起取之、黑梅之夜甚

四十一

肥而多得、田有田蟹、如酒杯、小名牙貓、食亦可口、肉瘦味淡。

蟹味佳、
蛋可醃醬。

鱉魚、方首尖嘴、稜眉岐尾、牙齒猙獰、無腮耳、四足無鱗、力大、在

尾類有黃黑、大至如舟、甚狠惡、能以尾撥人墜江而食之、沿理

物產

載故遠近其螺七月含胎八月復歸深江殼可燒灰規以造和

江為上。海蕪有蠶螺長寸許大如指尖肉有青筋煎炒肉

味肥美。小柳螺小如指甲香甘可醉。血縐蛋居海泥。圓齊酒

杯殼縐起釘砂。深淺可行。甘美出類。他轄所無。如火有之

終欠血脂。味覺粗淡。海鏡俗名海碟。肉醃鹹黃紅甘脆。四十

長螿。文蛤。螯蚌。瑇瑁。象耳蚌。肉充食。殼彫嵌器。光彩陸離

海之紅蝦晒乾收於高舶。惟永清河仙二鎮為多。一年可有十

萬斤。其類有銀蝦小如箸頭甘香撲鼻。虎蝦殼有斑紋。

物產

黃蟾田澤皆有之。

海有毒魚曰禿魚圓齊手腕皮確硬如刺黃黑花大腹小

尾殺之食能殺人能或云毒在肝之腑去之則無害然亦毒物不如不食之為愈

江有鱧蛇魚似蛇有鬚無鱗甲螫人發昏腫如今日寅辰

犯之至明日寅辰始醒覺而念燒其骨氣碎木虱鬼面

魚小徑寸圓扁有花斑多刺螫人浮腫痛楚須週遭辰日而後平復

達登江有米螺壳白圓旋大如指煎煮厲甲下噴脂白如

米粉味香美原居深江四五月徙于淺渚業人乘舟祀取

物產

鱧魚鈴頭魚旋魚則扁肥甘無鱗嫩白如玉方魚頭方平鱧

目星鱗鬚鬚青紅陸離飛走水面有大如腕。

澤魚花鰲魚鰲魚過山魚多聚冰水潤以骨腮撐地陸

行故名舟魚有鬚頰無鱗面翅如舟蝶魚鱖魚俱鮮食

不可勝用通國無比花鰲魚晒乾一年商舶賣者萬餘斤

三十八

19b

鰲魚晒乾惟充本國食用田間俱各有之然無甚多而味更

勝又花鰻魚平頭圓身花斑無鱗大如指肥味肥美而候

從田間而出藝人樹竹登截江下流以笕承而取之例有稅課。

刺肥甘可燒食不可生膾秋生冬孕蛋盈腹多食則泄瀉永清

定祥尤多以北無之。查魚翅鬣有刺骨無鱗青身白腹大

五六尺甚肥肉可肺脂油可點燈。鮓舟黃身而小者曰鮓魚三月背者

鮓魚如鮓二海。又郁魚頭更頑硬。刺魚如抄而小青背肉

甘肥故俗有水參之稱。又小曰再魚吹沙魚圓黃細鱗其烏

斑與純黑者味薄。魚鱣魚形圓大鱗肉可醃蛋可脯吹曰

杆魚小曰對魚以其翅如蟬翼飛躍水上故亦曰江蜻蜒。

牛舌魚半身如削上黑下白斑腮魚紋魚麻魚鱈魚鮓魚

物產

雙魚。長鱗橫疊其利如刀。老翁魚。穹脊上頰出下頰入如

老翁之口。海馬。方身鱗甲淨掙不可食。

水母。一名鮫魚。蠢然一物如羊胃無頭目腹臟絮足其如大扇。

蝦附之。以示聲息色嫩白紫淡者不可食。有圓小如盞。並用白礬浸。鹹酢性溫能已冷熱之疾。一夏月生食之。

江魚。亦有鮫魚粉鳥魚枚魚雖差小於海魚而味勝之。

刀魚湖沙魚膾為第一。江飯魚可晒乾。江鷄脾魚俱味於

海產。鯉魚鱸魚鮓魚大口細鱗。白鱸甘美。燒魚大鱗多

物產

六寸可為脯。類有小圓寸許如大蜘蛛亦甘美。圓大曰烏賊與長有
蝶蛸者皆味勁淡。

軟魚。身柔無鱗。有串節骨。口利如鋸。和米粉煎美。或乾脯俱好。

牌松魚。肉層片如白松。大。周圍細鱗。紅淡色。

鱧魚。扁身平頭。橫四五寸。長二尺餘。多刺。骨無鱗。

鮓魚。側扁多刺。長身大鱗。鱗白如玉。膘肥甘。

衣帶魚。鰻牌魚。海飯魚。銀腮魚。皆甘美。鼠頭魚。類鼠有耳。

雞魚。如紅魚而小。鬚有尖刺。海豚。臘魚。如紋魚而薄。有紅白二類。

物產

剖而乾之、釣滿而歸、貨用溥而得利厚、然遇魁母每多飄流於

他國者、此藝最艱險、惟父子相傳、始能為之耳、類有黑鱗、星

耀及五色八寶者、然皆勁淡無味。

鯪魚、背青無鱗、長五六尺、生膾甚佳、酢鹹可久食。

蓮魚、肉重重包裹、如蓮花、片無鱗、枚魚、微扁多刺、骨甘肥、

有白油、二類油可燈燃。

石頭魚、俗名鮑、頭帶石椀、細鱗、多肉、枚鮑二類、用作魚鹹鹹水、通用利用甚溥。

墨魚、形圓八鬚、紅皮、白肉、有片薄明骨、米脂墨腸、身長五

物產

北背脊沙刺轔可可用磨物。徑三四尺。尾如鞭長四五尺。鮮乾食

紅魚。

紅身形如鯉。居海中深礁業人於春夏之交。船渡

半月水米。望東放洋無島嶼為標識。止從暗記深礁處

所。審認下旋。其旋先以鐵纜頭緊緊繫于木旋。了頭轉纜身

反夾于旋幹。孔竅處用小繩假繫而投之。及歸則用力起旋假

繫繩自斷而旋從頭上去矣。否則了着礁中萬難掙得旋

投既定斯下釣焉。魚性喜靜常隱于深礁。嘴角之旁。遠

礁則不出。礁頭亦不上。須恰好于深淵。魚始可得。隨得隨

蛟鱓 一名蛇魚其皮有沙大至三四圍長丈餘赤目大口母

乘風濤大作群逐船艘伺獲溺以噬人性甚獍惡舟人去

石塊擲米包其彼吞之克腹便去亦胎生有鱗類有湖鱓

差小鮮脾俱可又形扁翅胸乾似貝稱上品。

白鳥魚 頭似鳥身方廣扁薄粉白無鱗飛翔水中橫

尺餘味甚甘美惟全爭海港有之類有石鳥魚身黑鰓

皮從鳥魚粉鳥魚俱差小味薄此處皆有

鱓魚身黑腹白形圓扁有白斑如鱓目在背上口在腹下

物產

夾冰桃、金鳳、蝴蝶、子午、五色鷄冠、葵花、芙蓉、紅黃白榴花。

剪絨、錦竹、蔓季、千日紅、與他處同。

海魚。象魚頭圓額有噴水孔鼻口如象光滑無鱗歧尾

類蝦性慈善解救助人漁戶常呼為仁魚驅諸魚以八羅網

海舟覆溺魚常濟人登岸海民舉皆敬禮有漁魚漂泊

者漁民飲錢布盤棺殮喪以漁戶長為喪主建祠奉事

之祀典封為南海將軍蓋以南海則靈應焉

他海則否也其脂治疹痘風熱赤眼

刀魚頭出長骨牙刺如鋸身青黑無鱗鱗有脩胎生。

物產

白肉移圓齊足指頭大。有果如橄欖。山人晒乾出賣。食辰水浸。統開蓋鬆。一果肉可盈碗。去筋膜加糖食之。性大寒。夏宜鮮熟。

蕉有香金蕉。芭香蕉。紅蕉。柳蕉。密蕉。栲蕉。其類甚

煩。有高三尺。房房累結。長垂地。又可晒乾為料。葉辦綠可續布。

番梨。一名百眼梨。又名風梨。山園多。時之。凡出賣者。端

午以前賣十果。例外加一果。止算為十果之價。端午後加三其葉可續布。

花。特別拔者曰茉莉花。黃木筆。青木筆。南梅。野牡丹。

月季。木蘭。茭花。尋常如紅白蓮。百葉蓮。菊。木犀。茶花。

蟹爪花。麗春。桂花。紫荊。魚子蘭。素馨。水仙。姊妹花。木槿。

物類

藤 河仙富國並出龍藤圖三寸可為船舵維繫桶

藤 藩安邊和高山中亦有之鉄藤水藤毛藤為用甚

廣堅韌繁多他轄莫比

果 波羅密 有乾濕二類木大二圍 為鼓桶棟柱板片

柑 橘 柚 橙 龍眼 荔

枝 柿 仙棗 伏棗 後頭梨 一名鱗 橄欖 木筆子 羊桃 無花

果 一石優曇 花俗克 合歡豆 又名酸 仙李 山榴 酸檜 檉果 一名蒼羅又 名香檉果

大肉黃香甘者曰象檉 差小肉白下淡曲者曰鸚哥檉 白長者曰 馬據圓扁曰酸檉 小曰飯檉 糯檉 蒸則点班連皮食味最甘香 石榴

惟芹 捺 斤 園 之地 甚甘美 木瓜 臭梨 錦桃 葉帶酸 長大如檉花 紅多 形須果如拳 大紅膜 煩頤此其異也

四

纍纍肉可食亦堪釀酒水柳於嘉定公私功用亦廣

鐵棕 俗名

如柳而多刺木理堅黑為家柱房棧剖作對聯甚

魁又為屯壘刺針殊利勁利棕竹為扇骨棹架或鑽穿作

吹簫筒葵棕葉如蒲葵有刺木與柳同甚高大

可為橋柱
網枋

貝多樹似蒲葵而大直竦無枝木端葉盤桓如蓋上聳四散

大莖三稜稜旁小莖歧出葉駢生焉四辰不凋大莖為弓

矢小莖為繩索老葉編片遮蔽風雨嫩葉削為帆席通

國利用又高綿諸蠻以老葉為書契頗能耐久

物產

柳 甘鹹水土皆宜其菓嫩老皆可實老肉熬油用塗頭髮

煎食料燃燈各適其用皮鞣績繩索綯船絞殼銅鏤杯碗

甌壺鋸為匙勺類有殼小如鷄蛋少扁作火藥佩屏飲

水小匙世所雅重又水柳無枝幹初於泥中挺出尖槍漸

展開槍旁密比翠葉長條或瓣形如鳳尾層疊繙生次

第為叢高丈餘小瓣者剪取剖二連葉晒乾用益屋宇

大瓣者剪其葉編成葉片亦用益屋鋪墊穀米瓣外皮可

為貫錢編葉間小孔炊灰搽小兒撮口瘡柳心抽房結寔

堅韌官多裁之以充梁椳曲手之用。

木類最繁姑取奇特及所常用錄之其粗雜無庸煩叙。

竹！竹類甚多不能盡錄。裁樹書云竹六十年一結定則

枯死實復飄落處復成叢焉。邊和之公問新洲之竹江夙稱

竹林嘉隆十年乃結定盡死尋見附近發生今又如故。又人

有以實藉之亦能茂盛。永清定祥所產尋楓竹園三四月

堅實是輕直用作鎗竿他鎮無此具斑竹宜間植於茂園叢

陰淋處花紋始發妙好。

物產

杉木，有赤白二類，赤杉多節，紋理複雜，板片能破裂，或復由自

然脫落，而不成物。經水即壞。惟糞油作漆青用，白杉曰竹絲，徒僅可耳。

南楮，葉如山桑，皮作紙，柔韌潔白，出邊和鎮紙最好。

棉，有三山棉，俗名樓結

木綿，一名吉貝，又名吉貝，並用為布，而吉貝勝之。

檀木，葉尖幹直，理韌，堪為帆檣船桅之用。

身桐木，葉小，花淡紅，樹竦直，理光白如象牙，鐫刻圖章，書板甚好。

水梅，葉花如梅，無刺，子圓，齊足，指大，外有薄皮，次堅殼，外包

一、檫，榨青油，治刀鎗，要藥油，可點燈，螻蟻不食，木驚，屈

物產

木炭以八土經年熟脆者佳。年出二萬餘斤。攪猛火油塗舟作燈最為利用。

排利木。葉圓長有毛。質輕理密。有黃白二類。並堪應用。

皮葉有汁甚黏。調三和土作^填泥最好。

黃楊木。一名黃心色。黃理密^為實。實為最好。

鐵泉木。葉圓小而青。木赤色。堅韌。可作傢俬。心有小孔。孔內

黃粉。山蠶取塗癩瘡甚效。葉小三葉如木綿。類有紫白。正充雜用。

檣葉木。葉如檣。乃是雜木。

物產

藤木。葉小而長。枝幹直上如筵。好物堅牢。百年不壞。經久亦筋
比櫛。人常為櫛棺郭牌界之用。

楸木。葉如羊桃。高竦堅剛。色紫。凡有作用。須及新鮮。否
則刀斧難入。能耐雨水。燒炭鑄銅鐵。國用最繁。

油木。葉有毛。大如枇杷。為民間舟楫器物之常用。木身有油。入於

近根。研開二三日。烘火催汁。流出成油。武備志曰。猛火
油。俗名油癩。按候勻。

取源源不竭。一年所出。總有二百萬斤。用以塗船攪燈。為利
甚溥。

山橄欖木。身彎曲。紋理交錯。不成材料。脂出。累累成塊。曰

物產

升之收又為筆筒果碟蹄自然古雅。

紅榆葉小圓花淡紅果紫黑其小如指浸去外皮子有紅肉

粉味甘澁諸木理深赤小枝充韜系錘錘之器大幹為藤椽

為校身堅寔耐久。

黃檀木葉如金鳳花肉理香白入土不朽棺槨之類最好

降香次之波棧最下品。

紅木葉如來花白所產甚多最宜几案匱匱之用商舶常

滿載以歸其類有花梨錦萊物價較賤。

物產

閃裂一聲飛去如練木身脂液滲濕若赤血云從此材木最多

清。仁始創製水師為長舵以穩海程。留蓋製圓舵以江行。

號雙舵船上架戰棧兩邊掛編竹下蔽水兵使專力撥

棹上排步兵以衝擊而水師長技益精矣至今因之。

萬古木 俗名 桔橙 葉圓毛莢有刺皮粗腠理紫紺質重堅棟

標版片上品。鐵秀木類萬古冰皮花如蛙斑其木堅

韌可為檣梅柱棟。槃構木花葉如紫荊木理牙白

可為檣梅柱棟根抵盤曲瘞之腫奇怪或如人形鳥獸花

物產

稍而質不同者石曰稜葉如稍小而長然不能高大成用曰栳
栳葉如稍而小曰稜葉如稍淡白曰槿花葉長有毛俱
質理粗疎不能堅好世祖高皇帝庚子三年秋七月命諸
軍斫取材木修造師船其光化源有古栳一夜間常見火光
如雙燈杖山人敬而遠之以故高大無此其辰官軍猝見繞
加斧柯立即吐血而死於是群相闕傳戒不敢犯外左掌營
管禮部刑部領大司農芳郡公杜仁清聞之馳令箭督
令必得有推避以軍法從事衆凜遵將令竟斫之忽火光

他如琦璫沉香肉桂香螺墨魚烏木則他轄搬列而向有之物亦

復幅輾並進蓋嘉定為諸國商舶都會故百貨於是乎

聚焉

其酒以邊和之石難落安之新潤定祥之沙邱永清之龍

湖為最從前曾舶必多買進京為贈好佳物名酒

農耐

其木有稍小綠葉尖頭橫可二寸碧花爛漫寔小如指多核

十九 10a

蒂下二鬚如蜻蜓翼有青稍黃稍蝦足稍石稍四項最

稱上品名為條木大至四五圍高百尺曠理牢密造船舶家

宅為第一國有禁法民間不得私用惟蔗梢最下又有形似

物產

菖蒲、地膚子、枝子、射干、紫蘇、薄荷、荆芥、藿香、金銀花

鬱金、高良薑、天花粉、草決明、蘆薈、蒺藜、黃精、大子、楓

馬前子、車前子、益母、史君子、穀精子、側柏葉、豨薟草、

黑牽牛、桑寄生、川練子、水三七、常山、三棱、莪朮、水蘊、姑

蒼耳、木鱉子、石斛、牙皂、金毛狗脊、厚樸、蒲黃、鐵泉粉、

香薷草、甘草、羚羊角、穿山甲、烏梢蛇、熊舌、牡蠣、九孔、

海螵蛸、石蟹、霹靂礁、夜明砂、蜈蚣、全蝎、海、蛻、藍、漆、

龜板、鱉甲、木耳、笋脯、石花、印白海、藻、菜、皮、麻、皮、藜、蘇、子、甘、菊、南、星、蛇、床、

物產

其綾羅布帛在在有之惟邊和鎮福安縣黑綾柔細光澤為通國第一

其土產

象牙

犀角

豆蔻

一年所出三萬斤

砂仁

一年所出八萬斤

鹿茸

胡椒

一年所出

所出十萬斤

蘇木

黃蠟

有黃白二類一年所出三萬斤

綿花

有大苞者曰吉綿一年四百萬斤

紫梗

陳黃蓮子

斑竹

龍涎香

燕窩

海參

河仙所出有黑二類一年得一萬斤餘

玳瑁

十七

玄珀

魚翅

魚肚

一年五萬斤

象脯

鹿筋

犀皮

山鳥皮

鱧皮

麋皮

牛皮

金蛇皮

翠羽

一年所出二千張

海鷲翅

羽扇

砒硝

茯苓

依山

南人參

土當歸

南白朮

牛膝

防風

土沉香

陳皮

只壳

木通

烏藥

柴胡

天門

牡丹皮

麥門

半夏

葛根

茵陳

香附

物產

擊偽兵燒賊艦斬偽司寇阮成盡獲偽兵水師器械是夜偽虎
將軍率戰船二十自炭津拚命走下芹淙與定祥江賊之
偽味順等江賊之偽秀合本歸仁官軍追之不及其辰以去
年十月稱兵至本年六月水陸梗塞民間食用俱尽不相接濟
市中只賣蝦蟆淡鹹豆餅淡醬桑葉羊桃葉爲茶蒲葵
茶蘿根代檳榔其他濫竽假詐移換更代者不可枚舉
粗鹽一小盞重約三兩價錢五陌然亦無多故人多藏鹽腰
間如依重寶米一方至錢二貫官民苦之至是鹽厄始鮮而民用稍備矣

於藩安邊和定祥沿江騷擾三月僞獲駕范序自歸仁赴
援至娑池地頭以戰艦潛渡福祿江迤新隆縣阮宣尋
地方我兵和義道陳鳳不能拒勇郡公阮勻以大兵進
攻破之賊退出長江伺隙標掠我兵築土壘自牛津西
岸沿至安通江邊凡諸江口並樹木椿邊截以相拒守乃
密於安通河氏靜小江修造戰艦五十餘內裝尖頭船
身頭架盡板三如洋船樣布張羅網號曰龍麟船並
整備火攻檣筏於六月十九日夜寅刻潛出平陽大江襲

為價甚廉而平順鎮之鹽轉販辰復絡繹又永清鎮波心

處多出紅鹽其田水土黃赤庫晒辰濁泥渾清所致然一經

西煮濾出淨漚色更精白味又清甘絕勝他產唐人業此編

葉方包已時五六月後從鹽俗號四十包為一車轉賣於高

綿獲利甚裕九酢田魚宜紅鹽又初酢用紅鹽則再酢亦用紅

鹽若乍白乍紅則鹹臭敗矣用白鹽酢亦然

嘉定為穀米魚鹽之地偶於戊戌元年王師以步兵克復

嘉定西山偽都朱虎將軍司寇威猶仗水兵順流來往

物產

沙糖販與商舶之效一年可有六十萬餘斤而每百斤秤頭例用加五斤其他縣白蔗少沙多蜜止可作黑糖而已

銀礦出於河仙鎮真森山其苗甚旺尚在封固朝廷未事開採

鐵鑛出於邊和鎮隆城縣有鐵場民徵課開煮

蜂石邊和鎮多出土鑛匠人開掘乘其軟濕隨斫欲尺寸廣厚

即斫而成之若久見風日則頑老斧不可以入矣砌垣墻秘瓦糜

階河築墳墓與山石同其堅固而有小點孔竅望如蜂窠

故名

白鹽出邊和鎮福安縣泳楊地方每百斤鉛錢一陌

物產

月秧七八月稼十二月正月復芋四月熟十一月收番薯四月熟六月收

河仙鎮

堅江縣堅定清江二總並早田早田四月秧六月稼九月獲

芋三月熟七月收黃麥五月熟七月收甘蔗三月插七月收

龍川縣龍水廣川二總並晚田五月秧八月稼十一月獲

其甘蔗有紅白青並紅白間色四類又有象蔗大圍六七寸長十

餘尺清甘絕品所可榨糖者惟白蔗一類皮發白粉者為能成

之而沙糖惟邊和鎮福正縣所出除熬作冰糖肺糖外止計

物產

建登縣建利建豐二總並澤田土宜芋豆黃麥番薯瓜甘蔗

澤田六七月秧八九月稼正汛二月獲芋四月執十一月收六月蔣七月收

瓜四月執七月收 甘蔗十二月插來年九月收

建興縣建順興昌二總並早田晚田土宜芋瓜薯番黃麥

早田四五月秧六七月稼八九月獲晚田五六月秧八九月稼土宜瓜薯

芋四月執十二月收瓜十月執十二月收番薯四月蔣六月收

黃麥四月蔣七月收。建和縣建順和乎二總並早田晚田

土宜芋番薯早田四五月秧六七月稼十一月獲晚田五六

物產

澤田六月秧八月稼十二月獲 芋四月執十月收 豆黃麥番薯並

四月蒔七月收 甘藷正月蒔九月收

永平縣永長平正二總澤田土宜芋豆黃麥番薯 澤田六月

秧八月稼正月收 芋四月執十月收 豆四月蒔六月收 黃麥番

薯四月蒔七月收 永定縣土宜田事與永平縣同。

新安縣明德總 土宜芋 番薯 安保總 土宜芋 並是澤田 豆黃麥

永六月秧八月稼正月獲 芋四月執十月收 豆四月蒔八月收

定祥鎮建安府

物產

平安縣平正總並早安水總早田並晚田土宜芋、豆、番梨、土豆

芋十月執後年十月收 豆四月蔣六月收 土豆四月蔣十二月收

番梨三月執來年四月收

隆成縣隆永成二總並早晚田土宜水土宜番薯

早田五月秧六月稼九月獲 晚田六月秧七月稼十一月獲

瓜正月執八月收 西瓜十月執十二月收

永清鎮定遠府

永安縣永貞安忠二總澤田土宜芋、豆、黃麥、番薯、甘蔗

物產

福祿縣福田祿成二總並早田晚田

早田四月秧六月稼十月獲

晚田五月秧七月稼十一月獲

順安縣平格順道二總並早晚田惟平格總土宜芋瓜

芋四月執十月收

西瓜十月執十二月收

遷和鎮福隆府

福正縣福榮正美二總並早田晚田土宜豆黃麥甘蔗

早田五月秧六月稼九月獲 晚田六月秧七月稼十一月獲

早田四月將六月收 黃麥四月將七月收 甘蔗正月將十二月收

潘安鎮新平府

平陽縣平治陽和二總並早田晚田
凡田在舟濕處先得雨澤者為早田高燥者為晚田

宜芋豆黃麥番薯土豆瓜甘蔗

早田四月秧六月稼九月獲 晚田五月秧七月稼十一月獲

芋四月栽十月收 豆六月蒔七月收 黃麥四月蒔七月收

番薯四月蒔六月收 土豆四月蒔十一月收 甘蔗正月插十二月收

新隆縣新豐隆興二總並早晚田

早田四月秧六月稼十月獲 晚田五月秧七月稼十一月獲

水露足澆沃融液然後下耕而耕牛必選大力高蹄始堪行用
否則淪沒泥淖不能起矣其藩安邊和牛耕之田撞粟
一斛秋獲得粟百斛惟永清鎮全是澤田不用牛耕待
秋夏之交雨水盈溢斬伐蒲管祀草堆築為畔極
地插秧撞粟一斛收得粟三百斛殊甚肥美於定祥鎮
只達登縣頗有澤田功利如之其餘則牛耕之田然得穀亦
是倍收藩安次之而邊和又次之河仙之龍川登江畧如永清
之田而地利尚未盡墾其五鎮農作早晚物植土宜

詳列
于左

物產

糞料而已。未嘗晒乾磨粉儲作助饑之用。蓋嘉定人日食三餐，皆米飯，而米粥亦所罕食。況此外乎？以穀粟繁夥，年無荒歉故也。

具山田初墾者，剪伐草木，俟乾燒爲灰糞。連雨降辰，乘而播穀，不用耕耨，用力少而得利倍。三五年則易其處。如漢趙過代田法，是亦古刀耕火耨遺意。又原濕而業，徵山田久成熟者，則耕耘與草田同。

其草田者，蒲菅泥濘，乾燥日土，析龜紋，孳隙深大，須雨

其芋則甘芋蠟芋紅芋俗名血芋汁可染絳 慈芋水澤有虎芋白芋

紫芋大小相附而生又有薯蕷山薯芋薯蕷薯有紅黃白三色

香甜勝于他處萬薯蔓生葉如扁豆花綠色寔生土中

大如拳植者剪去蔓條止留七葉寔根始強大多結寔惟

當為類者任其蔓生取莢子候雨栽之

其瓜則東瓜西瓜熟於冬類異他處 金瓜黃瓜瓠瓜紅瓜絲瓜

苦瓜惟虎瓜可生食有青白花斑者則赤黃其款款

茄果為類甚多不能盡錄總之豆瓜芋蔬只克點心

染紅食辰不用加椿須用甌炊蒸乘熱洒猪脂葱葉

白鹽攪勻味甚甘脆

其菽則黃菽一名紅麥白菽紅白間菽惟白菽者寔生

長大密粒香粘他處莫比

其豆則黃豆黑豆綠豆扁豆白豆箸豆刀豆猪牙豆鳳眼

豆一名落花生香袋豆惟鳳眼豆生食醃醬榨油歲用不盡

油豆渣為餅用以糞田一年所出四十萬餘斤

其麻則黑麻芝麻草麻而黃梁薏苡間亦有之矣

物產

神物畢至不但土產尋常之物克物而已者也。

嘉定沃壤廣斥土產穀米魚鹽材木鳥獸具穀宜稻其稻之

類最多大抵秔秫二類而粘介乎其間秔者稻之不粘者

粒小性柔甚香爲有芒之穀也秫者粘穀粒圓而大有曰

糴穀粘穀糴西鳥取糴改秔終秔秔壯一撞菰諸名號

雖別有早晚粘燥之不同要其香美則以糴穀爲第一而

秔秔次之矣。

其糯則香軟蠟糯又有黑糯復名炭糯色紫黑汁可

嘉定城通誌卷之五

物產志

易曰天地定位山澤通氣山川者天地之氣脈也夏禹奠高
山大川而後寶藏興焉魚鱉生焉活潑自然而為山林川澤
無窮之利繫辭曰何以聚人曰財財出于地而用于人人之所
以為人資財以生不可一日無也禹貢六府孔修庶土交正慎
底財賦而國用恒足民生咸遂矣茲蓋伏遇聖天子視民
如傷為政以德將見天不愛道地不愛寶而鳥負圖龜呈瑞

音大士於極樂世界闔門閉慰終不可解不得已乃

結庵于大金嶼之左女欣居之繡觀音大像高比身下一

針念仗一聲三月告成生色動浮有如活仗雖浪工丹青妙

色一不能及其僧徒有八粵向海一檀寺以求南宗真詮者

故經典法戒誦讚聲調頗得禪門宗旨。

風俗

針線烹飪之事，頗為精巧。鄭都督辰有富女宋氏，霜者年纔及笄，女工絕，妓寮修為理，來往盈庭，女孩而不納，曰：須佛所教，方結因緣。父母不解，姑勉從之。適有游方僧

悟真者，持戒精進，念佉号不事經典，不茹腥味及五穀。日

止蔬菜瓜果一次而已。又多奇行人，名之曰菜僧。一日菜僧

過行門，見宋氏所晒褰衣，怡然而入，苦乞之，謂用酬供佉

之願。其女父母痛加為逐，女出勸止，僧大笑，大笑一聲長去。

自是女發慈心，口念佉願，棄人間事，剃髮為尼，以從侍覓。

髮而復包以中髮邊常挿曲釵以備披髮除搔頭瘡之用髮

塗香蠟直將而橫用之如西一字相對狀女則短衣窄袖

多愛天青玉藍翠羽魚白菜豆之青淡色包頭初則高髻

束其

油粉既成然後以手抑按而下之使髮曲垂于頭如鷄喉狀髻

頭用掌重押令扁且尖謂之新樣粧釵佩釵金玉交錯行進

直身無宛轉翔之態翔好長帕中蓋頭而行或加于肩或執在手

而不用筮食芙蓉則以南煙先塗兩齒齧而後含于左唇

間以誇示齒之光黑齋整之意馬又止刺繡縫衣作蜜料做食料

業農桑，多勇敢節義之士。建和縣沃壤肥田，徂日無際，故皆耕農力本之人。家有露積廩儲，粟米狼戾，其勤儉忠厚見義，優為安然有古之遺風矣。

河仙鎮

習尚華風而少紳衿，華夷雜處，專事商賈。其唐人高鑿人，閩人多沿海而居，地利未墾，民無土著，故遷徙不常。惟龍川望江二道，少有農民，頗知力本。故隸此鎮者，粟子常仰于此二道，以取給焉。性輕浮，好飭風雅，男用疏櫛，高束具。

風俗

以大藤索接串于釣鈎後，緊繫于鴨身。八江游泳，嚼餌惡鱷
 求來追逐，鱷本無腮，水中不敢開口，而掉尾亦無用力處。執人
 已稔知之，因與鱷狎，俟其近身，於水面開口來咬，乘機入鴨于
 口中，彼竟咽下，乃潛入江岸，相率收索，四集而刺殺之，其害始絕。
 此藝人之能，諸國亦所駭聞也。

定祥鎮

美湫處，風俗與潘安鎮同。見登縣，則專事田園，雖忠勇
 慝慝，間不乏人，而盜穴功潛藏，時亦不少。建興縣，半田半土人。

風俗

皆遷于城市以避其禍。村落鞠為荒草，竟有素獨夫匹婦本無羽黨，只虛題紙等語，自稱為綠林大寨將軍，青山無敵將軍，張大名號，暗授文書，嚇人取財，後以事久破綻，官法嚴戢，而民居始得寧帖。

此鎮又多鱷魚猛虎，居民慣不驚懼，雖小兒婦人有能持

草刀木杖以矜猛虎者。前年仙水江中，有鱷魚大五圍長可

六丈，辰常邀截行舟，打掉墜人，或覆舟，恐陵吞噬，名曰翁籠。吾人百計驅除，竟不能得，有鈎藝者，用大鐵鈎夾，掘生腸。

從事田園各有恒產，稱為富庶。地勢幅裂，江河流通，錯雜

如織，非舟楫不可行。故人皆善水，其處賦文，本岑蔚人

家相遠，故多強盜竊發。於西山八寇之辰，人家資財各白

埋藏，不敢由路積。故強盜掠無所得。士人阮文語，聚夥為匪，

常乘夜潛入捉人，以草包籠罩之。迂道而翁，置于深林僻壤，

中使不認，試人面及舌處。一人守之，先留匿名書，約將錢物

于某處，如數贖回。否則泄露，路者殺之。謂之丟包錢，賦文語

作備，群盜然起而踏襲之，遺害甚毒。故其處之大戶富家，

平安市號爲掬摸、淵藪、福祿、順安二縣、九畝一商、習尚古樸。

邊和鎮

山秀水清、俗厚事簡、士尚詩書、民勤耕織、各有恒業、文物暇

舍與華人同、惟隆城縣轄、碎潭地方、溝瀆紛雜、林數葱蔚

曠無民居、屢爲強盜潛伏、商客往來常戒途云。

永清鎮

龍湖沙的二處、風俗與高靈、潘安鎮同、而慣與高靈

國人交易往來、故多通其音語、此其異也、其餘人尚誠樸。

五鎮

潘安鎮

潘安鎮，士重節，名俗尚奢，萃文物，服舍器用多與中國

同，平陽、新隆二縣，民居稠密，舖市毗絡，梁家瓦屋，此此相望，多

福建、廣東、潮州、海南諸語，俗稱琼州府為海南及西洋暹羅諸國音語。

海洋船俗稱放洋火船日船商賈往來，帆檣絡百，貨湊集，為嘉定一大都。

會通國無此，慣習商賈多，市肆游蕩之人，有舟店者，曰江

湖之民者，有旅聚群，合曰四政之民者。政者正也，正四方，群許水之民，合而政也。

船心滿載甘水，就處挾取粟米。

俗有以粟米十斛號一百，百斛號一千，秤頭或用疔行，或加三

加五，輕重不等，度尺長短私制各殊，貿易者必先約明

某秤尺而後討價，否則終起爭敗，發生在每且也。途遙相

問，如曰買布一尺錢一貫，初未知為貴物，須問用某尺度

始識其詳，他物亦多類此，然而買者默已參酌而從之，

不以秤尺之大小長短為怪。現今國律頒行，秤尺斗斛欵有準定，

凡私造不平者照律處治，夫制夫新而萬百物始得其平也。

乃一定之法也。又以江劫掠人塗面改粧而失主恍惚一特者
認不出更無何物以為憑信難於追究保未候又令轄而

大小船艘其所任官司按據船主籍貫姓名詳查刻字

釘于船頭內裡違者罪之修為船簿存兩站於是

被劫失主得以見知指名告捕逆獲姦匪而息息矣。

藩安鎮福祿順安二縣定祥鎮建和縣地任近海泥

田鹹水間有鑿開池井水味雖淡而煮湯反鹹不堪茶飯

之用故常年十月雨止以後四月未雨以前業民有潞潞

收觸毀傷以備于訟者，然而誰為得失，固難剖斷，使得情也。

具辰屯營調遣參謀儀表候出令曰：凡行舟不論風水順逆，係

將近者皆相呼曰：八。俗稱舟左行曰 則我舟右行，彼舟亦右行。

取其順，拗掉以易使而相避也。若既呼八而他舟徕左行不避，

致觸毀者，則咎歸之矣。再其間尚有辨詞未屈服者，則

以輕載順水之姓船乘勢驟進者為曲理也。故至今行舟之

人使相避者，常止呼曰八云。其或有呼搥者，乃灣泊歸海津

遭風者，淺有事故者，方得如此。故呼曰搥者，常亦希罕。

風俗

其人士談常雜用唐語高蠻語。咱聞者亦習而知之而不
辨別其所以異。如謂括買曰叱、謂氣賺曰氣喚、揖謝曰舍、
扑載曰卜紂、匙曰叶齒、對除曰囉、扇墜曰侈囉、絲儀曰唵几、
猪肚曰嘈、猪背曰司天、麪線曰糗啞、此唐人之語也。渡江
尋龍、主事曰層蒙、船神曰神育、小色曰檣呀、對除曰啞。此
高蠻之語也。此皆他轄人所不識。茲畧舉以誌異云。

嘉定船艘处处有之。或以船為家。或藉以趨市。探親。故運柴
米行商賈尤以為利。而滿江舟楫。日度往來。舳舻相接。多有

速膳寫腕不離席而草式亦有與儼崇轉折變化之不同盛
取其順便而已猶中國百家草法名相反異不相蹈襲
之意云耳故草書公事多不用

其地多江河洲渚故十人而九善用船涉水且好食鱖

味晨有徒食鱖魚二桶可二十餘斤一餐而足以蒸燻戲

又飲賭順化茶昔有阮文盛與人賭飲用龍壺一大

口滿痰貯甘水手自煮茶酌大碗而連飲之牙眼

重衣汗出如雨須臾水盡遂能賭勝

昔有無廉恥之徒與人少有爭竟爭角口不論人之曾

否毆即投身臥地毀裂衣襟孤傷身體呻吟呼喊

嫁禍人于以索罰謝之謂臥禍近來官以痛懲在在革

國人皆學中國經籍間有國音土語亦取書中文字

六

聲音相近者造類而旁加之如金類則旁加金木類加

木言語則加口之類做六卡法或假借會意諧聲以相白

識原無本國別樣文字其寫字亦鋪紙於几上真草

篆隸四字法隨其書之亦或有人左手執紙右手授筆

湯水則隨其鄉俗家俗慣用南藥木根之類碎斫

煮水而常服之。滿月出外則週身塗鬱金以禦風。

週年造湯餅禮謝胎生十二月之神恩男則計一月退減二日。

女則減二日以為禮日。週歲時盤依如中國其天不問軍

民並免一月徭役謂之告利水亦斟酌保養之道。

俗有村僻之人有所難言隙必就古廟或三岐路立斬芭

蕉而倒植之又磔鷄子于其上暗將仇人姓名默呪咀

之仇人或有偶致病恙困厄者蓋所效蠻俗之尤也

風俗

流之人始有鞋靴，今則漸染華風。雖傭人婢女亦有皮履布鞋。

其地多江河洲渚，十人而九善涉水使船，好食鹹味。日三

餐皆食飯而少食粥。

朱

其俗臨產之家，則以退食薪一段，析木竿橫插之，立於

門前，生男則退火薪頭向內，女則向外，以為標示。俗名標噍

過絕產難，不生育血暈，兒枕凶喪，諸不吉之人，並不許

進。其婦臥於床上，炭火烘熾於其下，日夜不絕。又

以火鍋壓熨其腹，日夜一二候，食辛鹹乾燥之物，湯

風俗

先宰猪分送諸相識，告以日期，請來觀者，謂之餽禮。至日，隨其厚薄，將錢赴禮觀者，飲食醉飽而歸，厥後相識者有赴場，仍行餽禮于甲，則甲不得不往。如乙先施于甲，錢一貫，則甲報禮于乙，加倍為二貫。後甲有事而乙往，又加為三貫，往復遞加，多至百貫者有之。致有稱貸以回餽禮，或有家貧不能酬報如數，竟向索計相構于訟者有之。經奉嚴禁，此風今已屏息。

唐人昔有號嘉定為赤脚人，從前惟官司豪右鋪市風

嘉定以歲暮省掃培築祖先培築墳墓事經奉有回

典出以為節近元陽人家徠事整飭况子孫事死如生之禮安

有坐視草木蕪穢墳墓崩缺而不修理乎雖墓祭古礼所無而

礼以義起視夫中華清明祭掃者於我國惟用腊其義

為最

十四 7b

嘉定客至先進笑柳進繼飯餅務必豐富不問人之親疎

生燕踪跡下落必皆收納款待故游行者可不厭厨糧而滿

逃人頗多蓋有所容養故也

其俗凡有祈禱樂事俱用演戲如甲家將起戲場必

風俗

衣封鉦鼓行正祭禮次日繹祭謂之大團禮成而退祭辰隨

其鄉俗或用正月取春祈之義或用八九月取秋報之義或

用三冬取終歲成功蒸蜡祭報神之義各有所本皆謂之

祈安祭品有無牛羊歌唱各隨鄉例坐次儀節次序皆讓

鄉官為首間有學識之鄉用鄉飲酒禮而行兼講國律

中滴約斯稱美里大約是日凡鄉中一歲收納賦稅徭役

錢穀盈縮若何人由登耗若何同會面呈扣算與夫保置

管幹鄉中職事之人亦於是日交代。

風俗

間有此頭乃力量之人用力壓下使彼頭之人坐於高危虛空

之際無從駐脚而白顛倒以穩其足多致跌傷此二戲正皆鄙陋非是風流遊戲

元旦祀先有陳設甘蔗連株者且備果品食物俗傳供

備祖先為扶老杖至有鄙人徵為文詞殊屬謬妄可笑

元旦節貴賤大小皆同醉飽嬉遊雖村夫賤役亦有

禮讓可覓自重九上標日以往家家競作賭錢法所不禁至下標而止

端陽七夕中秋諸佳節多如萃制社祭每鄉各建一亭祭期預

先擇日至日下是長幼咸集留宿过夜謂之宿謁明日清晨

風俗

服飄望^然之如群仙飛舞於雲霧中甚是好者並以元旦日

起元宵日止又有立兩木柱橫架圓木如韜繩于木上其

繩一頭繫短木一頭空垂戲人立短木上對身緊靠

繩索兩手執繩空頭用力快收漸次升高盤旋以為戲

^{俗名}擲球再有一戲中立一短柱高至臍其上斲而小之以為筒頭

更用木長五六尺圓七八寸木之正中鑿開一竅深半之橫

加柱上筒竅相與兩男對面分頭夾座兩手持木兩足騰

踏旋送上下盤轉^{順逆}以為樂^{俗名擲}亦有穴地置懸^者賞物

若排空謂之打鞦韆。有好事者上掛巾扇銀錢懸當負之物。

使高者至掛物處手急攫取必能得之。誇示出眾偶有跌

墜折傷至重。這懸當負事戒宜止。間有二人或三四人全打

男則全男女則全女不相混雜。又有雲車鞦韆戲。

俗名
椰仙

其制兩旁高豎木柱橫架活機木軸一貫於木板

車輪中如水車狀輪輻間分置鞦韆坐架板八座。婦女

八人裝束嬌媚衣服鮮新排次登上先倩旁人旋次送

則每座近地之人輪流以足騰踏用力送起旋轉急驟衣

為此延留至初五或初七而每日則以籃物進食為狐惑怪誕
 藝噴祭祀宜遵國典初三日遊錢為是凡遇此訛失當
 參酌禮儀改之可也。

嘉定元旦節有架鞦韆戲與中間鞦韆異其制束竹為柱
 左右凡三旋豎圓榱中間於鞦韆架營縱送之處其前後
 之左右四柱分柱監柱稍寬竹柱頭總而紫繫之橫架圓木貫雙輪
 轆接掛兩竹竿長下近地量人恰可登者橫架木砍以為
 站立之處一人登之兩手執竹竿曲身起伏使風縱送勢

于先祖次早晚二候如事生之禮。菓品糖餅一切食物悉

盛鋪陳。至初三日送神謂之送餞。所用祀器有糊紙如

冥器之物且多燒紙砲。又有銅砲鐵砲聲震林谷。鄉

亮不絕。飲紅酒食糯餅。考元旦之節雖禮書所無然此

乃厚物道於義無妨。惟士者欽遵國典隨其職公敬謹奉

行而不炫自變。更除遵典禮條件應行外。所有某事事失禮

如俗傳初三日為官府進餞先祖起行。則庶民不可同日

以避先祖於冥中。所被拘索扛抬公貨之役為此延留

治荒唐之說，不可爲訓。揣其意，殆之中國人於元日，用爆竹桃符、端午揮艾葉菖蒲之類，蓋所取標表新年而掃除舊惡之義云耳。初七日撒下，謂之下標。凡債貫賒欠者，節內不得索問，須至下標日始得追問。

俗以歲底製新鮮衣服潔淨家庭，粘掛新聯，排設几案，盤飭奉祀祖先之所，盤陳其所，有以相誇示，戒飭子孫，凡事謹慎，以下一年之兆。元旦寅辰初起，點香燈，進茶湯，祀并先祖，次拜尊長，祝以新春富貴之慶，設饌饌致薦。

冬除北河隨習為衣冠文獻之邦矣。

農耐年節於腊月二十八日之夜夜儼人符俗名樗初擊胡鼓叩鈞

板十五為群沿街朝翔視豪富之家排闥而入粘符諸門誦

念神呪鼓拍齊起繼以祝賀歌嘯主人即用饋饌茶酒

款設並封錢賞謝爾往他家亦復如是至除夕而止是亦

驅邪送魅除舊迎新之意。

除夕日家家於大門前各立竹竿上繫竹篾內裝夫

御石炭旁掛金銀紙謂之上標其原始無所考究而三界始

風俗

高蠻閩閩

凡滿刺加三十六港口必安山蠻
拜日道者總稱之曰閩閩

諸國僑寓居多

雜而衣服器用各從其國惟我越人循習交趾故官職

帶高山中服披風衣穿皮鞋士庶披髮跣足男女皆直

領短袖衣合健縫而腋無裙袴男用布一股纏腰至尻下勒

至臍各之曰袴女有摺圍裙戴大笠吸煙鑄腰犀席地墊無

世宗孝武皇帝戊午元年黎懿宗永佑四年改定色服其

文武衣服參酌漢唐正代至大明制度及新製式樣如令

官制品服會典文質兼備士庶服舍器用畧如明人体制

風俗

儀節行乎其間，其喪祭多有用樂，居喪或用青黑絲絹，正如蘇東坡所云：鍾鼓不分哀樂事，衣冠難辨吉凶。人今則禮律興行，風俗丕變，彬彬然為禮義之邦矣。

俗有居世從氏，改用齋薦，四十九日而止，喪葬必盛酒肉餽饌，以待吊送，及賓客，此迷信地理家，有停柩經年以擇

風水者，現今嚴禁，並見釐革。

嘉定為越南開拓之初，我國流民與唐人俗稱大清人為唐人，號四鄰，稱中

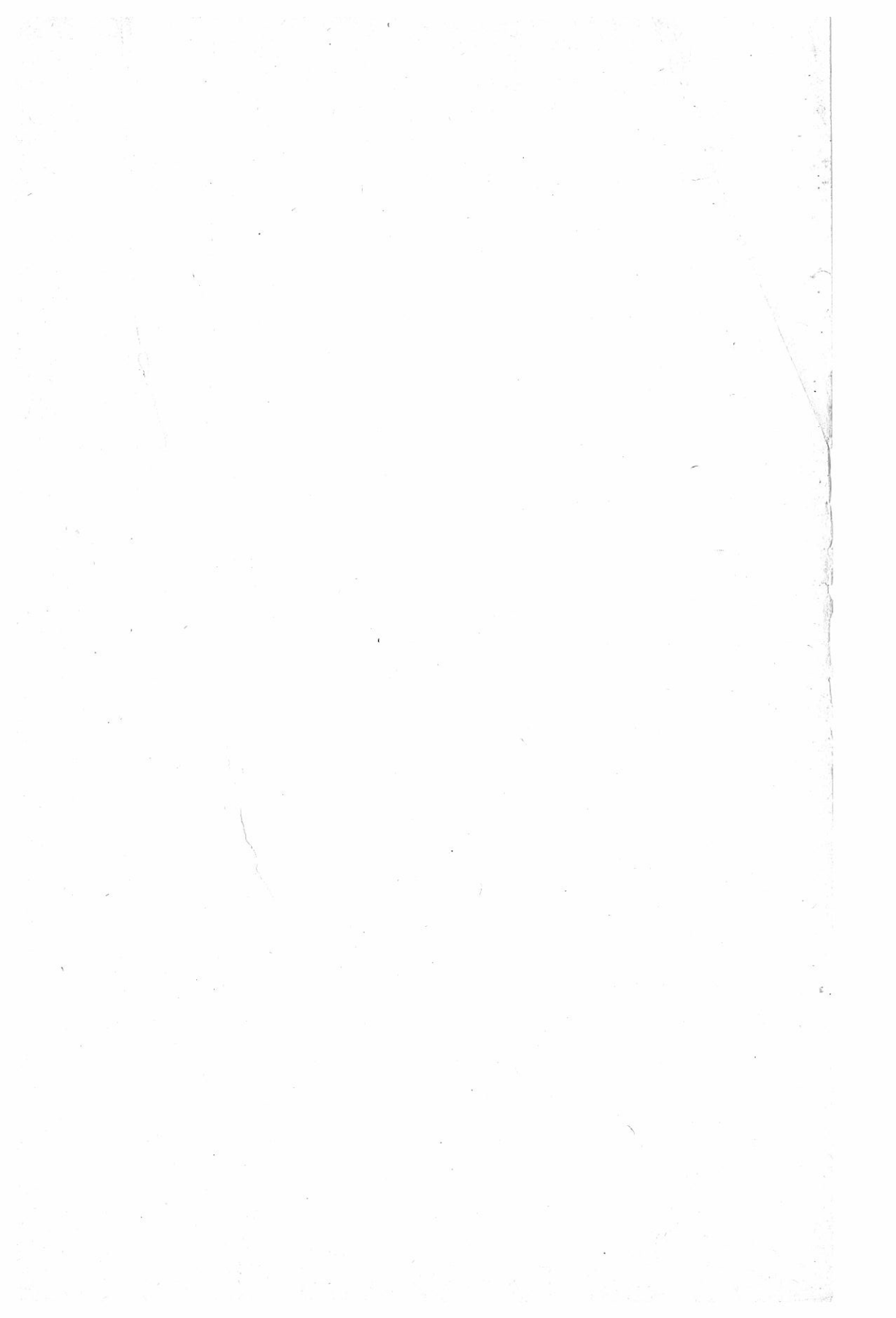
日人為謀人，非而劉漢之漢，亦非李唐之唐，西洋富浪沙紅毛震來，卡以唐唐之唐，自居不免誇大。馮瑤諸西國

風俗

嘉定城通誌卷之四

風俗誌

南方離火爲文明之卦。故士尚節義事理學。民務耕
織工賈。然地曷旁麗。揚州星野。揚謂發揚於性。或失之輕
揚。而風化醇疵。氣習厚薄。則隨辰隨地。或有變殊。今聖
天子化大教。成仁宏。照育嘉定。爲興復之基。恩隆培養。
準定制。度班佈律條。設縣官以勸課。平決之。委鎮官以旬宣
安集之。選哲學。官以教導之。命總鎮官以節制。綏撫之。



書 叢 化 文

嘉 定 城 通 志

下

者 作
鄭 懷 德

化 文 責 特 府 鄉 務 國 和 共 南 越
年 二 七 百 九 千 一 曆 陽 版 出 衙 化 文